

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA

**THUYẾT MINH ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐỊNH HÓA,
TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2045**

Địa điểm: Huyện Định Hóa - tỉnh Thái Nguyên

(Hồ sơ trình thẩm định lần 1)



Định Hóa, tháng 6 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN ĐỊNH HÓA,
TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2045
(Hồ sơ trình thẩm định lần 1)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG



TRƯỞNG PHÒNG
Vũ Thanh Hải

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
LIÊN DANH TƯ VẤN GITAD



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mậu Tùng

Định Hoá, tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1: MỞ ĐẦU	1
1.1 Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch huyện	1
1.2 Căn cứ lập quy hoạch	2
1.2.1 Các văn bản của trung ương	2
1.2.2 Các văn bản của tỉnh Thái Nguyên	3
1.2.3 Các văn bản của huyện	4
1.2.4 Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng	5
1.2.5 Cơ sở thông tin, số liệu, tư liệu liên quan	5
1.3 Vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch	8
1.3.1 Vị trí địa lý	8
1.3.2 Quy mô lập quy hoạch	9
1.3.3 Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch.....	9
1.4 Quan điểm và mục tiêu phát triển của huyện Định Hoá	9
1.4.1 Quan điểm phát triển của huyện	9
1.5 Mục tiêu phát triển của huyện	10
1.5.1 Mục tiêu tổng quát	10
1.5.2 Mục tiêu cụ thể	10
PHẦN 2: PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG	12
2.1 Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên	12
2.1.1 Vị trí địa lý	12
2.1.2 Địa hình, địa mạo	13
2.1.3 Khí hậu	15
2.1.4 Thủy văn	15
2.1.5 Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	17
2.2 Hiện trạng kinh tế - xã hội	20
2.3 Hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng huyện	21
2.3.1 Hiện trạng phân bố đô thị	21
2.3.2 Hiện trạng phân bố điểm dân cư nông thôn	22
2.3.3 Sự biến động về dân số	25
2.4 Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai	26
2.4.1 Đất nông nghiệp	26
2.4.2 Đất phi nông nghiệp	27
2.4.3 Đất chưa sử dụng	28
2.5 Hiện trạng hạ tầng xã hội	28
2.5.1 Trụ sở, cơ quan hành chính sự nghiệp	28

2.5.2	Thương mại, dịch vụ	28
2.5.3	Cơ sở lưu trú du lịch:	29
2.5.4	Giáo dục, đào tạo	30
2.5.5	Y tế.....	31
2.5.6	Văn hoá, du lịch, thể dục, thể thao.....	32
2.6	Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	37
2.6.1	Hiện trạng hệ thống giao thông.....	37
2.6.2	Hiện trạng nền xây dựng và thoát nước mặt.....	39
2.6.3	Hiện trạng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai.....	39
2.6.4	Hiện trạng hệ thống cấp nước	40
2.6.5	Hiện trạng hệ thống thoát nước thải.....	41
2.6.6	Hiện trạng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn	41
2.6.7	Hiện trạng nghĩa trang	42
2.6.8	Hiện trạng hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc	42
2.6.9	Hiện trạng tài nguyên.....	43
2.6.10	Hiện trạng môi trường.....	43
2.7	Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng huyện	44
2.7.1	Quy hoạch cấp trên	44
2.7.2	Quy hoạch cùng cấp các huyện giáp ranh huyện Định Hoá	45
2.7.3	Các chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc địa bàn huyện	45
2.8	Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	46
	PHẦN 3: ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN.....	47
3.1	Xác định động lực và tiềm năng phát triển của huyện Định Hoá	47
3.1.1	Tiềm năng phát triển	47
3.1.2	Động lực phát triển	49
3.2	Tác động của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (Cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh) đối với huyện	51
3.2.1	Tác động từ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp trên đối với huyện.....	51
3.2.2	Tác động từ hệ thống hạ tầng xã hội cấp trên đối với huyện	51
3.3	Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hoá, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường	51
3.3.1	Nguyên tắc dự báo	51
3.3.2	Dự báo về phát triển kinh tế.....	52
3.3.3	Dự báo về dân số & lao động.....	52
3.3.4	Dự báo về nhu cầu sử dụng đất.....	55
	PHẦN 4: TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG	55

4.1 Nguyên tắc quy hoạch.....	55
4.2 Tính chất vùng quy hoạch.....	56
4.3 Tầm nhìn.....	56
4.4 Ý tưởng, mô hình cấu trúc phát triển vùng.....	57
4.5 Tổ chức phân vùng và yêu cầu quản lý, phát triển theo phân vùng	59
PHẦN 5: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN HUYỆN	63
5.1 Khu vực phát triển đô thị, dân cư nông thôn	63
5.1.1 Khu vực phát triển hệ thống đô thị	63
5.1.2 Định hướng phát triển hệ thống trung tâm xã, cụm xã và khu vực phát triển dân cư nông thôn	67
5.1.3 Định hướng phát triển không gian khu vực phát triển dân cư nông thôn	70
5.1.4 Định hướng phát triển không gian khu vực an ninh quốc phòng	70
5.1.5 Định hướng phát triển không gian khu vực nông, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và công nghiệp	71
5.1.6 Khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chuyên ngành.....	75
PHẦN 6: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI	76
6.1 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm hành chính	76
6.1.1 Trung tâm hành chính	76
6.2 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm thương mại – dịch vụ và du lịch.....	76
6.2.1 Trung tâm thương mại – dịch vụ	76
6.2.2 Du lịch.....	76
6.3 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm văn hoá, thể dục – thể thao.....	77
6.4 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm giáo dục và đào tạo.....	77
6.5 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm y tế.....	78
6.6 Danh mục các quy hoạch cấp dưới cần lập theo các giai đoạn phát triển.....	79
PHẦN 7: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	79
7.1 Về chuẩn bị kỹ thuật.....	79
7.1.1 Nguyên tắc thiết kế	79
7.1.2 Các giải pháp phòng chống lũ và giảm nhẹ thiên tai	80
7.1.3 Định hướng cao độ nền.....	81
7.1.4 Định hướng thoát nước mưa	82
7.2 Về giao thông.....	85
7.2.1 Quan điểm và mục tiêu phát triển giao thông	85
7.2.2 Quy hoạch giao thông:	86
7.3 Về hệ thống cấp điện.....	91
7.3.1 Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện	91
7.3.2 Dự báo nhu cầu cấp điện.....	92

7.3.3	Định hướng hệ thống cấp điện.....	92
7.4	Về hệ thống cấp nước	94
7.4.1	Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước:.....	94
7.4.2	Định hướng hệ thống cấp nước:.....	94
7.5	Về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.....	96
7.5.1	Dự báo nhu cầu phát sinh nước thải:	96
7.5.2	Hệ thống thoát nước thải:.....	97
7.5.3	Hệ thống nhà máy xử lý nước thải.....	98
7.6	Về quản lý chất thải	98
7.6.1	Chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn.....	98
7.6.2	Giải pháp quản lý chất thải rắn	100
7.7	Về nghĩa trang.....	102
7.7.1	Dự báo nhu cầu đất nghĩa trang	102
7.7.2	Giải pháp về nhà tang lễ	103
7.8	Về hạ tầng viễn thông thụ động.....	103
7.8.1	Định hướng chung	103
7.8.2	Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động	103
PHẦN 8: XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ		105
PHẦN 9: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		105
9.1	Bảo vệ môi trường nước.....	105
9.2	Giải pháp quản lý chất lượng không khí.....	106
9.3	8.3. Giải pháp quản lý môi trường đất.....	106
9.4	8.4. Giải pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học	107
9.5	8.5 . Các giải pháp đối với môi trường xã hội và nhân văn.....	107
9.6	8.7. Các giải pháp khác.....	109
PHẦN 10: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SAU KHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT.....		110
PHẦN 11: KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ		111
11.1	Kết luận.....	111
11.2	Kiến nghị.....	111
PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG DÂN SỐ HUYỆN ĐỊNH HÓA TÍNH ĐẾN 01/01/2023		1
PHỤ LỤC 2: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN KHU VỰC DÂN CƯ NÔNG THÔN		3
PHỤ LỤC 3: CÁC BẢNG TÍNH TOÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....		1
PHỤ LỤC 4: CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ		9

PHẦN 1: MỞ ĐẦU

1.1 Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch huyện

Định Hóa là một huyện miền núi nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo Quốc lộ 3, Quốc lộ 3C và Quốc lộ 37; nằm trong tọa độ từ 24005', đến 24040' độ vĩ bắc, từ 185005' đến 185080' độ kinh đông, với tổng diện tích tự nhiên là 513,774km².

Huyện Định Hóa có vị trí quan trọng trong tỉnh Thái Nguyên, huyện có tuyến Quốc lộ 3C, đường Hồ Chí Minh kết nối với tỉnh Tuyên Quang và huyện Phú Lương tới thành phố Thái Nguyên; đường tỉnh lộ gồm: Đường ĐT264, 264B kết nối với huyện Định Hóa, Đường ĐT263D kết nối với huyện Phú Lương. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh Thái Nguyên nhiều tuyến đường đã và đang được nâng cấp và mở rộng, những tuyến giao thông quan trọng này sẽ góp phần tác động phát triển kinh tế - xã hội huyện Định Hóa trong giai đoạn sắp tới, điều đó cũng đòi hỏi sự cần thiết lập quy hoạch nhằm phát huy các thế mạnh, các tiềm năng của huyện và kết nối chặt chẽ với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và cả vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Huyện Định Hoá nằm trong khu di tích quốc gia đặc biệt An Toàn Khu (ATK) Định Hoá, là “Thủ đô Gió Ngàn, Chiến khu Việt Bắc”, là quần thể di tích lịch sử cách mạng quan trọng của Việt Nam trong thế kỷ XX, có ý nghĩa và giá trị đặc biệt. Trên địa bàn huyện có chủ yếu 8 dân tộc anh em sinh sống (Kinh, Tày, Nùng, Sán Chay, Dao, Hoa, Mường, Thái) trong đó dân tộc thiểu số chiếm 73,58%, dân tộc Kinh chiếm 26,42%. Điều đó đã mang lại những giá trị, sự phong phú về văn hoá của Định Hoá. Trên địa bàn huyện ngoài các di tích lịch sử - văn hoá còn có nhiều các di sản văn hoá phi vật thể như: Nghi lễ mùa Then của dân tộc Tày, múa rối Đồng Thịnh, Bình Yên; Lễ hội Lồng Tồng; Lượn Còi; Pá Dung.... Quần thể các di tích lịch sử cách mạng ATK, các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc cùng với các khu vực có giá trị về cảnh quan thiên nhiên đã tạo nên những tài nguyên du lịch có giá trị thu hút du khách, điều đó cũng đòi hỏi cần phải được nghiên cứu trong quy hoạch xây dựng vùng huyện một cách đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế xã hội cho huyện trong tương lai.

Huyện Định Hóa có 22 xã và 01 thị trấn với tổng dân số năm 2020 là 89.991 người. Thực hiện theo nội dung chỉ đạo, kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ ngày 18/2/2022 về thực hiện Đề án Xây dựng huyện Định Hoá đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023 tại phòng họp Tân Trào – Nhà Quốc hội, cũng như các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên, Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025 cùng các quyết định của HĐND, UBND huyện Định Hoá về việc Xây dựng huyện Định Hoá đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023. Để đảm bảo theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8/3/2022, huyện Định Hoá cần phải có những lộ trình cùng những chỉ tiêu cơ bản được tích hợp trong Quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Thực hiện theo Luật Quy hoạch (2017); Luật Xây dựng (2014); Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (số 62/2020/QH14) về Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

nhằm tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương giúp phát huy sức mạnh, góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc; xây dựng Định Hóa giàu mạnh, văn minh.

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 được lập là cơ sở để tổ chức, quản lý, thực hiện có hiệu quả các giải pháp tổ chức không gian của đô thị, nông thôn và các khu chức năng; tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tạo lập môi trường thích hợp cho người dân sinh sống, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích nhà nước với lợi ích cộng đồng, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, gìn giữ cảnh quan thiên nhiên, giá trị sinh thái, giá trị nhân văn và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Từ những lý do nêu trên, việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 là hết sức cần thiết.

1.2 Căn cứ lập quy hoạch

1.2.1 Các văn bản của trung ương

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Luật Di sản Văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/06/2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 21/12/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18/6/2019;
- Các Nghị quyết về phân loại đô thị và tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016; số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016; số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022; số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ về “Ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Các nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 17/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030.
- Quyết định 1008/QĐ-TTg ngày 24/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên;
- Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

1.2.2 Các văn bản của tỉnh Thái Nguyên

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.
- Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 4109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2035; số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;
- Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa đến năm 2030;
- Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên,

- giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
 - Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
 - Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên V/v phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2030;
 - Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
 - Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.
 - Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
 - Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;
 - Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045.
 - Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030

1.2.3 Các văn bản của huyện

- Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 28/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025.
- Quyết định 7911/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về việc Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
- Văn bản số 133/BC-UBND của UBND huyện Định Hóa ngày 05/5/2021 V/v đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020; định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Định Hóa phục vụ công tác quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

- Quyết định số 6532/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Định Hóa về việc phê duyệt Đề án xây dựng thị trấn Chợ Chu đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025.

1.2.4 Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

- QCXDQG 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021;
- QCKTQG 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật số;
- TCVN 7957-2008 Thoát nước – Mạng lưới công trình bên ngoài và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4054-2005 Đường ô tô- Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 10380-2014 Đường GTNT- Yêu cầu thiết kế;

1.2.5 Cơ sở thông tin, số liệu, tư liệu liên quan

TT	Tên tài liệu	Nguồn
1.	Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010-2020;	
2.	Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025 (chưa được phê duyệt);	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3.	Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;	
4.	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Thái Nguyên năm 2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp;	Phòng Tài nguyên và Môi trường
5.	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2020 – 2030;	
6.	Bản đồ đo đạc hiện trạng huyện Định Hóa do Xí nghiệp đo đạc bản đồ Nông nghiệp I lập năm 2022;	
7.	Niên giám thống kê huyện Định Hóa năm 2021	Phòng Thống kê
8.	Diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Thái Nguyên tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2023	Phòng Nội vụ
9.	Các bản vẽ chương trình Nông thôn mới	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
10.	Danh mục các công trình đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2021 - 2025	Phòng Kinh tế - Hạ tầng

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên tài liệu	Nguồn
11.	Dự kiến các công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
12.	Quy hoạch cụm công nghiệp Tân Dương	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
13.	Quy hoạch cụm công nghiệp Kim Sơn	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
14.	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020, huyện Định Hóa – tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
15.	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, huyện Định Hóa – tỉnh Thái Nguyên	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
16.	Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề huyện Định Hóa giai đoạn 2022-2030	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
17.	Bản đồ quy hoạch xây dựng vùng ATK	Phòng Kinh tế - Hạ tầng
18.	Thống kê đất đai năm 2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường
19.	Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Định Hóa – tỉnh Thái Nguyên	Phòng Tài nguyên và Môi trường
20.	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 huyện Định Hóa	Phòng Tài nguyên và Môi trường
21.	Báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Định Hóa – tỉnh Thái Nguyên	Phòng Tài nguyên và Môi trường
22.	Thực trạng lĩnh vực y tế huyện Định Hóa giai đoạn 1997-2020	Trung tâm Y tế
23.	Định hướng lĩnh vực dân số, lao động, việc làm huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2030	Trung tâm Y tế
24.	Lĩnh vực y tế huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2030	Trung tâm Y tế
25.	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
26.	Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Định Hóa, giai đoạn 2010-2020, phương hướng nhiệm vụ 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
27.	Số liệu phục vụ công tác lập quy hoạch của phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
28.	Biểu tổng hợp các khu vực, vị trí có nguy cơ xảy ra thiên tai năm 2022	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên tài liệu	Nguồn
29.	Báo cáo tổng kết năm học	Phòng Giáo dục và Đào tạo
30.	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018 và phương hướng nhiệm vụ giải pháp chủ yếu năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo
31.	Báo cáo tổng kết nhiệm kì 2015 - 2020	Phòng Giáo dục và Đào tạo
32.	Nhị quyết thông qua đề án “phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Văn hóa - Thể thao
33.	Danh mục di tích đã được xếp hạng trên địa bàn huyện Định Hóa	Phòng Văn hóa - Thể thao
34.	Danh mục di tích đã được kiểm kê trên địa bàn huyện Định Hóa đến tháng 2 năm 2023	Phòng Văn hóa - Thể thao
35.	Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Văn hóa - Thể thao
36.	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”	Phòng Văn hóa - Thể thao
37.	Nghị quyết 01-NQ/HU đại hội đại biểu lần thứ xxiv, nhiệm kỳ 2020-2025	Phòng Văn hóa - Thể thao
38.	Báo cáo số liệu, thông tin giai đoạn (2010-2020) và kế hoạch hoạt động của trung tâm văn hóa-thể thao và truyền thông (2021-2030)	Trung tâm văn hóa –Thể thao và Truyền thông
39.	Báo cáo số liệu, thông tin giai đoạn (2010-2020) và kế hoạch hoạt động của trung tâm văn hóa-thể thao và truyền thông (2021-2030)	Trung tâm văn hóa –Thể thao và Truyền thông
40.	Đề cương lấy ý kiến về hiện trạng và định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa đến năm 2045	Điện lực
41.	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác lao động, người có công và xã hội giai đoạn 2010 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030	Phòng Lao động thương binh và Xã hội
42.	Định hướng lĩnh vực dân số, lao động, việc làm huyện định hóa giai đoạn 2021-2030	Phòng Lao động thương binh và Xã hội
43.	Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ huyện lần XXIV	Phòng Tài chính

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên tài liệu	Nguồn
44.	Phụ lục báo cáo chính trị: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015-2020	Phòng Tài chính
45.	Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ huyện lần thứ xxiv, nhiệm kỳ 2020 - 2025	Phòng Tài chính
46.	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020-2025	Phòng Tài chính
47.	Dự kiến chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp đến năm 2025, định hướng đến 2030	Phòng Tài chính
48.	Tờ trình Về việc đề nghị thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 huyện Định Hóa	Phòng Tài chính
49.	Nghị quyết 02/NQ-HĐND thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025	Phòng Tài chính
50.	Kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội huyện định hóa 05 năm 2021-2025	Phòng Tài chính
51.	Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 huyện Định Hóa	Phòng Tài chính
52.	Báo cáo công tác triển khai thu thập thông tin, số liệu thực hiện lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn huyện Định Hóa	Phòng Tài chính
53.	Thực trạng lĩnh vực văn hóa, du lịch, thông tin, thể thao huyện định hóa giai đoạn 1997-2020	Phòng Tài chính
54.	Báo cáo tổng kết hoạt động của UBND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026	Văn phòng huyện
55.	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành năm 2020 và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020	Văn phòng huyện
56.	Báo cáo số liệu BCVT năm 2022	Viện thông
57.	Tổng quan huyện Định Hóa	Viện thông

1.3 Vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch

1.3.1 Vị trí địa lý.

Định Hóa là huyện miền núi nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Thái Nguyên, có tọa độ địa lý: Vĩ độ Bắc từ 24005' đến 24040'; Kinh độ Đông từ 185005' đến 185080'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo quốc lộ 3 và quốc lộ 3C, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn và huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn);
- Phía Nam: Giáp huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
- Phía Đông: Giáp huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên).
- Phía Tây và Tây Nam: Giáp huyện Yên Sơn và huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).

1.3.2 Quy mô lập quy hoạch

Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: Toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Định Hóa với 51.377,44 ha, 23 đơn vị hành chính (gồm 22 xã và 01 thị trấn), quy mô dân số năm 2020 là 89.991 người.

1.3.3 Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch của đồ án là toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Định Hóa.

1.4 Quan điểm và mục tiêu phát triển của huyện Định Hóa

1.4.1 Quan điểm phát triển của huyện

Quán triệt đường lối, chủ trương, định hướng chiến lược và pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên và Đại hội Đại biểu và Đảng bộ huyện Định Hóa; quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, dự báo chính xác, kịp thời với diễn biến của huyện trong nghiên cứu lập, thực hiện QHXD vùng huyện, phục vụ hiệu quả cho phát triển cho phát triển KT-XH của huyện Định Hóa thời kỳ 2021-2035, tầm nhìn đến năm 2045.

“Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh và bền vững dựa trên chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh liên kết vùng, khai thác có hiệu quả quần thể các di tích lịch sử cách mạng ATK, các giá trị văn hoá truyền thống, giá trị về cảnh quan thiên nhiên nhằm phát triển kinh tế du lịch gắn với cùng với phát triển nông nghiệp và phát triển sản phẩm OCOP, từng bước đẩy mạnh phát triển công nghiệp và đô thị hóa để trở thành động lực thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ; phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông nghiệp an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của huyện, đảm bảo phát triển nhanh, bền vững, phát triển hài hoà giữa hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng có vai trò động lực, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển xã hội, văn hóa; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ hiện đại; nâng cao chất lượng điều kiện sinh kế và an sinh xã hội, y tế, xóa đói giảm nghèo; giáo dục, bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử-văn hóa, cảnh quan môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị, thị trấn, trung tâm cụm xã, các điểm dân cư, các khu chức năng thành các trung tâm kinh tế - xã hội làm hạt nhân thúc đẩy các vùng nông thôn khó khăn, đặc biệt khó khăn trong huyện phát triển bền vững. Khai thác và sử dụng tối ưu kết cấu hạ tầng hiện có với phát triển mở rộng mạng lưới, kết cấu hạ

tăng xã hội và kỹ thuật theo hướng hiện đại và đồng bộ. Nâng cao hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tập trung đầu tư phát triển và quản lý xây dựng huyện theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên năng lượng và có bản sắc văn hóa địa phương gắn với bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch công nghiệp, TTCN, du lịch - dịch vụ, các vùng nông nghiệp tạo tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

1.5 Mục tiêu phát triển của huyện

1.5.1 Mục tiêu tổng quát¹

1. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa thời kỳ 2021 – 2045 là cơ sở để xây dựng huyện Định Hóa phát triển nhanh, bền vững trở thành một trong những huyện phát triển ổn định và có môi trường trong lành, sinh thái cân bằng; là cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý trong phát triển KT - XH, hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng và kiến tạo động lực phát triển sản xuất; Là cơ sở tập trung huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, kết cấu hạ tầng; hoàn thành thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các nhiệm vụ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân;

2. Cụ thể hóa các mục tiêu trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, khai thác có hiệu quả các thế mạnh trong mối quan hệ vùng, tỉnh, xác định các động lực phát triển kinh tế - xã hội từ đó đưa ra những dự báo và định hướng phát triển không gian phù hợp với mục tiêu phát triển huyện;

3. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để đưa Định Hóa phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Xây dựng Định Hóa trở thành một huyện phát triển kinh tế du lịch và văn hóa, sinh thái của tiểu vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên. Thiết lập các trục không gian kinh tế Bắc Nam, Đông Tây kết nối vùng và tỉnh, gắn với các trung tâm đô thị, trung tâm du lịch, nông nghiệp và công nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

4. Quy hoạch xây dựng vùng huyện là công cụ pháp lý quan trọng của Đảng, Chính quyền huyện Định Hóa thực hiện điều hành, quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển huyện trong giai đoạn 2021 – 2045;

5. Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng, các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chung các đô thị thuộc huyện.

1.5.2 Mục tiêu cụ thể

1. Phấn đấu đến hết năm 2023 Định Hoá trở thành huyện nông thôn mới;

¹ Quyết định 764/QĐ-UBND ngày 06/4/2023

2. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội gắn với đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá hai trung tâm phát triển đô thị là thị trấn Chợ Chu và Đô thị mới Bình Yên;

3. Phần đầu đến năm 2025 thị trấn Chợ Chu trở thành đô thị loại IV, đến năm 2030, xã Bình Yên trở thành đô thị loại V;

4. Phần đầu từng bước đến năm 2045 huyện Định Hóa trở thành huyện có kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ phục vụ tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và cả tỉnh Thái Nguyên;

5. Đô thị hoá gắn với phát triển du lịch, lâm nghiệp và nông nghiệp theo hướng hiện đại, sạch và sinh thái; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân;

6. Tổ chức, quy hoạch hệ thống các điểm dân cư nông thôn gắn với hệ thống các trung tâm cụm xã;

7. Đề xuất các phương án phân vùng kinh tế - xã hội huyện; xây dựng mô hình phát triển không gian huyện theo từng giai đoạn, tổ chức không gian hệ thống đô thị, nông thôn, phân bố không gian xây dựng các khu chức năng công nghiệp, khu du lịch cộng đồng (gắn với du lịch sinh thái - lịch sử - văn hoá), dịch vụ, tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hiện đại góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

PHẦN 2: PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG

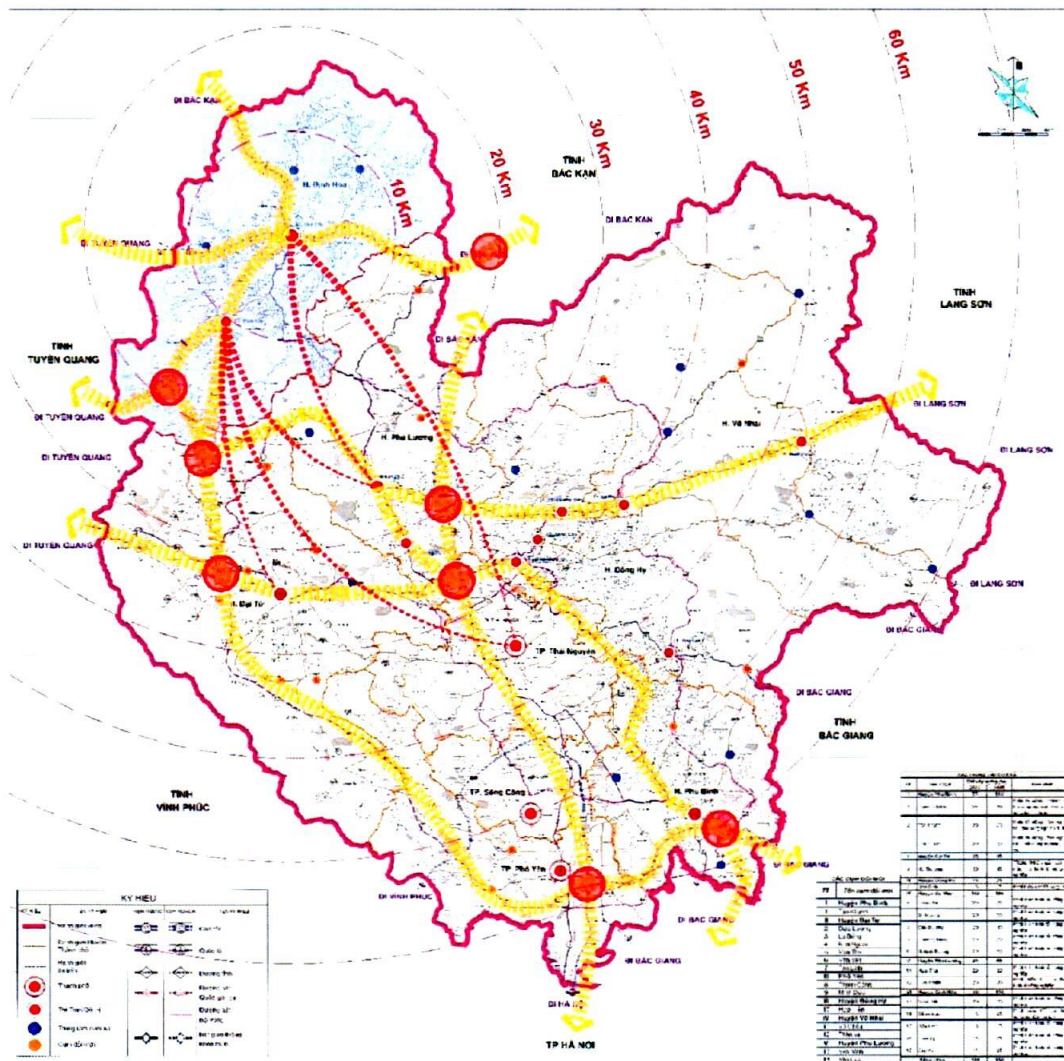
2.1 Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên

2.1.1 Vị trí địa lý

Định Hóa là huyện miền núi nằm ở phía Tây bắc của tỉnh Thái Nguyên, có toạ độ địa lý: Vĩ độ Bắc từ 24005' đến 24040'; Kinh độ Đông từ 185005' đến 185080'.

Huyện Định Hóa cách thành phố Thái Nguyên 50 km theo quốc lộ 3 và quốc lộ 3C, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Chợ Đồn và huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn);
- Phía Nam: Giáp huyện Đại Từ (tỉnh Thái Nguyên)
- Phía Đông: Giáp huyện Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên).
- Phía Tây và Tây Nam: Giáp huyện Yên Sơn và huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang).



Hình 2.1-1: Sơ đồ vị trí huyện Định Hóa và liên hệ vùng

Huyện Định Hóa có vị trí chiến lược về mặt an ninh - quốc phòng. Trước đây, từng là thủ đô kháng chiến của Việt Nam. Là vùng đất tiến thoái thuận lợi.

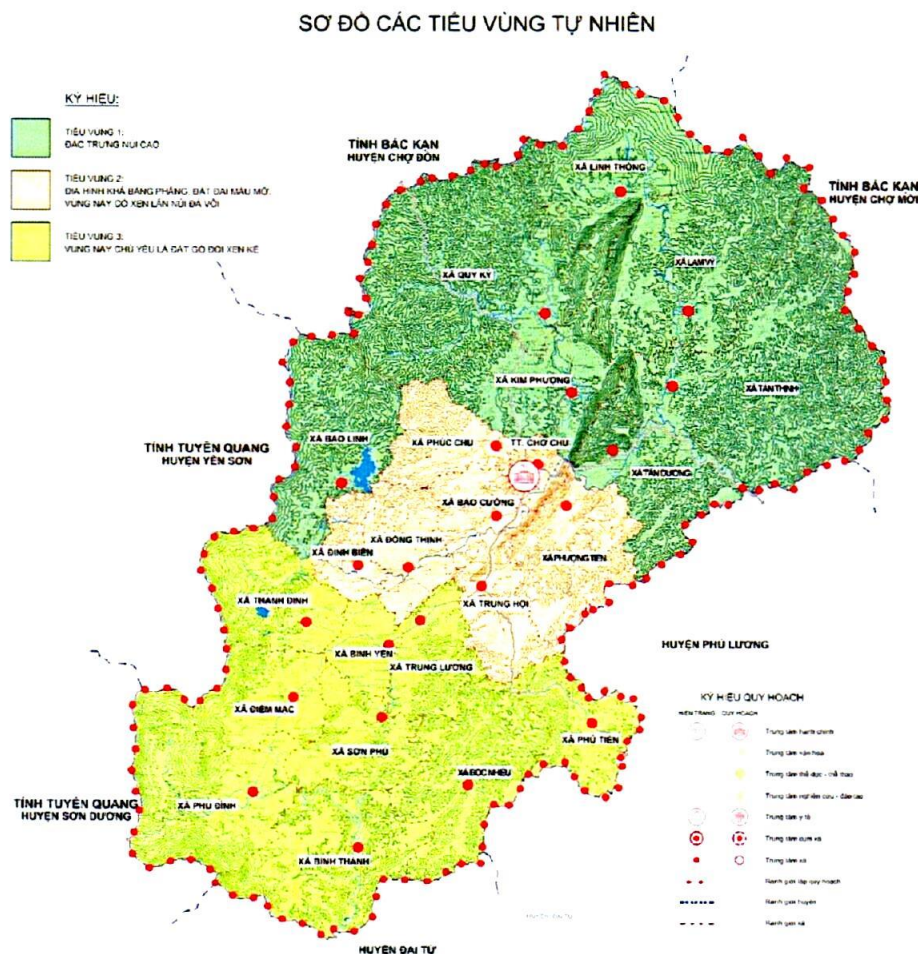
Ngày nay, huyện Định Hóa là giao điểm, là đầu mối giao thông của 3 tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, gồm: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn.

Theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, hệ thống đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ được đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện đồng bộ, hiện đại (đường QL3, VĐ2, QL37, QL1B, đường HCM..). Việc kết nối Định Hóa với các vùng trung tâm và vùng phía Nam tỉnh sẽ rất thuận lợi.

Xa hơn, việc kết nối Định Hóa với các tỉnh vùng Đông Bắc bộ, vùng Thủ đô được dễ dàng, rút ngắn thời gian di chuyển, thúc đẩy sự giao lưu kinh tế - xã hội và du lịch cho huyện.

2.1.2 Địa hình, địa mạo

Địa hình đa dạng và phức tạp chủ yếu là vùng núi cao, có độ dốc lớn, địa hình hiểm trở, độ chia cắt mạnh. Những vùng đất tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ, phân tán dọc theo các khe, ven sông, suối hoặc các thung lũng đá vôi.



Hình 2.1-2: Sơ đồ các tiểu vùng tự nhiên theo địa hình địa mạo

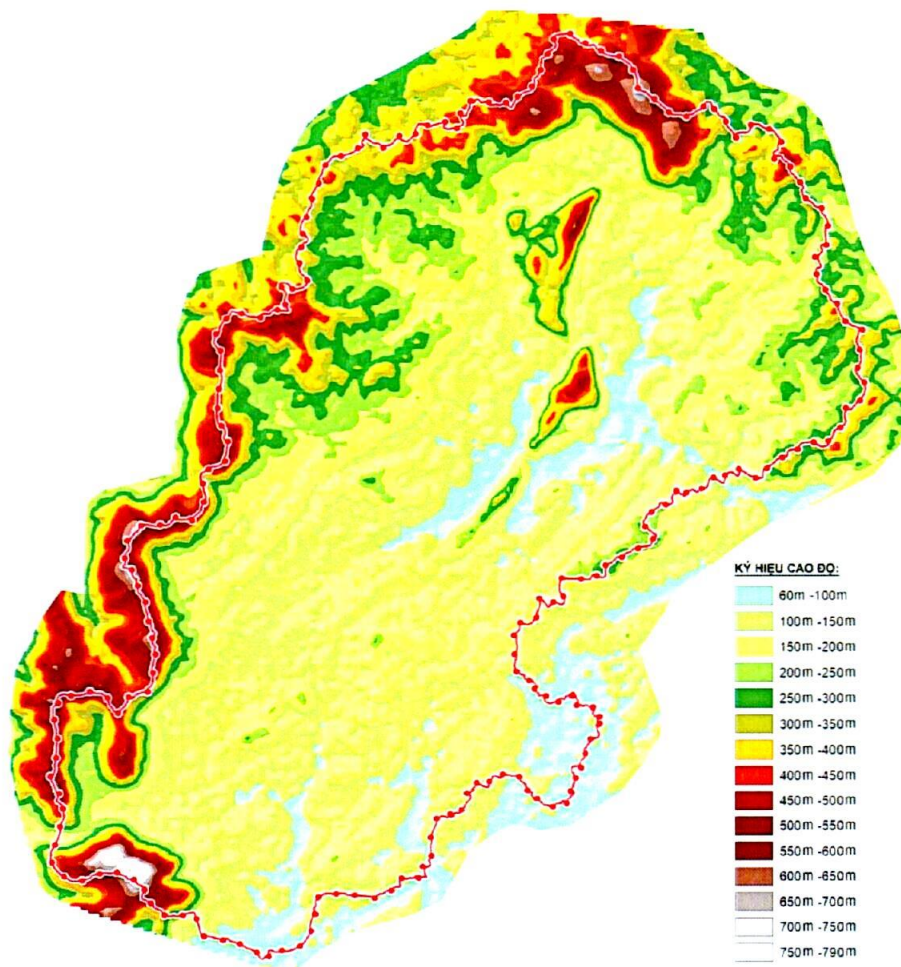
Với đặc điểm địa hình thấp dần về phía Nam, huyện Định Hóa chia thành 3 tiểu vùng tự nhiên:

- Tiểu vùng 1 (vùng phía Bắc gồm 7 xã): Linh Thông, Quy Kỳ, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh, Kim Phượng và Tân Dương, vùng này đặc trưng là núi cao, đất lâm nghiệp chiếm ưu thế do đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở đây phân bố khá phân tán.

- Tiểu vùng 2 (vùng trung tâm gồm 6 xã, 1 thị trấn): Phúc Chu, Thị trấn Chợ Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Bảo Cường, Phượng Tiến, Trung Hội, với địa hình khá bằng phẳng, đất đai màu mỡ, đây là vùng sản xuất lúa trọng điểm của huyện. Vùng này có xen lẫn núi đá vôi.

- Tiểu vùng 3 (vùng phía Nam gồm 9 xã): Thanh Định, Bình Yên, Trung Lương, Diềm Mặc, Phú Tiến, Phú Đình, Sơn Phú, Bộc Nhiêu, Bình Thành, vùng này chủ yếu là đất đồi gò xen kẽ, là vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp của huyện.

Đặc điểm địa hình là miền núi nên các hiện tượng rửa trôi, sạt lở do mưa lũ, xói mòn đất cũng làm thay đổi hệ sinh thái trong môi trường đất, làm thoái hóa đất, suy thoái, ô nhiễm môi trường đất.



Hình 2.1-3: Bản đồ phân tích địa hình vùng quy hoạch

2.1.3 Khí hậu

Định Hóa nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu miền núi Bắc Bộ, có hai mùa: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10.

- *Về chế độ nhiệt:* Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5°C, tổng tích ôn 8.000°C. Nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 39,5°C (tháng 6), nhiệt độ tối thấp là 3°C (tháng 1), biên độ ngày đêm khá lớn (> 7°C). Tháng 7 là tháng nóng nhất với nhiệt độ trung bình tháng là 28,7°C, tháng 1 là tháng lạnh nhất với nhiệt độ trung bình là 14,9°C. Số giờ nắng trong năm là 1.628 giờ, năng lượng bức xạ đạt 115 Kcal/cm².

- *Chế độ mưa, ẩm:* Mưa phân bố không đều, mưa tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 (chiếm 90% lượng mưa cả năm). Lượng mưa trung bình đạt 1.710 mm/năm, tháng 7 lượng mưa lớn nhất đạt 4.200 mm.

Lượng bốc hơi trung bình trong năm đạt 985,5 mm, tháng 5 có lượng bốc hơi lớn nhất (100 mm), có 3 tháng trong mùa khô, chỉ số ẩm ướt $k < 0,5$. Đây là thời kỳ khô gay gắt, nếu không có biện pháp tưới, giữ ẩm... thì ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng.

Với đặc điểm thời tiết của huyện như trên, trong quy hoạch sử dụng đất của huyện, cần lợi dụng chế độ nhiệt cao, độ ẩm khá để bố trí nhiều vụ và hệ thống cây trồng trong năm - nhằm hạn chế rửa trôi, xói mòn trong mùa mưa. Chú ý các hạng mục công trình kiên cố cần tránh các khu vực thường xảy ra ngập lụt, sạt lở.

- *Chế độ gió:* Nằm trong vùng chế độ gió mùa, có hai hướng gió chủ đạo thay đổi theo mùa. Mùa hè chủ yếu có gió thành phần Đông, mùa đông chủ yếu có gió thành phần Bắc. Tốc độ gió trung bình từ 1,5 – 2 m/s. Trong các tháng mưa, thường có gió mạnh, gió giật làm ảnh hưởng tới cây trồng.

2.1.4 Thủy văn

Huyện Định Hóa có hệ thống sông suối phân bố khá đều trên lãnh thổ với nguồn nước tương đối phong phú. Huyện Định Hóa là nơi bắt nguồn của những nhánh suối và hình thành ba hệ thống sông chính, đó là hệ thống sông Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

Hệ thống sông, hồ và đập nước của huyện khá lớn với trên 100 ao hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bào Linh có diện tích mặt nước trên 80 ha và khoảng 200 đập thủy lợi nhỏ dâng tưới cho khoảng trên 3.000 ha đất sản xuất nông nghiệp.

- Hệ thống sông Chu: Tổng diện tích lưu vực 437 km² bắt nguồn từ xã Bào Linh, Quy Kỳ chảy qua xã Tân Dương, thị trấn Chợ Chu rồi chảy sang huyện Chợ Mới (Tỉnh Bắc Kạn).
- Hệ thống sông Công: Tổng diện tích lưu vực 128km² thuộc địa phận xã Phú Đình chảy qua xã Bình Thành rồi chảy sang huyện Định Hóa.

- Ngoài ra còn có các hệ thống hồ, đập nhằm đáp ứng cho sản xuất nông lâm nghiệp.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THỦY VĂN CHÍNH TRÊN ĐẠI BÀN HUYỆN



2.1.5 Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên²

2.1.5.1 Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra và tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng tỷ lệ 1/100.000 của tỉnh Thái Nguyên; trên cơ sở đánh giá đất theo FAO-UNESCO huyện Định Hoá có 11 loại đất chính như sau:

- Đất phù sa không được bồi (P): Phân bố chủ yếu ven các sông, địa hình bằng phẳng ($> 3^{\circ}\text{C}$), tầng đất dày ($> 1\text{m}$) tập trung ở các xã: Kim Phụng, Tân Dương, Thị trấn Chợ Chu, Đồng Thịnh, Bảo Cường. *Loại đất này đang được trồng lúa là chủ yếu, ngoài ra còn trồng các loại rau màu như ngô, lạc, mía.*
- Đất phù sa ngòi suối: Loại đất này phân bố dọc theo các triền suối, các lớp đất chứa nhiều cát khô, sỏi cuội, càng về thượng nguồn tỷ lệ lớn càng tăng và tầng đất càng mỏng, đất phù sa ngòi suối còn bị ảnh hưởng pha trộn cả sản phẩm dốc tụ từ các vùng đồi lân cận đổ xuống. Trên loại đất phù sa ngòi suối hiện nay được sử dụng trồng lúa và các loại hoa màu. *Nói chung đây là loại đất tốt, đất thường có thành phần cơ giới nhẹ, có phản ứng chua đến ít chua (PH_{KCl} : 5 - 5,5), hàm lượng mùn, đạm, lân tổng số từ trung bình đến nghèo. Đất này phân bố trên địa hình bằng phẳng, tập trung ở các xã: Phúc Chu, Diềm Mực, Phú Tiến, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.*
- Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): Đất này chủ yếu dọc theo các khe suối và các thung lũng đá vôi, địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc thường $< 8^{\circ}$, tầng đất dày $> 1\text{m}$. Loại đất này được hình thành do sự tích tụ của các sản phẩm từ trên địa hình cao rửa trôi đưa xuống, do vậy đất có độ phì tương đối khá, mùn và đạm tổng số từ khá đến giàu, lân tổng số và lân dễ tiêu trung bình, kali tổng số giàu, đất có phản ứng chua (PH_{KCl} : 4,6 - 5,0). Hiện nay, phần lớn diện tích đã được khai thác sử dụng trồng cây công nghiệp (lạc, ngô, đậu tương, mía...), *đất này thích hợp với cây ăn quả đặc sản (cây mót mật).* Đất này phân bố ở hầu hết các xã trong huyện.
- Đất nâu đỏ trên đá macma trung tính và bazơ (Fk): Phân bố tập trung ở xã: Linh Thông, Lam Vỹ, Bảo Linh, Trung Hội, Sơn Phú, Bình Thành. Loại đất này phân bố ở độ dốc $< 25^{\circ}$ chiếm tới 60%, trong đó đất có địa hình tương đối bằng phẳng $< 8^{\circ} - 15^{\circ}$ chiếm tới khoảng 20%. Nhìn chung loại đất này khá tốt, giàu chất dinh dưỡng, đất có kết cấu xốp, thành phần cơ giới nặng, đất ít chua (PH_{KCl} : 4,5 - 5,5), đất có tầng dày trung bình $< 1\text{m}$ chiếm khoảng 70%, còn lại tầng mỏng $< 50\text{cm}$ chiếm khoảng 30%. *Loại đất này thích hợp với cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả, ở những nơi có độ cao lớn thường thích hợp với cây lâm nghiệp đặc sản.*
- Đất đỏ vàng trên đá phiến sét (Fj): Loại đất này phân bố ở độ dốc $< 25^{\circ}$, đất tầng dày khá $< 1\text{m}$. Đất có cấu trúc tơi xốp thoát nước tốt, thành phần cơ giới

² Theo Báo cáo SDD huyện Định Hoá do Sở TN&MT lập

thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đậm tổng số khá, đất chua (PH_{KCl} : 4,5 - 5). Đất này phân bố ở các xã: Quy Kỳ, Tân Thịnh, Tân Dương, Phượng Tiến, Bộc Nhiêu. *Loại đất này thích hợp với cây lâm nghiệp.*

- Đất đỏ vàng trên đá phiến thạch (Fs): Đây là loại đất phân bố ở hầu hết trên lãnh thổ huyện và thường ở độ dốc $> 15^\circ$, tầng dày $< 1\text{m}$. Đất này có thành phần cơ giới trung bình đến thịt nặng, ít kết von, kém tơi xốp, đất thường chua ($\text{PH}_{\text{KCl}} < 4,5$), hàm lượng mùn đậm tổng số khá, kali tổng số nghèo. Phân bố ở các xã: Linh Thông, Quy Kỳ, Tân Dương, Phượng Tiến, Phú Tiến. *Loại đất này thích hợp với cây công nghiệp và cây lâm nghiệp.*
- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Loại đất này phân bố chủ yếu ở độ dốc $15^\circ - 25^\circ$, tầng dày khá $< 1\text{m}$, đất có cấu trúc tơi xốp, thoát nước tốt, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, hàm lượng mùn đậm tổng số khá, đất chua (PH_{KCl} : 4,5 - 5,0). Phân bố tập trung ở xã Linh Thông, Quy Kỳ, Kim Sơn, Kim Phượng, Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu, Bảo Cường, Thanh Định, Đồng Thịnh, Phú Tiến, Trung Hội, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Yên, Diềm Mặc, Phú Đình. *Loại đất này thích hợp với nhiều loại cây như chè, ngô, sắn, vầu, cọ ...*
- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): Loại đất này có thành phần cơ giới nhẹ từ cát pha đến thịt nhẹ (sét vật lý $< 15\%$), đất cứng chặt, không có kết cấu, cấu trúc tương đối rời rạc, giữ ẩm kém, nghèo dinh dưỡng, đất chua (PH_{KCl} : 4 - 4,5), phân bố ở hầu hết độ dốc $> 25^\circ$, chiếm 60%, từ $15^\circ - 25^\circ$, chiếm khoảng 40%, phân bố tập trung ở xã Bảo Linh, Thanh Định, Định Biên, Bình Thành.
- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): Loại đất này phân bố rải rác ở các xã trong huyện và thường có độ dốc $8^\circ - 15^\circ$, tầng đất mỏng $< 1\text{m}$, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình (sét vật lý từ 20 - 30%), đất có phản ứng chua (PH_{KCl} : 4 - 4,5), hàm lượng chất dinh dưỡng trung bình đến nghèo. *Đất này thích hợp với cây công nghiệp ngắn ngày, cây đậu đỗ...* Phân bố ở các xã Tân Thịnh, Kim Phượng, Trung Hội, Phú Tiến, Đồng Thịnh, Thanh Định, Định Biên.
- Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (Fl): Phân bố ở xã Bình Yên, Thanh Định, Sơn Phú, Phú Đình, Bình Thành.
- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): Loại đất này có cấu trúc tơi xốp, thoát nước tốt, tầng dày khá $> 1\text{m}$, thường phân bố ở độ dốc $15^\circ - 25^\circ$, hàm lượng dinh dưỡng khá, đất chua (PH_{KCl} : 4,5 - 5,5). Phân bố ở xã Phú Đình.

2.1.5.2_Tài nguyên nước

Huyện Định Hóa có nguồn nước mặt khá phong phú, với 3 hệ thống sông chính là hệ thống sông Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu.

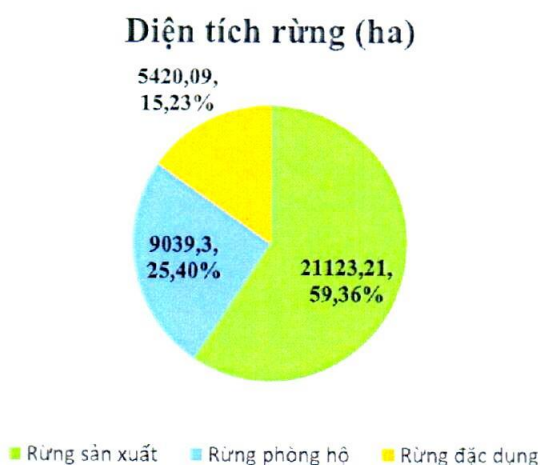
- Hệ thống sông hồ và đập nước: Huyện có hơn 100 ao, hồ lớn nhỏ, đặc biệt có hồ Bảo Linh diện tích mặt nước khoảng trên 80 ha và có khoảng 153 đập lớn, nhỏ dâng tưới cho khoảng 3.500 ha (trong đó có 34 công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý gồm: 13 hồ và 21 đập dâng và 181 công trình thủy lợi cấp huyện quản lý, gồm: 31 hồ và 132 đập dâng nhỏ và 18 trạm bơm nhỏ)³
- Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào và có chất lượng tốt, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và cho sản xuất.

Các hệ thống sông chính vừa là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đồng thời đây cũng là nguồn tiếp nhận nước thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp, có 92,69% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

2.1.5.3_Tài nguyên rừng

“Năm 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện là 35.583.41 ha, trong đó, rừng sản xuất có 21.123,21 ha, rừng phòng hộ 9.039,3 ha và rừng đặc dụng có 5.420,09 ha.”⁴. Thảm thực vật rừng tự nhiên ở Định Hóa hiện nay có tỷ lệ che phủ khá, tuy nhiên không còn rừng giàu, rừng trung bình còn ít ở những vùng cao vùng xa. Rừng hiện tại chủ yếu là rừng mới khoanh nuôi và rừng nghèo có trữ lượng 40 - 50 m³/ha, các loại gỗ từ nhóm 1 đến nhóm 4 còn ít, đa phần là các loại cây gỗ từ nhóm 6 đến nhóm 8, các loại khác như vầu, nứa... với trữ lượng nhỏ.



Rừng tự nhiên thường gặp là kiểu rừng nhiệt đới. Vùng núi đá vôi có các loại cây thân gỗ lá nhỏ. Rừng trồng phần lớn vẫn là keo, bạch đàn, mỡ...

³ Số liệu bổ sung theo Phiếu ý kiến thẩm định NVQH lần 2 của Sở NN&PTNT

⁴ Nguồn: Biểu 01_QĐ số 2738/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên

2.1.5.4_ Tài nguyên khoáng sản

Định Hóa là một huyện nằm trong vùng sinh khoáng Định Hóa - Phú Lương - Chợ Đồn, nên có thể có nhiều mỏ quặng nhỏ phân tán thuộc nhóm khoáng sản kim loại, phi kim (Eyrir, photphorit, Graphit), vật liệu xây dựng.

Hiện tại trên địa bàn huyện mới chỉ khai thác đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng và cát sỏi để phục vụ xây dựng cho địa phương.

2.1.5.5_ Tài nguyên nhân văn

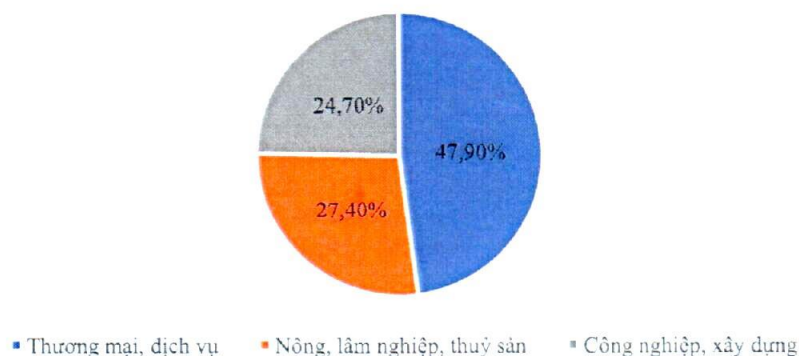
Trên địa bàn huyện Định Hoá có chủ yếu 8 dân tộc anh em cùng sinh sống mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, trong đó: Dân tộc Kinh chiếm 26,42%; dân tộc Tày chiếm 54,74%; dân tộc Nùng chiếm 4,36%; dân tộc Dao chiếm 2,57%; dân tộc Sán Chay chiếm 10,26%; dân tộc Hoa chiếm 0,97%, dân tộc Mường chiếm 0,18%, dân tộc Thái chiếm 0,15% và một số dân tộc khác chiếm 0,35%. Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc cùng sinh sống mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng.

Những năm kháng chiến, các cơ quan Trung ương, quân đội và nhân dân khắp nơi tản cư về Định Hóa tạo nên sự giao thoa văn hóa độc đáo giữa các dân tộc. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, gần 70 năm đã qua đi, nhưng những kỷ niệm của những năm kháng chiến gian khổ cùng ăn cùng ở với đồng bào, Định Hóa trở thành nơi gắn bó, thân quen với nhiều cán bộ và đồng bào cả nước. Nhiều di sản văn hóa của Định Hóa đã trở nên nổi tiếng như nhà sàn Định Hóa hiện nay được trưng bày tại Bảo tàng dân tộc học, nghệ thuật múa rối Tày Thâm Rộc (Bình Yên) được cử đi tham dự liên hoan nghệ thuật múa rối dân tộc quốc tế (tổ chức tại bảo tàng dân tộc học); lễ hội Lồng Tồng được duy trì và tổ chức vào đầu xuân hàng năm; cùng với các văn hóa phi vật thể khác nhau như các làn điệu sli, lượn, then, dân ca, dân vũ và những phong tục, những sản vật và món ăn độc đáo của các dân tộc đặc trưng cho vùng Việt Bắc là những tiềm năng du lịch của địa phương.... được đồng bào du khách thập phương lựa chọn.

2.2 Hiện trạng kinh tế - xã hội⁵

Theo báo cáo số 133/BC-UBND ngày 05/5/2021 của UBND huyện Định Hoá về “Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020:

CƠ CẤU KINH TẾ HUYỆN ĐỊNH HOÁ NĂM 2020



⁵ Theo BC số 133/BC-UBND ngày 05/5/2021 của H. Định Hoá và BC Quy hoạch SDD huyện Định Hoá

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 là: Thương mại, dịch vụ: 4,9%; nông lâm nghiệp, thủy sản: 27,4%; công nghiệp, xây dựng: 24,7%.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá hiện hành) đến năm 2020 đạt 1.925.000 triệu đồng, tăng 78,35% so với năm 2015;
- Giá trị sản xuất Công nghiệp - TTCN năm 2020 (theo giá hiện hành) đạt 325.000 triệu đồng, tăng 81,56% so với năm 2015;
- Giá trị tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2020 đạt 800.000 triệu đồng, tăng 76,76% so với năm 2015.
- Kinh tế tăng trưởng nhanh, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 25 triệu đồng năm 2015 lên 43,8 triệu đồng năm 2020. Thu ngân sách nhà nước trong cân đối đến năm 2020 đạt 57,958 tỷ đồng.
- Giá trị sản phẩm/01ha đất nông nghiệp trồng trọt hết năm 2020 đạt 94,3 triệu đồng/ha.
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đến năm 2020 (giá hiện hành) đạt 1.925 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh của khu vực thương mại và dịch vụ.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng giảm dần nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội huyện đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên còn nhiều xã nằm trong danh sách vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn theo Quyết định 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04 tháng 6 năm 2021, toàn huyện có 3 xã khu vực III, 10 xã thuộc khu vực II, 10 xã, thị trấn thuộc khu vực I.

2.3 Hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng huyện

2.3.1 Hiện trạng phân bố đô thị

Hiện huyện có 1 đô thị loại V là thị trấn Chợ Chu, đóng vai trò huyện lỵ, là trung tâm kinh tế - văn hoá - chính trị và cũng là địa bàn xây dựng các trụ sở khối cơ quan của huyện. Trong những năm gần đây, tốc độ xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng,... tăng khá nhanh. Thị trấn Chợ Chu đã có quy hoạch chung được phê duyệt. Năm 2018, đang thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu đến năm 2040.

Diện tích đất đô thị là 443,78 ha chiếm 0,86% diện tích tự nhiên của toàn huyện. Diện tích đất đô thị tập trung toàn bộ ở thị trấn Chợ Chu. Chi tiêu đất đô thị chi tiết như sau:

Bảng 2.3-1: Số liệu hiện trạng đô thị huyện Định Hoá năm 2020⁶

TT	Nội dung	Số liệu
1	Diện tích đất đô thị	443,78 ha
-	<i>Diện tích đất dân dụng</i>	<i>150,87 ha</i>
-	<i>Diện tích đất thuộc đô thị khác</i>	<i>292,91 ha</i>
2	Dân số đô thị	6.611 người
	Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân, đạt	228m ² /người
3	Mật độ dân số đô thị	15 người/ha
4	Bình quân đất ở đô thị	67 m ² /người

2.3.2 Hiện trạng phân bố điểm dân cư nông thôn

Toàn huyện có 22 xã, sự phân bố dân cư theo cộng đồng tại các thôn, xóm gần các trục đường giao thông, nguồn nước, địa bàn sản xuất thuận tiện cho sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên, phân bố dân cư không đồng đều, dân số tập trung đông tại các trung tâm xã và ven các trục đường giao thông lớn, dân số thưa tại các thôn, xóm xa trung tâm xã. Kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm xá trong thời gian qua được đầu tư cải thiện đáng kể.

Bảng 2.3-2: Số liệu hiện trạng nông thôn huyện Định Hoá năm 2021⁷

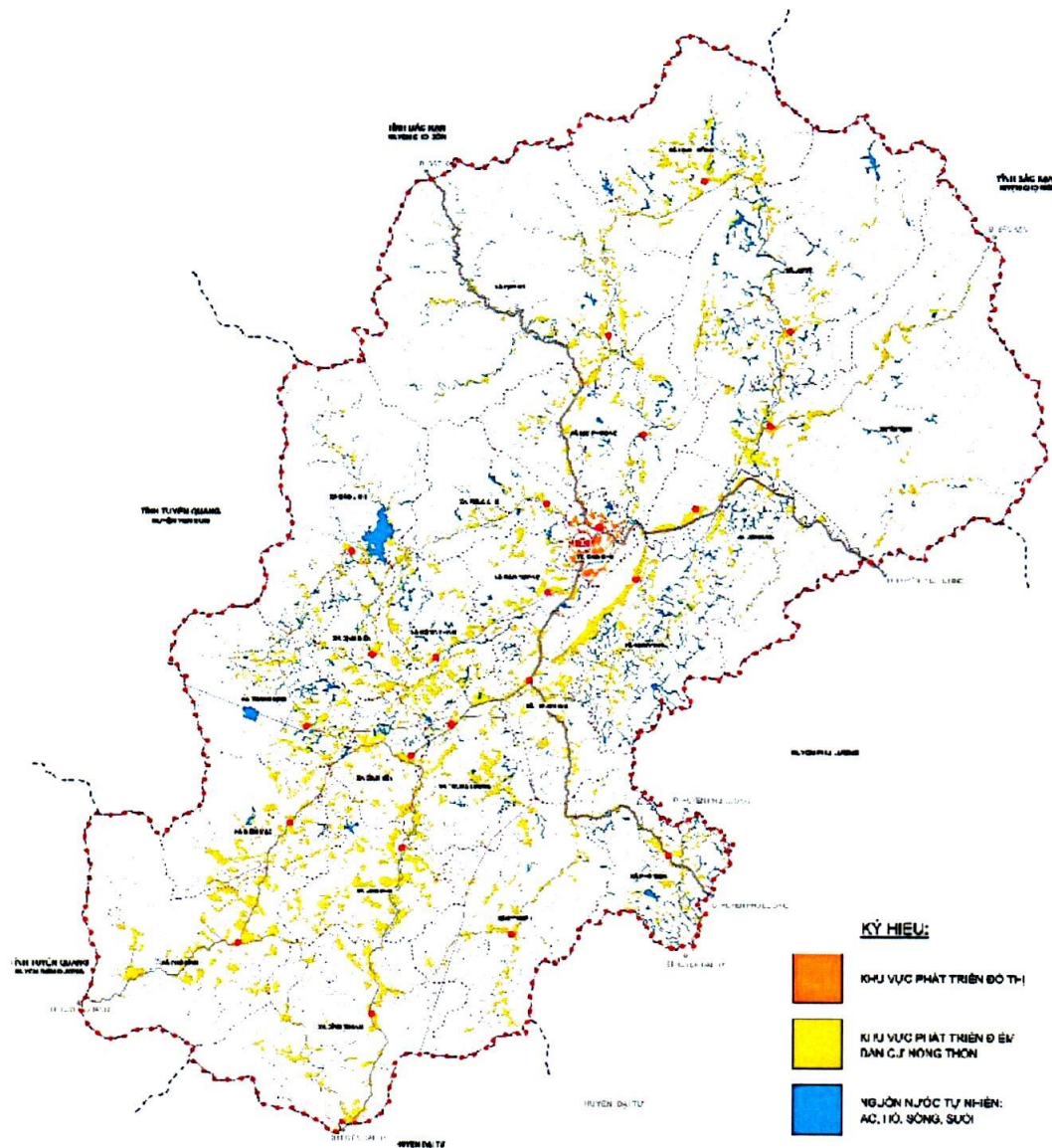
TT	Nội dung	Số liệu
1	Đất khu dân cư nông thôn	3.807,48 ha
-	<i>Diện tích đất ở nông thôn</i>	<i>893,0 ha</i>
-	<i>Diện tích đất dân cư nông thôn khác</i>	<i>2.914,48 ha</i>
2	Dân số nông thôn	83.380 người
3	Mật độ dân số nông thôn	22 người/ha
4	Bình quân đất ở nông thôn	107 m ² /người

Đến nay, huyện đã có 16/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới.⁸

⁶ Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hoá năm 2021

⁷ Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hoá năm 2020

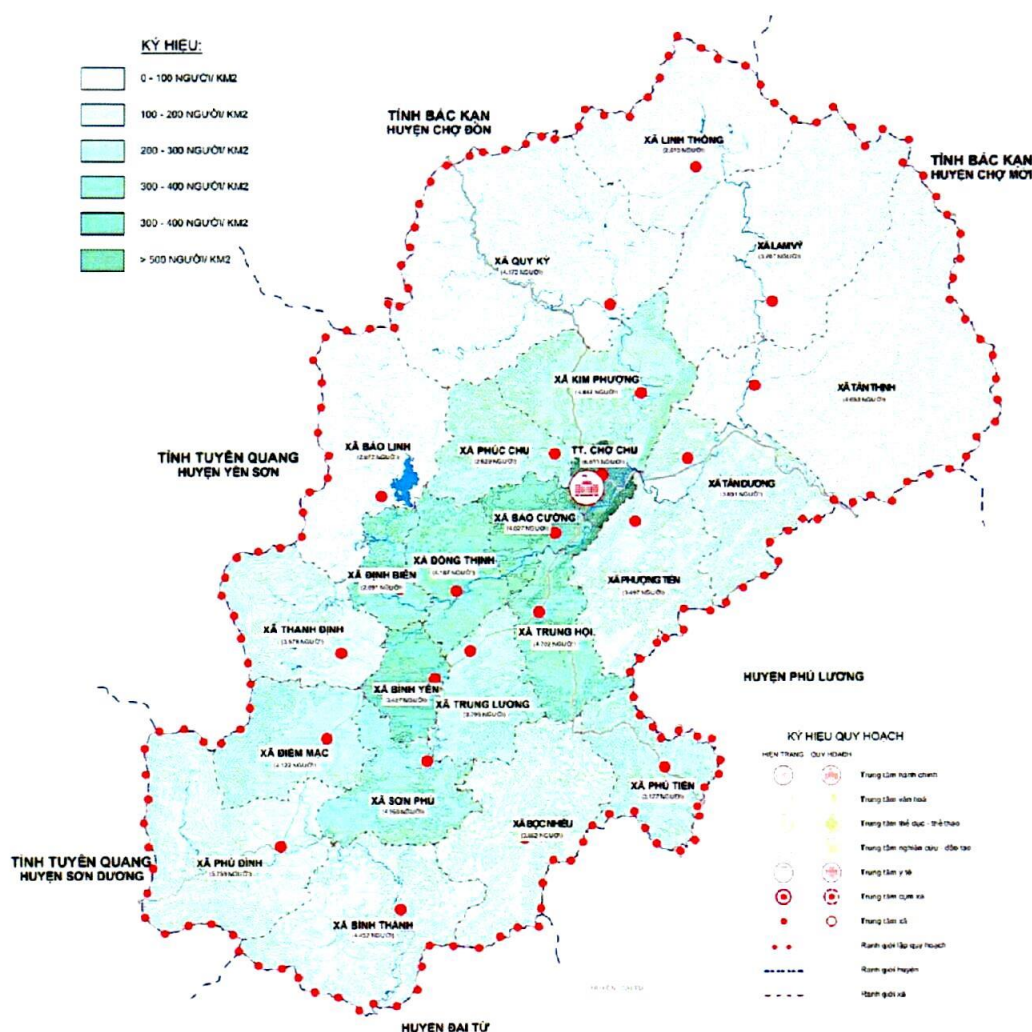
⁸ Số liệu do huyện Định Hoá cung cấp



Hình 2.3-1: Sơ đồ phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn

“...phân bố dân cư không đồng đều, dân số tập trung đông tại các trung tâm xã và ven các trục đường giao thông lớn, dân số thưa tại các thôn, xóm xa trung tâm xã...”

SƠ ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ



Hình 2.3-2: Sơ đồ phân bố mật độ dân cư huyện Đình Hoá

Phân tích sơ đồ Hình 2.3-2 cho thấy, mật độ dân cư tập trung cao nhất tại khu vực trung tâm tiểu vùng tự nhiên 2, nơi có đất đai tương đối bằng phẳng, rộng rãi và liền mạch nhất vùng huyện. Đây cũng là nơi giao điểm của các tuyến giao thông quốc lộ lớn. Riêng khu vực xã Bình Yên, mặc dù địa hình, đất đai không thuận lợi như Chợ Chu nhưng mật độ dân cư đông do nơi đây có vị trí thuận lợi là ngã 3 đường kết nối các tuyến giao thông QL3C, 264, 264B đi các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn hay đi huyện Phú Lương, Định Hóa.

Mật độ dân cư ít hơn nằm tập trung chủ yếu tại khu vực phía Nam huyện, thuộc toàn bộ tiểu vùng tự nhiên 3. Nơi đây, tuy không phải là vùng núi cao, nhưng đất chủ yếu là gò đồi xen kẽ. Các khu vực đất đai rộng rãi, bằng phẳng ít địa hình bị chia cắt mạnh bởi các gò đồi. Không thích hợp để tập trung dân cư lớn.

Khu vực phía Bắc, tiểu vùng tự nhiên 1 là nơi dân cư có mật độ thưa thớt nhất. Khu vực này hầu hết là vùng núi cao, chủ yếu là rừng các loại. Địa hình đi lại khó khăn

vì có độ dốc cao, đất thích hợp cho nông nghiệp ít, manh mún. Không thuận tiện cho việc hình thành các điểm quần cư lớn.

2.3.3 Sự biến động về dân số

Định Hoá là vùng đất lịch sử, lâu đời. Là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao từ xưa đến nay. Vì vậy, hiện nay số lượng người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số vẫn chiếm đa số (chiếm 72,7%)⁹.

Theo niên giám thống kê huyện Định Hoá năm 2021, tổng dân số trên địa bàn huyện Định Hóa là 89.991 người, mật độ dân số trung bình là 174 người/km². Tỷ lệ phát triển dân số trung bình giai đoạn 2010 đến 2020 là 0,26%/năm.

Bảng 2.3-3: Biến động dân số huyện Định Hoá giai đoạn năm 2010 - 2021

Đơn vị: người

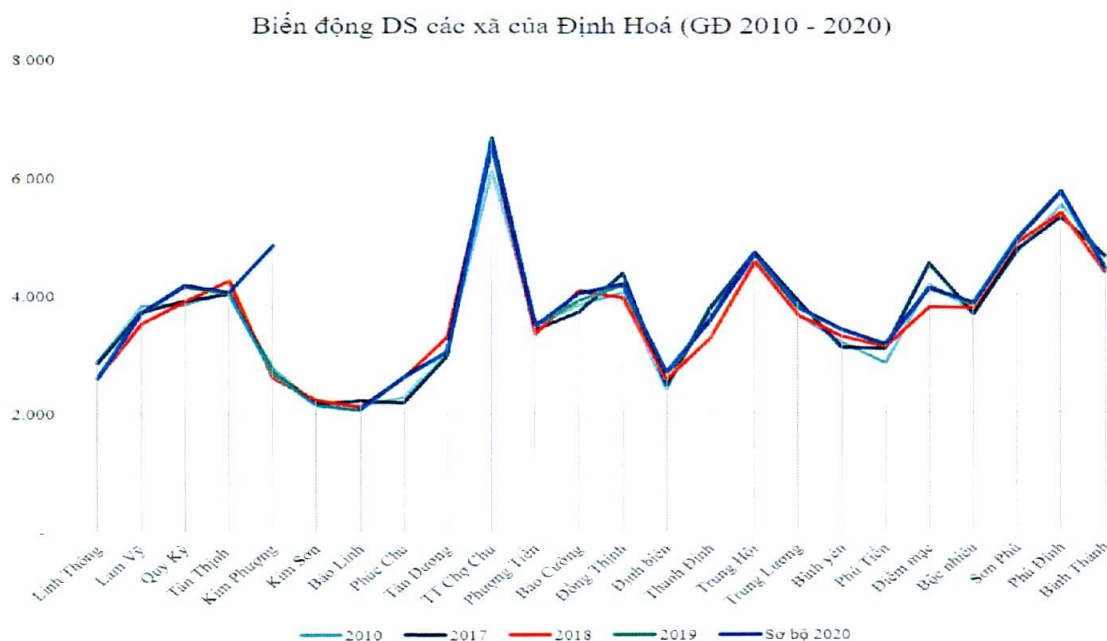
Đơn vị	2010	2017	2018	2019	2020
TỔNG SỐ	87.722	88.946	87.730	89.288	89.991
Linh Thông	2.895	2.853	2.615	2.598	2.613
Lam Vỹ	3.828	3.724	3.528	3.685	3.707
Quy Kỳ	3.852	3.903	3.888	4.146	4.172
Tân Thịnh	4.063	4.029	4.254	4.028	4.053
Kim Phượng	2.775	2.699	2.615	2.675	4.847
Kim Sơn ¹⁰	2.160	2.162	2.222	2.142	
Bảo Linh	2.130	2.202	2.099	2.043	2.072
Phúc Chu	2.265	2.180	2.605	2.613	2.629
Tân Dương	3.083	2.978	3.306	3.032	3.051
TT Chợ Chu	6.107	6.679	6.515	6.526	6.611
Phượng Tiến	3.494	3.417	3.343	3.475	3.497
Bảo Cường	3.832	3.723	4.073	3.913	4.027
Đồng Thịnh	4.036	4.375	3.955	4.161	4.187
Định Biên	2.405	2.472	2.573	2.674	2.691
Thanh Định	3.759	3.781	3.269	3.556	3.578
Trung Hội	4.555	4.729	4.558	4.672	4.702
Trung Lương	3.661	3.893	3.655	3.772	3.795
Bình Yên	3.200	3.111	3.308	3.406	3.427
Phú Tiến	2.842	3.095	3.131	3.157	3.177
Điềm Mặc	4.176	4.531	3.789	4.097	4.122

⁹ Xem chi tiết: Phụ lục 1: Số liệu hiện trạng dân số huyện Định Hóa tính đến 01/01/2023

¹⁰ Năm 2020 không có số liệu do xã Kim Sơn đã nhập vào xã Kim Phượng

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

Đơn vị	2010	2017	2018	2019	2020
Bộc Nhiêu	3.724	3.671	3.771	3.839	3.862
Sơn Phú	4.725	4.765	4.885	4.929	4.960
Phú Đình	5.520	5.322	5.383	5.724	5.759
Bình Thành	4.635	4.652	4.390	4.425	4.452



Hình 2.3-3: Biến động dân số các xã của Định Hoá (GD 2010 – 2020)

2.4 Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai¹¹

“Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Định Hoá theo kết quả thống kê đến ngày 31/12/2021 là 51.377,44 ha. Diện tích đã đưa vào sử dụng đạt 99,72% trên tổng diện tích đất tự nhiên; diện tích chưa đưa vào sử dụng 147,94 ha, chiếm 0,29%.” Trong đó:

2.4.1 Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp huyện đến 31/12/2020 có 48.119,3 ha, chiếm 93,7% diện tích tự nhiên.

Bảng 2.4-1: Diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Đất nông nghiệp	48.119,3	93,7
1	Đất sản xuất nông nghiệp	11.384,1	22,2

¹¹ Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hoá năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2	Đất trồng cây hàng năm	6.322,0	12,3
2.1	- Đất trồng lúa	5.364,1	10,4
2.2	- Đất cỏ dùng vào chăn nuôi		0,0
2.3	- Đất trồng cây hàng năm khác	958,0	1,9
3	Đất trồng cây lâu năm	5.062,0	9,9
4	Đất lâm nghiệp có rừng	35.582,3	69,3
4.1	- Rừng sản xuất	21.123,2	41,1
4.2	- Rừng phòng hộ	9.039,0	17,6
4.3	- Rừng đặc dụng	5.420,1	10,5
5	Đất nuôi trồng thủy sản	1.152,9	2,2
6	Đất làm muối	-	0,0
7	Đất nông nghiệp khác	-	0,0

2.4.2 Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp huyện đến 31/12/2020 có 3.110,2 ha, chiếm 6,1% diện tích tự nhiên.

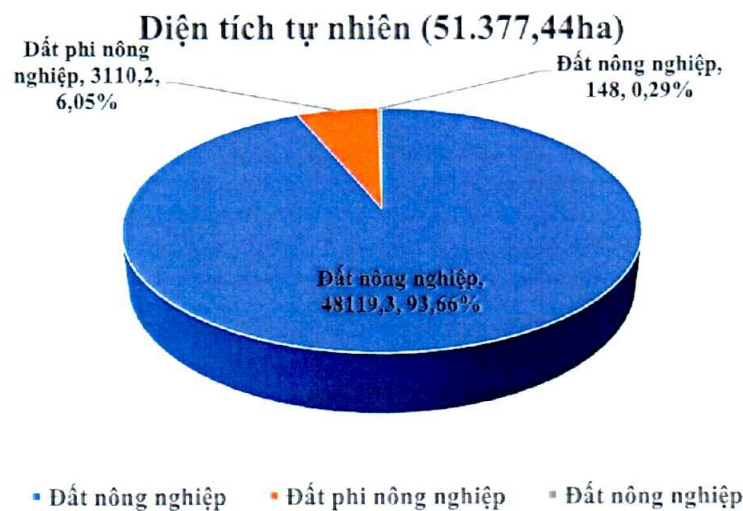
Bảng 2.4-2: Diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
II	Đất phi nông nghiệp	3.110,2	6,1
1	Đất ở	937,4	1,8
1.1	Đất ở đô thị	44,4	0,1
1.2	Đất ở nông thôn	893,0	1,7
2	Đất chuyên dùng	1.470,6	2,9
3	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	116,4	0,2
4	Đất quốc phòng, an ninh	25,3	0,0
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	51,0	0,1
6	Đất có mục đích công cộng	1.278,0	2,5
7	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,0	0,0
8	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	44,8	0,1
9	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	656,4	1,3

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
10	Đất phi nông nghiệp khác	0,10	0,0

2.4.3 Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng còn 148,00 ha, chiếm 0,3% tổng diện tích tự nhiên, quỹ đất chưa sử dụng còn chủ yếu là đất bằng chưa sử dụng và đất đồi núi chưa sử dụng, trong thời gian sẽ khai thác để đưa vào sử dụng với mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.



Hình 2.4-1: Cơ cấu sử dụng đất huyện Định Hoá năm 2020

Qua số liệu thống kê phân tích hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai, kết quả cho thấy hiệu quả sử dụng đất khá cao. Tuy nhiên, số liệu cũng cho thấy huyện Định Hoá là huyện miền núi thuần nông.

2.5 Hiện trạng hạ tầng xã hội

2.5.1 Trụ sở, cơ quan hành chính sự nghiệp

Hiện nay, cơ bản các đơn vị hành chính của huyện đều có đủ các công trình trụ sở cơ quan huyện, xã và các trụ sở tổ chức dân sự khác. Trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 14,10 ha;
- Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp: 0,98 ha.

2.5.2 Thương mại, dịch vụ

Hiện nay trên địa bàn huyện có 18 chợ tại 14 xã, 01 thị trấn (tất cả các chợ đều là hạng III, riêng chợ Tân Lập đang chờ xét duyệt thành chợ hạng II). Trong những năm qua huyện cũng đã chú trọng đầu tư nâng cấp được 14 chợ (Phú Đình, Bình Yên, Diềm

Mặc, Quán Vuông, Sơn Phú, Chợ Chu, Đồng Thịnh, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Tân Thịnh, Bộc Nhiêu, Phú Tiến, Bảo Linh, Thanh Định) còn tuy nhiên, đã được được đầu tư nâng cấp, nhưng một số chợ diện tích mặt bằng quá nhỏ hẹp, chưa có đình chợ chủ yếu là các lán tạm, khuôn viên chợ không có tường bao. Các chợ chủ yếu là sát với đường giao thông không đủ vị trí bố trí cho các hộ kinh doanh, nhất là các hộ kinh doanh không thường xuyên. Vì vậy tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông và khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền địa phương.

Hệ thống siêu thị trên địa bàn chưa phát triển, đến nay mới chỉ có 01 siêu thị điện máy và một số cửa hàng, đại lý ủy quyền, còn lại chủ yếu là các cửa hàng buôn bán nhỏ lẻ. Trong đó:

- Đất thương mại dịch vụ: 1,07 ha;
- Đất chợ: 7,63 ha;



Siêu thị điện máy xanh, TT Chợ Chu

Chợ Chu



Chợ Tân Lập - Định hướng làm chợ Huyện (Ảnh : Nguồn tác giả)

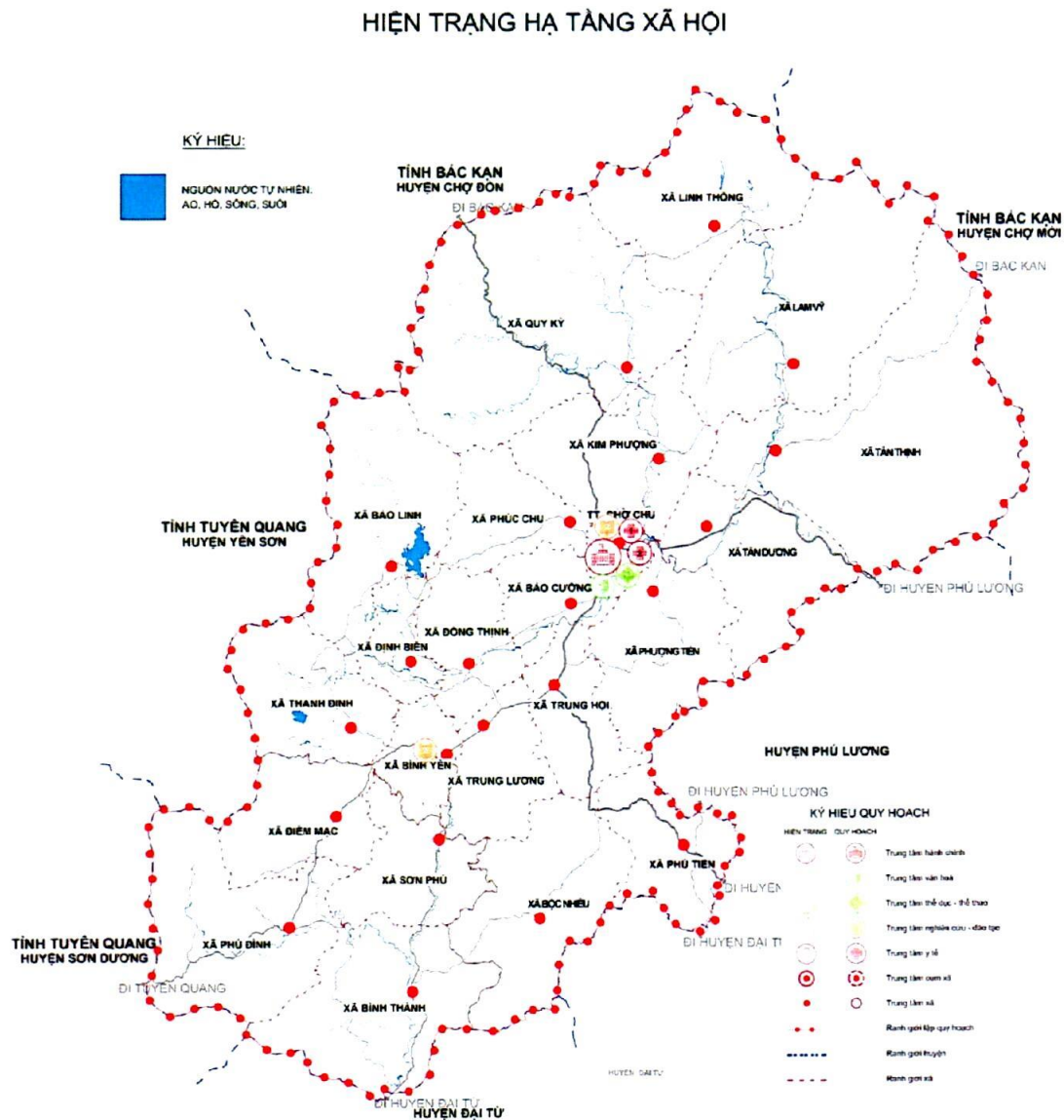
Hình 2.5-1: Một số hình ảnh về thương mại – dịch vụ huyện Định Hóa (Nguồn: Internet)

2.5.3 Cơ sở lưu trú du lịch:

Toàn huyện có 37 cơ sở lưu trú, 288 phòng, trong đó 20 cơ sở lưu trú đăng ký cơ sở lưu trú du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê. Nhìn chung, quy mô cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn huyện có xu hướng tăng và tập trung nhiều ở trung tâm huyện (thị trấn Chợ Chu, xã Trung Hội), một số xã thường xuyên có khách du lịch tham quan: Xã Phú Đình, xã Bình Yên. Tuy nhiên, trên thực tế, trang thiết bị, tiện nghi phục vụ cơ sở lưu trú du lịch còn chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch, nhất là khi lượng khách du lịch lớn.

2.5.4 Giáo dục, đào tạo

Trên địa bàn hiện có 72 đơn vị trường học, 23 trường mầm non, 22 trường tiểu học, 22 trường THCS, 01 trường TH&THCS, 01 trường PT DTNT, 02 trường THPT, 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên. Với tổng diện tích đất giáo dục và đào tạo là: 51,46 ha.



Hình 2. Sơ đồ mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội cấp huyện



*Hình 2.5-3: Một số hình ảnh điển hình về trường học các cấp tại huyện Định Hoá
(Nguồn: Tác giả)*



Hình 2.5-4: Trường mầm non xã Quy Kỳ (Nguồn: tác giả)

2.5.5 Y tế

Mạng lưới y tế huyện gồm 01 Bệnh viện đa khoa (hạng 2), 01 Trung tâm Y tế (hạng 2), 23 trạm y tế xã, thị trấn; đội ngũ y, bác sỹ tiếp tục được đào tạo, bổ sung, đến nay huyện đạt tỷ lệ 6,8 bác sỹ, 14,6 điều dưỡng, 20 giường bệnh/10.000 dân; 23/23 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt 98,28%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 95%. Với tổng diện tích đất y tế khoảng 5,09 ha.



Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa



Trạm y tế xã Linh Thông

2.5.6 Văn hoá, du lịch, thể dục, thể thao

2.5.6.1_Di tích lịch sử¹²

Toàn huyện có 183 di tích, trong đó gồm:

- 01 di tích quốc gia đặc biệt là ATK Định Hoá với 13 điểm di tích thành phần;
- 18 di tích quốc gia;
- 27 di tích xếp hạng cấp tỉnh;
- Ngoài ra còn 125 di tích đang được kiểm kê đưa vào danh mục.

2.5.6.2_Trung tâm văn hoá – thể thao cấp huyện¹³

Huyện có 01 trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông với diện tích 7,01 ha, trong đó gồm: 01 thiết chế làm việc của bộ phận truyền thanh, truyền hình; 01 trụ sở làm việc bao gồm: 01 nhà văn hóa thể thao, 01 bể bơi, 01 sân bóng nhân tạo, 02 sân tennis; Nhà điều hành, nhà thi đấu thể thao, sân vận động.



Hình 2.5-5: Trung tâm văn hoá – thể thao huyện Định Hoá (Nguồn: Internet)

¹² Nguồn: CV số 60/VHTT-VHTT ngày 23/3/2023 của phòng Văn hoá và Thể thao huyện Định Hoá

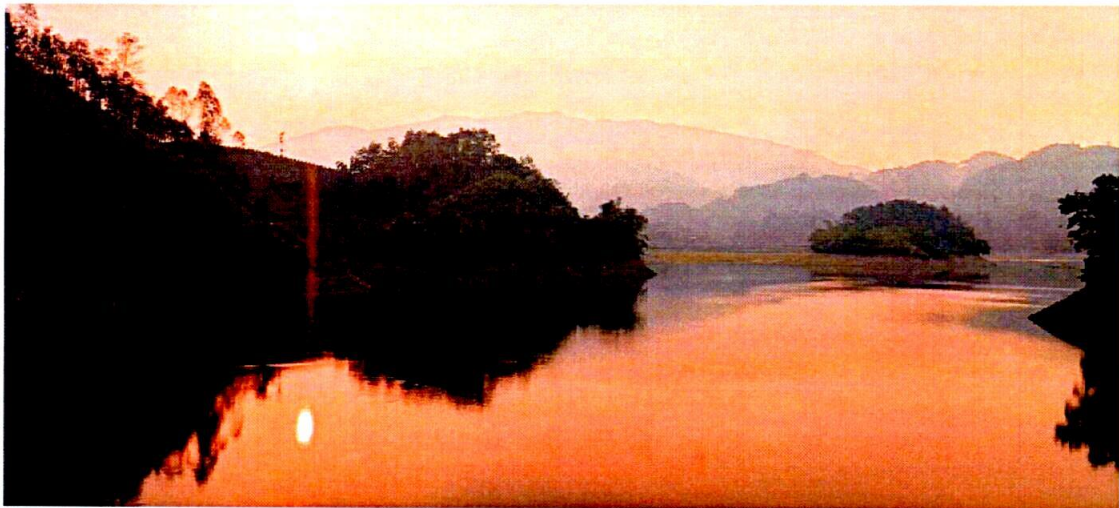
¹³ Nguồn: CV số 60/VHTT-VHTT ngày 23/3/2023 của phòng Văn hoá và Thể thao huyện Định Hoá

2.5.6.3 _ Các điểm và sản phẩm du lịch¹⁴

Trong những năm qua, huyện đón nhiều đoàn khách đến tham quan (trung bình 600.000 lượt khách/năm), trong đó có cả khách nước ngoài. Khách tham quan chủ yếu tham quan di tích lịch sử, văn hóa, trải nghiệm các làng nghề, tìm hiểu về văn hóa dân tộc, du lịch về nguồn, dâng hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Lượng khách lưu trú dài ngày ít. Nguồn thu từ ngành dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện còn hạn chế do chưa thu vé tham quan và chi tiêu của khách du lịch chủ yếu dành cho các dịch vụ ăn uống.

Du lịch sinh thái:

- Hồ Bảo Linh: là hồ nhân tạo thuộc xã Bảo Linh được xây dựng năm 1992, đây là điểm lý tưởng để phát triển du lịch sinh thái.



Hình 2.5-6: Cảnh quan hồ Bảo Linh (Nguồn: Tác giả)

¹⁴ Nguồn: Đề án phát triển du lịch...giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2023.

- Thác Khuôn Tát (còn gọi là thác 7 tầng) thuộc xã Phú Đình, cách bảo tàng Tín Keo 1 km về phía Tây Nam. Thác Khuôn Tát vừa là di tích lịch sử, vừa là danh lam thắng cảnh nằm trong vùng rừng đặc dụng với hệ sinh thái đa dạng.



Hình 2.5-7: Thác Khuôn Tát – Di tích danh thắng cấp QG (Nguồn: Truyền hình Định Hóa)

- Động Chùa Hang thuộc thị trấn Chợ Chu. Đây là một cảnh đẹp thiên nhiên, có ý nghĩa tâm linh, là nơi Bác Hồ dừng chân trong kháng chiến. Hàng năm ở Chùa Hang đều tổ chức lễ hội, đã thu hút nhiều khách tham quan.

Du lịch văn hóa, lịch sử:

Định Hóa được biết đến là thủ đô kháng chiến. Trong lịch sử, di tích từng được biết đến qua nhiều tên gọi khác nhau, như An toàn khu, Khu di tích lịch sử ATK Định Hóa, Khu di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Trung ương, là nơi ở, làm việc và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Năm 1981, Khu di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích quốc gia.

An Toàn Khu (ATK) Định Hóa thực sự là một quần thể di tích quan trọng bậc nhất của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX; một Thủ đô kháng chiến của các vùng di tích trọng điểm như Pác Bó (Cao Bằng), Tân Trào (Tuyên Quang), ATK Định Hóa, Chợ Dồn, Chiêm Hóa, Sơn Dương, Yên Sơn (Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang) có ý nghĩa và giá trị trên nhiều mặt. Đặc biệt, ATK Định Hóa là nơi khởi phát, tổ chức chỉ đạo chiến dịch Điện Biên Phủ giành thắng lợi, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương...

- Hệ thống di tích lịch sử phong phú, nhiều di tích cảnh quan đẹp, có giá trị quan trọng về lịch sử, văn hóa: Di tích Lán Bác Hồ ở Tân Keo; Đồi Phong Tượng (xã Phú Đình); di tích Phân viện Viện Quân y 108 (xã Tân Thịnh) có đồi cây Chò Chi hiếm...;



Hình 2.5-8: Cảnh quan khu vực và bia di tích Đồi Phong Tượng (Nguồn: Internet)

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt của các Khu di tích, ngày 10 tháng 5 năm 2012 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 548/QĐ-TTg, xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt An Toàn Khu (ATK) Định Hóa, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định số 1207/QĐ-SVHTTDL ngày 21/12/2019 của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả, sản phẩm kiểm kê di tích trên địa bàn huyện Định Hóa, năm 2019 với 182 điểm di tích.

Trên địa bàn còn có các lễ hội đặc sắc đặc trưng của vùng miền, điển hình là lễ hội Lồng Tồng.

Một số sản phẩm du lịch cộng đồng:

- Làng văn hóa du lịch cộng đồng Bản Quyên, xã Điềm Mặc: Làng của cộng đồng người Tày ở xã Điềm Mặc, còn lưu giữ nhiều ngôi nhà sàn truyền thống, nhiều nét văn hóa được bảo tồn như cách lao động sản xuất, ẩm thực... Được Nhà nước đầu tư phục dựng một số nhà sàn làm điếm về lưu trú cộng đồng (homestay); làng có di tích lịch sử Nơi Bác Hồ ở và làm việc đầu tiên ở ATK Định Hóa.
- Một số sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, văn hóa truyền thống (nón Tày, Nỏ, Đàn tính; ẩm thực: Cơm lam, Khẩu sli, Khau nhục, Xôi ngũ sắc ...) bước đầu phát triển phục vụ khách du lịch.



Hình 2.5-9: Mô hình du lịch homestay tại du lịch khu Bàn Yên, Diềm Mặc (Nguồn: Facebook Làng du lịch cộng đồng Bàn Yên)



Hình 2.5-10: Ẩm thực (Nguồn: Internet)

2.6 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

2.6.1 Hiện trạng hệ thống giao thông

Huyện Định Hóa có hệ thống đường bộ nối với tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Bắc Kạn. Trên địa bàn huyện Định Hóa đang quản lý 1.059,57 km đường giao thông các loại, trong đó có 126,1km đường huyện lộ; 7,5km đường đô thị. Đường huyện và đường đô thị 100% đã được nhựa hoá.

Các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ không thuộc mạng lưới GTNT của huyện, do Sở giao thông vận tải Thái Nguyên và Hạt quản lý đường bộ thuộc Bộ giao thông vận tải quản lý với tổng chiều dài 59km đường Quốc lộ; 34 km đường tỉnh lộ. Các tuyến đường thường xuyên quản lý và bảo trì nền mặt đường tốt.

2.6.1.1 Đường quốc lộ:

- + Quốc lộ 3C: Chiều dài 33km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi,
- + Đường Hồ Chí Minh: Tổng chiều dài qua huyện Định Hóa là 22,65km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, (Hiện nay mới thực hiện GĐ1 với tổng chiều dài 10,7km, còn 11,95 km chưa thực hiện)

2.6.1.2 Đường tỉnh:

- + Đường tỉnh ĐT.264: Chiều dài 18km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.
- + Đường tỉnh ĐT.264B: Chiều dài 16km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

2.6.1.3 Đường huyện:

- Hệ thống đường huyện: có 16 tuyến đường với tổng chiều dài 126,7km, về cơ bản đã được láng nhựa và bê tông nhựa, đáp ứng được nhu cầu giao thông của nhân dân.

Các tuyến đường huyện đóng vai trò kết nối các trung tâm phát triển, các khu, các cụm công nghiệp hoặc khu đô thị, khu dân cư với thị trấn huyện lỵ và hệ thống giao thông đối ngoại. Tiêu chuẩn kỹ thuật chung của đường huyện, cơ bản được xây dựng theo tiêu chuẩn giao thông đường bộ, với cấp kỹ thuật đạt cấp V và cấp VI, GTNT loại A; chiều rộng nền, mặt đường không đồng đều; bề rộng nền đường từ 6m – 7,5m và mặt đường cơ bản đạt rộng 3,5-7m.

2.6.1.4 Công trình giao thông

Trên địa bàn thị trấn Chợ Chu có bến xe Định Hóa diện tích 3.000m², nằm tại thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại IV.

THÔNG KÊ DANH MỤC ĐƯỜNG HUYỆN						
T T	Tên đường	Chiều dài (km)	Kí hiệu	Địa danh		Cấp đường
				Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Đường vào khu di tích Phụng Hiến	2,2	ĐH.90	(Km8 ĐT.264B)	Km2+220 (Phụng Hiến)	VI - MN

THỐNG KÊ DANH MỤC ĐƯỜNG HUYỆN						
T T	Tên đường	Chiều dài (km)	Kí hiệu	Địa danh		Cấp đường
				Điểm đầu	Điểm cuối	
2	Đường vào khu di tích Nà Mòn	1,0	ĐH.91	(Km10+200 ĐT.264B)	Km1+00 (Nà Mòn)	VI - MN
3	Đường vào khu di tích Khuôn Tát	1,2	ĐH.92	(Km13+500 ĐT.264B)	Km1+200 (Khuôn Tát)	IV - MN
4	Chợ Chu - Tân Thịnh - Lam Vỹ	6,7	ĐH.93	(Km212 +400 HCM)	Km12+700 (THCS Lam Vỹ)	VI - MN
5	Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	16,5	ĐH.94	(Km23+100 - QL.3C)	Km17+00 (THCS Lam LV)	VI - MN
6	Phúc Chu - Bảo Linh	14,1	ĐH.95	(Km20- QL.3C)	Km17+00 (Đèo Muồng)	VI - MN
7	Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ	11,5	ĐH.96	Km0 (Km0 +400 NT)	Km11+00 (Km10 ĐH CC-LV)	VI - MN
8	Kim Phụng - Quy Kỳ	3,2	ĐH.97	(Cầu Kim Phụng - cầu Quy Kỳ)	Km4 +00 (Trần Quy Kỳ)	VI - MN
9	Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh	9,8	ĐH.98	(KM18+300- QL.3C)	Km9+800 (Km7 ĐH PC - BL)	GTNT loại A
10	Nà Guồng - Đồng Thịnh	7,2	ĐH.99	(Km2+100- ĐT.264)	Km7+200 (Km7 ĐH PC - BL)	VI - MN
11	Tân Dương - P. Tiến - T. Hội	9,7	ĐH.90B	(Trần Tân Dương)	Km9+700 (QL.3C)	VI - MN
12	Bình Thành - Phú Đình	10,0	ĐH.91B	Km11+400 (ĐT.264)	Km10+00 (ĐT.264B)	VI - MN
13	Tân Thịnh – Khe Thí	11,5	ĐH.92B	(Km7- ĐH CC-LV)	(Khe Thí)	VI - MN
14	Đá Bay - Thanh Xuân	6,7	ĐH.93B	(Km3+500 ĐT.264B)	Km6+700 (Thanh Xuân)	VI - MN
15	Phú Tiến - Bộc Nhiêu - Bình Thành	10,7	ĐH.94B	(Km9-QL.3C)	Km12 (ĐT.264)	VI - MN

THỐNG KÊ DANH MỤC ĐƯỜNG HUYỆN						
T T	Tên đường	Chiều dài (km)	Kí hiệu	Địa danh		Cấp đường
				Điểm đầu	Điểm cuối	
16	Yên Trạch - Phú Tiến - Cây Sung	4,7	ĐH.95B	(Yên Trạch)	(Ôn Lương)	VI - MN
	TỔNG CỘNG	126,7				

2.6.2 Hiện trạng nền xây dựng và thoát nước mặt

2.6.2.1 Hiện trạng nền xây dựng

* Thị trấn Chợ Chu:

- Địa hình của thị trấn Chợ Chu xung quanh là đồi núi. Trung tâm của thị trấn nằm trên quốc lộ 3C, là vùng đất tương đối bằng phẳng, cao độ trung bình 84÷95m, hướng dốc Tây Đông.
- Cao độ nền xây dựng hiện trạng: $H > 87.0m$.

2.6.2.2 Hiện trạng thoát nước mặt

- Thị trấn Chợ Chu cơ bản có đủ hệ thống thoát nước mưa. Tuy nhiên, do các tuyến thoát nước tiết diện đồng cấp và chỉ có 1 hệ thống thoát nước chính ra sông Chu do vậy thường hay ngập úng cục bộ.
- Khu vực dân cư nông thôn hiện nay hầu như chưa có xây dựng hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra sông, suối, khe hoặc tự thấm. Hiện trạng môi trường nông thôn còn nhiều tồn tại.

2.6.3 Hiện trạng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai

2.6.3.1 Hiện trạng hệ thống thủy lợi

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và địa hình chia cắt, đồi núi dốc, ruộng bậc thang nên các công trình thủy lợi của huyện chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ. Diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới tiêu ngày càng tăng:

Hệ thống hồ chứa: hiện có 69 hồ chứa lớn nhỏ.

Hệ thống đập: hiện có 105 phai, đập lớn nhỏ.

Hệ thống kênh: tổng số 361 km. Trong đó có 118,1 km kênh đã kiên cố, còn lại là kênh đất.

Hệ thống tiêu: Trong địa phận của huyện có hai hệ thống sông chảy qua các xã (Bảo Linh, Định Biên, Bảo Cường, Thị trấn Chợ Chu...) thuộc chi lưu suối Bảo Linh của sông Chu. Lũ ở khu vực này tập trung nhanh nhưng cũng rút nhanh, thời gian tập trung lũ khoảng 10 giờ. Do thung lũng nhỏ hẹp và lưu vực có độ dốc lớn nên dòng lũ thường tập trung ngay vào các khe lạch và suối chính, vấn đề tiêu nước nội bộ không có gì bất

thường. Nhìn chung không có hiện tượng úng cục bộ. Khu vực này có hai vấn đề cần phải quan tâm:

Khu vực cầu Nà Linh, thị trấn Chợ Chu là điểm hội tụ của 3 chi lưu nên nếu có mưa đồng thời trên cả 3 chi lưu và kéo dài 2 - 3 ngày sẽ dẫn đến ngập úng hàng trăm ha ruộng, nhà cửa, hoa màu. Đây là một tồn tại chưa khắc phục được.

Các xã thuộc thượng nguồn Sông Công (Phú Đình, Sơn Phú, Trung Lương, Bình Thành) có nhiều hồ nhân tạo hơn nên việc điều tiết lũ theo hình thức rải phân nào làm chậm lũ hơn. Trên cả hai khu vực việc tiêu lũ chủ yếu ở dạng tự nhiên chưa có hệ thống tiêu chủ động, chưa có hệ thống đê. Về phương diện điều tiết mới chỉ có mới chỉ có hồ Bảo Linh với sức chứa 5,8 triệu m³ nước và các hồ lớn nhỏ tham gia phần nào ào việc chứa, rải nước khi có lũ. Để góp phần làm giảm nhẹ thiên tai và lũ lụt cần phục hồi năng lực làm việc của các hồ.

2.6.3.2_ Hiện trạng phòng chống thiên tai

Trong những năm gần đây hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa ít, phân bố không đều giữa các vùng trên địa bàn huyện, do vậy lượng nước tích đạt thấp. Đập Tân Thái trên địa bàn huyện thường xuyên bị thiếu nước. Nhiều tuyến kênh chưa được kiên cố hóa thường xuyên bị sạt, trượt gây khó khăn cho việc dẫn nước.

Hàng năm, huyện chịu nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra với các loại hình thiên tai chủ yếu như: mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất tại các sườn dốc, các tuyến đường giao thông trên địa bàn.

Ngập lũ thường xảy ra tại vùng ven sông suối trên địa bàn các huyện Định Hóa

Các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét cao gồm các xóm: Nà Tắc, Khau Viêng, Nà Làng (xã Lam Vỹ); khu vực Phai Măn, Đèo Phượng (xã Linh Thông); Khuổi Lừa, Nà Chúa, Thịnh Mỹ 1 (xã Tân Thịnh); Sự Thật, Khuổi Tát, Đãng Mò, Đồng Hâu (xã Quy Kỳ); Khuổi Chao (xã Bảo Linh),...

Các tuyến đường thường xảy ra sạt lở đất như:

- + Đường tỉnh ĐT.264 đoạn qua huyện Định Hóa.
- + Đường quốc lộ 3C đoạn qua huyện Định Hóa

Năm 2016 từ ngày 23/01 đến ngày 28/01 do ảnh hưởng không khí lạnh kèm mưa, rét hại xảy ra trên diện rộng, tại Định Hóa ngày 24/01 xuất hiện mưa đông kết dạng tuyết; nhiệt độ thấp nhất đo được tại Định Hóa là 4°C.

2.6.4 Hiện trạng hệ thống cấp nước

Trên địa bàn huyện Định Hóa có 54 công trình cấp nước, trong đó 51 công trình do huyện quản lý, 3 công trình do tỉnh quản lý. Trong 51 công trình do huyện quản lý hiện nay có 29 công trình đang hoạt động, còn lại dừng hoạt động vì nhiều nguyên nhân khác nhau như nguồn nước không đảm bảo, đường ống hỏng... Cấp nước đô thị là trạm cấp nước Chợ Chu, công suất 800m³/ngày, được xây dựng năm 1995-1996, chủ đầu tư là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp nước cho thị trấn Chợ Chu và các khu vực

lân cận, nguồn cấp là 1 giếng khoan sâu 70m, có lưu lượng từ 9 - 12 l/s. Còn lại là các công trình cấp nước sạch nông thôn. Bảng thống kê hiện trạng các công trình cấp nước còn đang hoạt động dưới đây:

(Xem chi tiết tại Phụ lục 3: Bảng thống kê các công trình cấp nước còn hoạt động của huyện Định Hóa)

2.6.5 Hiện trạng hệ thống thoát nước thải

Khu vực thị trấn Chợ Chu chưa có hệ thống xử lý nước thải riêng biệt, nước thải sinh hoạt được xử lý chủ yếu bằng bể tự hoại của các hộ gia đình trước khi thải ra môi trường hoặc hệ thống thoát nước chung.

Các điểm dân cư nông thôn hầu hết là không có hệ thống thoát nước. Nước thải sinh hoạt chủ yếu tự thấm, hoặc chảy tràn xuống các khu vực trũng,... kênh mương nội đồng xung quanh rồi thoát ra sông hồ.

2.6.6 Hiện trạng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn

Hiện nay công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tập trung được thực hiện trên địa bàn thị trấn Chợ Chu và các xã Trung Hội, Bảo Cường, Trung Lương, Bình Yên, Phượng Tiến, Đồng Thịnh, Sơn Phú, Phúc Chu, Kim Phượng, Thanh Định, Phú Đình, Bộc Nhiêu, Phú Tiến, Định Biên, Tân Thịnh, Quy Kỳ...

Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại thị trấn Chợ Chu ước đạt khoảng 85%, tại các xã chủ yếu thu gom tại các khu dân cư tập trung tại các tuyến đường chính, tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt còn thấp.

Lượng rác thải sinh hoạt này sau khi thu gom được xử lý đốt tại lò đốt thị trấn Chợ Chu, lò đốt rác thải sinh hoạt xã Bình Yên, lò đốt rác thải sinh hoạt xã Phú Đình, Tân Thịnh.

Bảng 2.6-1: Thống kê hiện trạng khu xử lý chất thải rắn huyện Định Hóa

TT	Tên, địa điểm khu xử lý	Diện tích (ha)	Công suất xử lý (năm 2020) (tấn/ngày)			Ghi chú
			Tổng cộng	Chôn lấp	Đốt, tái chế	
1	Khu xử lý CTRSH TT Chợ Chu, huyện Định Hóa	4,02	15,0	5,0	10,0	Đốt bằng khí tự nhiên
2	Khu xử lý CTRSH Bình Yên, huyện Định Hóa	0,2	10,0	0	10,0	Đốt bằng khí tự nhiên

3	Khu xử lý CTRSH Phú Đình, huyện Định Hóa	0,2	9,6	-	9,6	Đốt bằng khí tự nhiên
4	Khu xử lý CTRSH Tân Thịnh, huyện Định Hóa	0,2	10,0	0	10,0	Đốt bằng khí tự nhiên

2.6.7 Hiện trạng nghĩa trang

Huyện có 01 nghĩa trang hiện trạng là nghĩa trang Chợ Chu, với diện tích khoảng 0,5ha. Nghĩa trang nằm ở phía Bắc thị trấn và có khoảng cách đến thị trấn Chợ Chu khá gần (khoảng 1,0km). Hiện nay nghĩa trang đang được đầu tư nâng cấp với quy mô 4,5ha. Ngoài ra, các xã cũng đã có nghĩa trang quy mô nhỏ.

2.6.8 Hiện trạng hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc

2.6.8.1 Hiện trạng hệ thống cấp điện

Huyện Định Hóa hiện nay có 03 nguồn cấp điện gồm: 02 đường dây 35/22KV và 01 đường dây 22KV được cấp từ đường dây 475 Đại Từ - Định Hóa.

Tổng khối lượng đường dây trung thế, hạ thế và các TBA phân phối trên địa bàn huyện:

- Tổng số đường dây trung thế: 262,617km, trong đó: Đường dây 35KV (373E6.6) là 100,407 km; Đường dây 22KV (471.472,473)TGQV là 162,21 km; Cấp ngầm, nổi 22 KV là 0,43 km.

- Tổng chiều dài đường dây hạ thế 0,4 KV là 602,247 km, trong đó: Lưới 3 pha 4 dây: 580,296 km (Dây trần: 14,424 km; dây bọc: 565,872 km); Lưới 1 pha, 2 dây: 21,951 km (Dây trần: 1,219 km; dây bọc: 20,732 km).

- Tổng số Trạm/Máy: 259T/260M: $\Sigma S = 60075$ kVA, trong đó: Trạm TG 35/22 KV: 01T/02M: $\Sigma S = 11.900$ kVA; Trạm 35/0,4 KV: 93T/93M: $\Sigma S = 18610$ kVA.

Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện: 26.206 hộ. Tổng số hợp đồng mua bán điện là: 31.715 khách hàng, trong đó: Khách hàng sinh hoạt: 27.833 khách hàng; Điện phục vụ kinh doanh: 431 khách hàng; Điện phục vụ sản xuất: 2.680 khách hàng; Điện phục vụ hành chính: 771 khách hàng.

Trên địa bàn huyện hiện nay có 02 đơn vị đang hoạt động kinh doanh lĩnh vực điện lực là: Điện lực Định Hóa; Hợp tác xã dịch vụ Điện xã Phúc Chu.

Hiện nay Lưới điện đã được xây dựng từ lâu và chủ yếu đi qua các khu vực đồi núi, đường xá đi lại khó khăn, chưa được đầu tư cải tạo đồng bộ. Một số hộ dân chưa chấp hành các quy định về bảo vệ hành lang lưới điện, vẫn còn tình trạng trồng cây, xây

dựng các công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, gây khó khăn trong việc chặt tỉa cây có nguy cơ gây ảnh hưởng đến lưới điện.

2.6.8.2_ Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

Hiện trạng hệ thống trạm BTS; tổng đài vệ tinh.

Đề có được mạng lưới di động phủ sóng rộng khắp 23 xã/ thị trấn trên địa bàn toàn huyện, đó là sự đầu tư bổ xung cơ sở hạ tầng và quan tâm của ngành hàng năm. Hiện nay đơn vị đang vận hành quản lý, khai thác tổng số 44 trạm BTS các loại và 01 Tổng đài vệ tinh tại trụ sở trung tâm; (bao gồm 12 cột tự đứng; 24 cột dây co loại 42 m và 08 cột Remote Sector loại 30 m, lắp đặt thiết bị 2,3,4G đảm bảo độ rộng vùng phủ và chất lượng sóng tốt phục vụ công tác điều hành chính quyền và chính trị địa phương của huyện. Ngoài ra còn phục vụ nhu cầu sử dụng Internet máy điện thoại truyền thống cho các doanh nghiệp, các hộ dân trên địa bàn huyện.

Hệ thống thiết bị vệ tinh VISAT IP chuyên dùng cho công tác phòng chống thiên tai bão lụt tuyến tỉnh - Trung ương hiện tại hoạt động tốt.

.Hệ thống cáp dịch vụ Viễn thông.

* Cáp truyền dẫn đường trục Manet: Được thiết kế hoạt động theo 02 hướng;

- Hướng 1: Định Hóa – Quán vương – Phú lương – Thái Nguyên;

- Hướng 2: Định Hóa – Bình Yên – Định Hóa - Thái Nguyên;

* Mạng cáp ngoại vi, truyền dẫn nối các trạm phát sóng di động BTS với nhau theo mô hình đấu nối qua Sw12, và vòng ring hạn chế tối đa mất liên lạc cục bộ trạm BTS riêng lẻ.

* Mạng cáp GPON: Với tổng số hơn 400km cáp quang các loại từ dung lượng 6,8,12,24 fo, cung cấp các dịch vụ FiberVNN có dây và truyền hình Mytv đến các hộ dân, doanh nghiệp, chính quyền các xã/ thị trấn. Đến nay số lượng thuê bao FiberVNN = 8483 TB; MyTV = 6700 TB; đường thuê kênh riêng, đường truyền số liệu chuyên dùng cho ngành công an, truyền hình trực tuyến huyện uỷ, UBND huyện, các xã thị trấn trên toàn địa bàn huyện.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 15 đài truyền thanh (trong đó có 04 Đài truyền thanh thông minh, 11 bộ đài FM).Hiện trạng tài nguyên và môi trường.

2.6.9 Hiện trạng tài nguyên

2.6.9.1_ Tài nguyên khoáng sản

Tính đến thời điểm năm 2022, toàn huyện có 01 mỏ được cấp phép khai thác trên địa bàn, là: Mỏ đá vôi Keo Hin, xã Phụng Tiến (hiện đã được cấp phép đến năm 2038).

2.6.10 Hiện trạng môi trường

a. Môi trường đất

Chất lượng môi trường đất ít nhiều bị tác động và có chiều hướng suy giảm, nguyên nhân chủ yếu từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng không hợp lý thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và hoạt động dịch vụ. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ô nhiễm môi trường đất:

- Thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học sử dụng không đúng quy cách, bao bì, vỏ chai vứt vừa bãi trên đồng ruộng; phân chuồng từ chăn nuôi xả trực tiếp ra môi trường, nhiều nơi còn sử dụng nước thải ra không qua xử lý để tưới.

- Do các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và sinh hoạt là nguồn gây ô nhiễm đất một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Đặc điểm địa hình là miền núi nên các hiện tượng rửa trôi, sạt lở do mưa lũ, xói mòn đất cũng làm thay đổi hệ sinh thái trong môi trường đất, làm thoái hóa đất, suy thoái, ô nhiễm môi trường đất.

b. Môi trường nước

Huyện có 3 hệ thống sông chính: Hệ thống sông Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu, đây là nguồn cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đồng thời đây cũng là nguồn tiếp nhận nước thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt.

Về tình trạng ô nhiễm nước ở nông thôn và sản xuất nông nghiệp, có 92,69% dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao.

c. Môi trường không khí

Ô nhiễm môi trường không khí do ảnh hưởng của giao thông, đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện chưa nghiêm trọng.

2.7 Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng huyện

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có các chương trình, dự án đầu tư phát triển có sự ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đối với Quy hoạch vùng huyện Định Hóa, như sau:

2.7.1 Quy hoạch cấp trên

- Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: chỉ rõ cho quy hoạch vùng huyện Định Hóa về Tính chất và động lực phát triển; định hướng phát triển đô thị, nông thôn; định hướng không gian phát triển; định hướng hạ tầng xã hội; định hướng hạ tầng kỹ thuật;¹⁵

¹⁵ Mục 6.2.3 Huyện Định Hóa – Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên – Tuyên Quang – Bắc Kạn đến năm 2030 (đã được phê duyệt);
- Đường Hồ Chí Minh giai đoạn I (Đã hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng) đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên có tổng chiều dài 17,4 km, điểm đầu thuộc địa phận xóm Bắc Bé, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, điểm cuối thuộc Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa; trong đó, đoạn đi qua địa phận huyện Định Hóa dài khoảng 11,4 km).
- Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2030.
- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Định Hoá thời kỳ 2021 – 2030¹⁶;

2.7.2 Quy hoạch cùng cấp các huyện giáp ranh huyện Định Hoá

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 (đang triển khai thực hiện);

2.7.3 Các chương trình, dự án đầu tư phát triển thuộc địa bàn huyện

2.7.3.1 Các quy hoạch xây dựng

- Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu (mở rộng) – huyện Định Hoá – tỉnh Thái Nguyên (đang triển khai thực hiện);
- Danh mục dự kiến các công trình trọng điểm huyện Định Hoá giai đoạn năm 2021-2030;

2.7.3.2 Các chương trình, dự án nông nghiệp – nông thôn

- Các chương trình Quy hoạch Nông thôn mới của huyện Định Hoá (đã được phê duyệt);
- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Định Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề huyện Định Hoá giai đoạn 2022-2030;

2.7.3.3 Các chương trình, dự án du lịch

- Đề án phát triển du lịch công đồng gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống các dân tộc huyện Định Hoá giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.7.3.4 Các chương trình, dự án khu chức năng khác

- Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Tân Dương, xã Tân Dương, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (Đang triển khai);

¹⁶ Đang thực hiện điều chỉnh

2.8 Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- *Công tác quản lý quỹ đất* sau quy hoạch sử dụng đất ở nhiều xã còn chưa chặt chẽ, việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật còn hạn chế.
- *Chất thải rắn công nghiệp* phát sinh ít, chiếm tỷ lệ nhỏ so với với lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày. Chất thải xây dựng chưa được thu gom, quản lý, đa phần được tận dụng để san lấp mặt bằng, một phần nhỏ đổ thải chưa đúng nơi quy định.
- *Rác thải sinh hoạt* tại các xã đã được thành lập tổ thu gom rác và được xử lý tại 4 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn Chợ Chu, các xã Tân Thịnh, Phú Đình và Bình Yên;
- *Ô nhiễm chất thải chăn nuôi*: Hiện nay trên địa bàn huyện các trang trại chăn nuôi, chăn nuôi quy mô hộ gia đình phát triển nhanh, đóng góp vào phát kinh tế của gia đình, xã hội. Tuy nhiên còn một số hộ chăn nuôi chưa tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT như: chưa có hồ sơ thủ tục về môi trường; có biện pháp xử lý chất thải, nước thải bằng Biogas nhưng hiệu suất xử lý kém do các hộ chăn nuôi với số lượng lớn, dung tích bình chứa nhỏ, đa số chưa có ao lắng sau nước thải Biogas. Một số trang trại, gia trại chăn nuôi nằm xen kẽ trong các khu dân cư, có quỹ đất nhỏ hẹp không đủ diện tích để xây dựng các công trình xử lý chất thải đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường. Do đó phân thải ra còn là phân tươi, chưa kịp phân hủy, lắng đã thải ra môi trường ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí, ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng tới sinh hoạt và sản xuất. Đặc biệt việc xử lý nước thải sau hệ thống biogas chưa được quan tâm thực hiện. Nước thải sau hệ thống biogas với nồng độ các chất ô nhiễm cao thường được xả thẳng ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.
- *Ô nhiễm trong hoạt động kinh doanh và chế biến lâm sản*: Hoạt động của các cơ sở kinh doanh và chế biến lâm sản xây dựng chủ yếu là mang tính tự phát, nhỏ lẻ nằm trong khu dân cư, mặt bằng, công nghệ và thiết bị thủ công, tận dụng nguồn lao động phổ thông; nhất là ý thức về bảo vệ môi trường của các chủ cơ sở còn rất nhiều hạn chế. Công tác xử lý rác thải (vỏ cây, mùn cưa...) chưa đảm bảo, các cơ sở chủ yếu chưa xây dựng hệ thống xử lý, không có hướng xử lý, không có lò đốt mà chỉ tập hợp lại một khu sau đó đốt gây ô nhiễm không khí cục bộ tại khu vực đó. Một số cơ sở tập hợp rác thải lại để bán cho một số đơn vị có nhu cầu sử dụng làm chất đốt, tuy nhiên do lưu tại cơ sở rất lâu, sau những cơn mưa nước chảy tràn làm ảnh hưởng tới nguồn nước mặt, nước ngầm do ngấm xuống đất. Sự gia tăng nhanh các cơ sở chế biến kinh doanh lâm sản cũng dẫn đến khai thác nguyên liệu khó kiểm soát, cạn kiệt nguyên liệu tài nguyên rừng.

PHẦN 3: ĐỘNG LỰC, TIỀM NĂNG VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN

3.1 Xác định động lực và tiềm năng phát triển của huyện Định Hoá

3.1.1 Tiềm năng phát triển

3.1.1.1 Vị trí quan trọng của huyện Định Hoá

Định Hoá có điều kiện vị trí rất thuận lợi để giao lưu với các huyện, các tỉnh trong Vùng miền núi và trung du phía Bắc và các địa phương trong tỉnh Thái Nguyên.

- Có tuyến đường QL3C kết nối các địa phương của tỉnh Thái Nguyên (huyện Phú Lương, Tp. Thái Nguyên) với tỉnh Bắc Kạn;
- Có tuyến đường Hồ Chí Minh kết nối giữa tỉnh Bắc Kạn với tỉnh Tuyên Quang chạy qua huyện lỵ Định Hoá;
- Có các tuyến TL264 và 264B kết nối các huyện Phú Lương, Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và các huyện phía Đông của tỉnh Tuyên Quang.

Đó là những giao điểm, những tuyến giao thông quan trọng đề thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội gắn với phát triển dịch vụ thương mại, du lịch, công nghiệp của huyện trong những năm tới.

3.1.1.2 Tài nguyên thiên nhiên thuận lợi để phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

- Huyện Định Hoá khá phong phú về các loại đất với 11 loại đất phân bố trên địa bàn huyện rất thuận lợi để phát triển các vùng đất phát triển các loại giống cây trồng như lúa, các loại rau màu như ngô, lạc, mía; cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả đặc sản, cây lâm nghiệp đặc sản, chè, ngô sản, vầu, cọ ...¹⁷
- Rừng sản xuất chiếm gần 60% đất lâm nghiệp¹⁸
- Huyện Định Hoá có nguồn nước mặt khá phong phú, với 3 hệ thống sông chính là hệ thống sông Chợ Chu, hệ thống sông Công và hệ thống sông Đu. Rất nhiều các hồ đập lớn nhỏ. Nguồn nước ngầm cũng rất dồi dào và có chất lượng tốt, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt và cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.¹⁹
- Thảm thực vật của Định Hoá rất phong phú, chứa đựng nhiều tiềm năng kinh tế, với các loại lâm sản quý như gỗ nghiến, lim, lát, sến và các loại tre, nứa, vầu, trám... tại vùng đất các xã phía Nam của huyện có nhiều cây cọ, lá để lợp nhà, cuộng để làm mành, thân làm kèo, xà nhà rất bền. Điều kiện thổ nhưỡng rất tốt để phát triển rừng sản xuất gắn với các loại cây có giá trị.

¹⁷ 2.1.5.1 Tài nguyên đất

¹⁸ 2.1.5.3 Tài nguyên rừng

¹⁹ 2.1.5.2 Tài nguyên nước

- Định Hóa là một huyện nằm trong vùng sinh khoáng Định Hóa - Phú Lương
- Chợ Đồn, có nhiều mỏ quặng nhỏ phân tán thuộc nhóm khoáng sản kim loại, phi kim (Eyrit, photphorit, Graphit) và vật liệu xây dựng.

3.1.1.3_ Giàu tiềm năng phát triển du lịch²⁰

** Tiềm năng du lịch sinh thái*

Định Hóa là huyện có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, hồ sinh thái lớn. Trên địa bàn huyện Định Hóa có 02 danh lam thắng cảnh Quốc gia (danh thắng Chùa Hang, thị trấn Chợ Chu và Thác Khuôn Tát - xã Phú Đình) là những địa điểm có cảnh quan đẹp, được thiên nhiên ưu đãi, hang động rộng, thoáng, bên trong có nhũ đá với hình thù độc đáo. Hồ Bảo Linh là hồ nhân tạo lớn thứ hai của tỉnh Thái Nguyên, với diện tích mặt hồ trên 80ha, giữa hồ có nhiều đảo nổi, quanh bờ hồ hệ sinh thái phong phú; ngoài ra hình ảnh đặc trưng như rừng cọ, đồi chè cũng tạo được những ấn tượng riêng đối với khách tham quan khi đến với Định Hóa.

** Tài nguyên du lịch lịch sử, văn hoá*

Huyện Định Hóa có 183 di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh được đưa vào danh mục kiểm kê. Trong đó có 01 di tích (ATK Định Hóa - gồm 13 điểm di tích thành phần) được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 18 di tích được xếp hạng quốc gia và 27 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 05 di sản văn hóa phi vật thể được công nhận (ngoài ra còn 125 danh mục di tích được đưa vào kiểm kê quản lý). Hầu hết các di tích xếp hạng đã được đầu tư tôn tạo, phục dựng bảo tồn. Đây là một trong những cụm di tích quan trọng nhất của cả nước trong thế kỷ XX. Định Hóa trở thành nơi hành hương về nguồn của các cơ quan Trung ương, Quân đội và du khách thập phương. Đây là một tiềm năng du lịch tham quan, tìm hiểu lịch sử quan trọng nhất của tỉnh Thái Nguyên.²¹

Trong thời gian qua, nhiều di sản văn hóa phi vật thể được bảo tồn; dân ca, dân vũ, những phong tục tập quán độc đáo, sản vật và ẩm thực dân tộc là những tiềm năng du lịch tìm hiểu văn hóa dân tộc. Lễ hội Lồng Tồng - được tổ chức vào ngày mùng 9-10 tháng giêng hàng năm với các hoạt động văn hóa dân tộc được tái hiện, có sức hấp dẫn du khách tham quan như: Hát Then của người Tày, Sáng Cọ, Múa Tắc Xình của người Sán Chay, Pá Dung của người Dao, múa rối cạm của hai phường Ru Nghệ (xã Đồng Thịnh) và Thảm Rộc (xã Bình Yên)...Ngoài ra các làng nghề truyền thống như làng nghề Chè Sơn Phú, Phú Ninh (Phú Đình), dệt Mành Cọ (xã Đồng Thịnh) và ẩm thực đa dạng như: Gạo bao thai Định Hóa, Nấm Hương, Măng, Trám, Bánh Tro, Cơm Lam, Xôi Ngũ Sắc, Măng Nhồi Thịt...trở thành điểm nhấn trong hoạt động du lịch trải nghiệm văn hóa.

** Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng*

Huyện Định Hóa có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng: vùng đất đa bản sắc văn hóa và giàu truyền thống lịch sử cách mạng, nơi đây còn lưu giữ nhiều

²⁰ Mục 2, Phần 2_ Đề án phát triển du lịch huyện Định Hoá

²¹ Các số liệu trên từ nguồn văn bản số 60/VHTT-VHTT ngày 23/3/2023 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Định Hóa. Tuy nhiên, một vài số liệu khác với Đề án số 4415/ĐA-UBND ngày 09/12/2023.

giá trị văn hóa riêng, còn hiện hữu nhiều di sản văn hóa có ý nghĩa quan trọng về lịch sử, văn hóa, giáo dục, khoa học... Đây chính là điều kiện, cơ sở quan trọng để phát triển du lịch cộng đồng, loại hình du lịch dựa vào tài nguyên của cộng đồng, do cộng đồng làm chủ, tham gia xây dựng, phát triển sản phẩm vì lợi ích cộng đồng.

Định Hóa có nhiều di sản văn hóa đã được công nhận di sản văn hóa Quốc gia, hệ thống di tích lịch sử được đánh giá là có giá trị quan trọng bậc nhất của Việt Nam ở thế kỷ XX. Trên địa bàn huyện có nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch như: Có nhiều khu di tích lịch sử cách mạng phát triển du lịch tham quan tìm hiểu lịch sử; nơi tập trung đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thuận lợi cho phát triển du lịch tìm hiểu văn hoá các dân tộc; có khí hậu trong lành thích hợp với phát triển du lịch sinh thái... Làng văn hóa du lịch cộng đồng Bản Quyên, xã Điềm Mặc - một bản làng dân tộc Tày được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là làng truyền thống tiêu biểu của dân tộc Tày, đồng thời có hỗ trợ bảo tồn làng văn hóa truyền thống theo Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa. Theo đó, Bản Quyên có 15 nhà sàn được bảo tồn, 03 gia đình tham gia làm điểm lưu trú (homestay).

Bên cạnh đó, huyện Định Hóa đã tập trung phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của các địa phương hỗ trợ cho phát triển du lịch như: hoa quả sạch, mì gạo Bao Thai, miến dong, tinh dầu quế, các sản phẩm chè búp khô...

3.1.1.4 _Lực lượng lao động trẻ

Định Hóa có 23 đơn vị hành chính cấp xã (22 xã, 1 thị trấn) với tổng dân số 89.991 người (chưa bao gồm dân số quy đổi), trong đó dân số trẻ chiếm tỷ lệ lớn. Xu thế phát triển lực lượng lao động trong huyện ngày càng trẻ, trình độ văn hoá và chuyên môn ngày càng cao. Đây chính là tiềm năng, động lực quan trọng góp phần vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

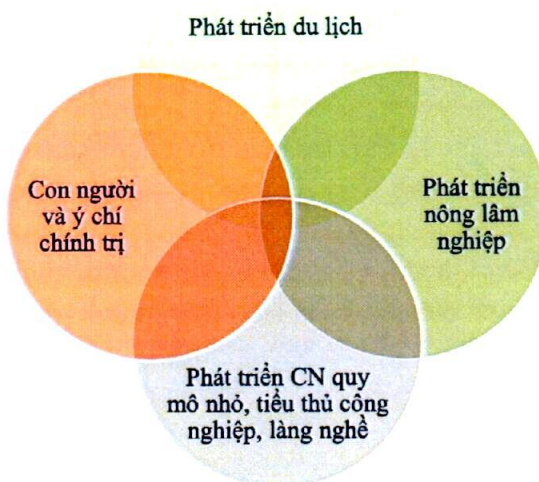
3.1.1.5 _Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng với các định hướng quy hoạch tỉnh Thái Nguyên với huyện Định Hoá.

Huyện Định Hoá là vùng đất lịch sử cách mạng Việt Nam, luôn nhận được nhiều sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, từ Trung ương đến địa phương. Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có nhiều định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho Định Hoá. Mặt khác, tỉnh Thái Nguyên có nhiều chủ trương chính sách tập trung nhiều nguồn lực cho Định Hoá. Điều đó trở thành động lực để Định Hoá phát triển nhanh trong tương lai.

3.1.2 Động lực phát triển

“Huyện Định Hóa nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, là huyện miền núi, có diện tích rừng lớn và phong phú, đa dạng. Sự phát triển kinh tế của huyện dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi lĩnh vực **du lịch, nông nghiệp và lâm nghiệp**. Các dự án **công nghiệp quy mô nhỏ** hơn trên địa bàn huyện cũng sẽ đóng góp vào nền kinh tế địa phương. Sự phát triển du lịch sẽ tập trung vào “**du lịch lịch sử, văn hóa và sinh thái**” tận dụng tài

nguyên rừng tự nhiên của huyện. Du lịch văn hóa sẽ được thúc đẩy xung quanh các di tích ATK như một di sản quan trọng của huyện.”²²



Động lực 1: Phát triển du lịch, dịch vụ.

Huyện Định Hóa được xác định là trung tâm của khu di tích lịch sử cách mạng ATK, là khu vực đặc biệt quan trọng được Đảng và Nhà nước quan tâm với nhiều chính sách ưu tiên để phát triển kinh tế - xã hội. Cùng với điều kiện thiên nhiên, cảnh quan sinh thái đa dạng và phong phú; nhiều di tích lịch sử, văn hóa gắn với các đồng bào dân tộc anh em là tiềm năng phát triển Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch.

Động lực 2: Phát triển nông, lâm nghiệp

Huyện Định Hóa có tiềm năng về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, quỹ đất và là thế mạnh để phát triển trở thành vùng kinh tế nông, lâm nghiệp quan trọng của tỉnh Thái Nguyên.

Động lực 3: Phát triển công nghiệp quy mô nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

Huyện có nhiều quỹ đất nằm trên các tuyến đường hay giao lộ giao thông quan trọng như QL3C, đường Hồ Chí Minh, và là vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp, làng nghề; Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đã xác định các cụm công nghiệp có ý nghĩa cấp tỉnh tại huyện đã trở thành điều kiện phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp làng nghề gắn với du lịch trên địa bàn huyện.

Động lực 4: Con người và ý chí chính trị.

Huyện có nguồn lao động trẻ dồi dào, người dân chăm chỉ lao động cùng với ý chí, sự đoàn kết và quyết tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân để xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội huyện trong những năm tới.

²² Mục 6.2.3_IV – Huyện Định Hóa – Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

3.2 Tác động của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật (Cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh) đối với huyện

3.2.1 Tác động từ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp trên đối với huyện

- Đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 3C đi qua trung tâm huyện là thị trấn Chợ Chu mang ý nghĩa đặc biệt, giúp thúc đẩy việc giao thương liên huyện, liên tỉnh nhanh và thông suốt cũng như kết nối các tiềm năng phát triển du lịch cho vùng huyện trong hiện tại và tương lai. Đặc biệt, quốc lộ 3C sẽ là trục xương sống cho định hướng phát triển không gian vùng huyện.
- Quy hoạch đường dây và trạm biến áp 110 KV đặt tại địa bàn huyện mang lại điều kiện thuận lợi cho sự ổn định điện năng để phục vụ nhu cầu cho phát triển kinh tế, xã hội và các cụm công nghiệp của huyện trong tương lai.

3.2.2 Tác động từ hệ thống hạ tầng xã hội cấp trên đối với huyện

Các điểm di tích lịch sử cấp Quốc gia về vùng chiến khu các mạng ATK nằm trên địa bàn huyện có tác động to lớn tới động lực và định hướng phát triển của huyện Định Hóa. Các nguồn khách du lịch tới các điểm di tích lịch sử cách mạng đã và đang mang lại nguồn thu gián tiếp cho ngân sách huyện đồng thời là liều thuốc tinh thần cổ vũ, niềm tự hào cho nhân dân trong huyện.

3.3 Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hoá, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường

3.3.1 Nguyên tắc dự báo

3.3.1.1 Dự báo phát triển kinh tế

Số liệu dự báo phát triển kinh tế giai đoạn 2021-2030 trên cơ sở Nghị quyết 01-NQ/HU ngày 28/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Số liệu dự báo phát triển kinh tế giai đoạn 2031-2045 được tính theo mức tăng trưởng đều nội suy từ giai đoạn trước;

3.3.1.2 Dự báo tăng trưởng dân số và lao động

Quy mô dân số gồm dân số thống kê thường trú và dân số tạm trú quy đổi.

Mức tăng trưởng dân số tự nhiên giai đoạn 2021-2030 và giai đoạn 2031-2045 căn cứ theo số liệu của Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Mức tăng trưởng dân số cơ học dự báo từ các nguồn: lao động từ nơi khác đến làm việc tại các cụm công nghiệp hoặc tham gia vào các việc làm trong lĩnh vực dịch vụ du lịch hoặc từ các cơ quan đơn vị khác đóng trên địa bàn (căn cứ quân sự)...

Dân số tạm trú đã quy đổi được tính theo nguyên tắc tại Phụ lục 2 – Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13.

3.3.1.3 Dự báo nhu cầu sử dụng đất

Nguyên tắc tính nhu cầu sử dụng đất được tính theo bảng dưới đây:

Bảng 3.3-1: Nguyên tắc tính nhu cầu sử dụng đất

TT	Loại dân số	Đất HTXH	Đất HTKT	Đất TMDV	Đất ở
I	Dân số thường trú				
1	Dân số tăng tự nhiên	x	x	x	x
2	Dân số tăng cơ học	x	x	x	x
II	Dân số tạm trú quy đổi				
1	Khách du lịch		x	x	
2	Khách đến công tác, làm việc		x	x	
3	Người thân về quê		x	x	x
4	Nhà đầu tư		x	x	x
5	Khách khác		x	x	

3.3.2 Dự báo về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) phấn đấu bình quân hàng năm tăng 13,5%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80,5 triệu đồng; Năm 2030 đạt 120 triệu đồng; năm 2045 đạt 140 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ 51,1%; Công nghiệp - xây dựng: 31%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 17,9%.

- Tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu tăng bình quân 8%/ năm;

- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên;

- Giá trị sản xuất Công nghiệp tăng bình quân 9%/năm trở lên;

- Du lịch: Năm 2030 đón 1,5 lượt khách/năm; năm 2045 đón 3,0 triệu lượt khách/năm.

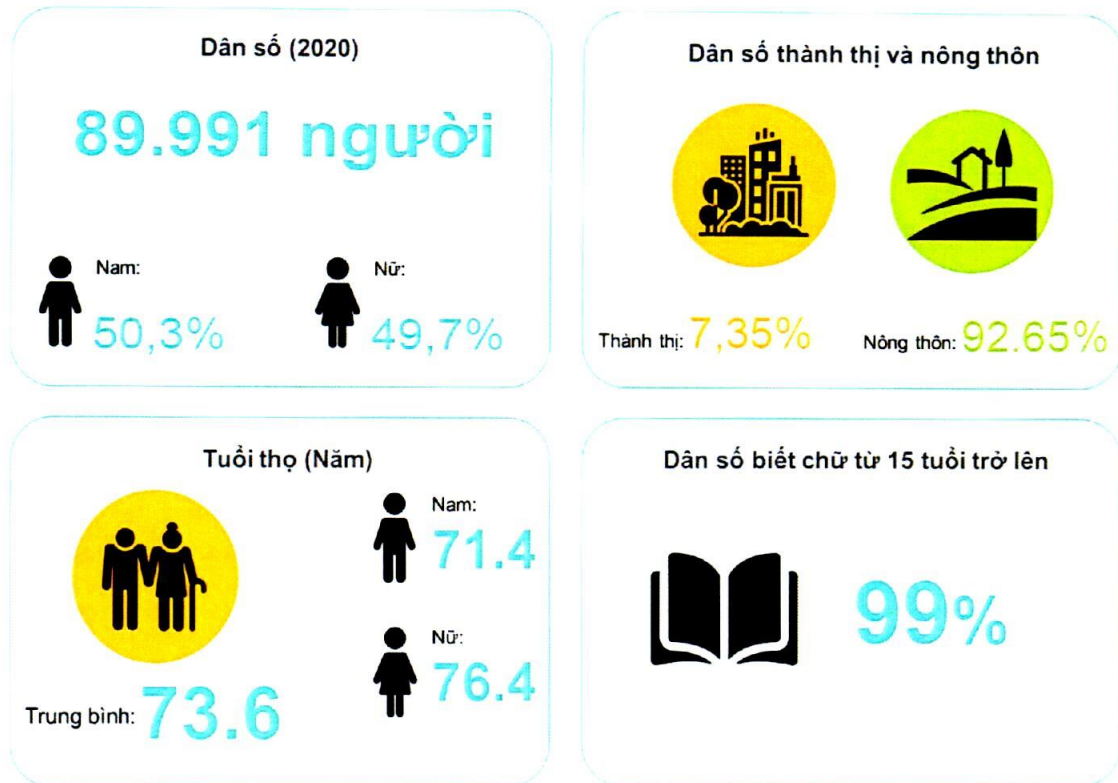
3.3.3 Dự báo về dân số & lao động

3.3.3.1 Cơ sở dự báo dân số và lao động

Dân số huyện Định Hóa đến năm 2020 là 89.991 người, với 92,65% dân số sống ở nông thôn. Trong tương lai, tỷ lệ dân số nông thôn dự kiến sẽ giảm, do:

- Sáp nhập xã Bảo Cường vào thị trấn Chợ Chu;
- Thành lập thêm Đô thị mới Bình Yên;
- Các lao động trẻ hơn sẽ di cư đến các đô thị của huyện hoặc đến các thành phố, đô thị phát triển nhanh của trong tỉnh để tìm kiếm cơ hội việc làm trong

lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Vì vậy, huyện cần tập trung thúc đẩy phát triển đầu tư và lĩnh vực thế mạnh là du lịch, cụm công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao để tạo công việc ổn định, tăng thu nhập cho người dân, từng bước thu hút nguồn lao động mới và kéo nguồn lao động đi làm ăn xa trở về.



Hình 3.3-1: Cơ cấu dân số huyện Định Hóa năm 2020²³

Một số chỉ số tăng trưởng dân số gần đây của huyện Định Hóa²⁴, như sau:

- Tỷ lệ tăng tự nhiên: 2,0% (năm 2019) và 1,0% (năm 2020);
- Tỷ lệ tăng trung bình/năm: 0,47% (giai đoạn 2010 – 2020);
- Tăng tuyệt đối: 2.296 người (giai đoạn 2010 – 2020);

Bảng 3.3-2: Một số chỉ tiêu lao động và việc làm huyện Định Hoá năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Số liệu của năm 2020
1	Số người trong độ tuổi lao động	66.380 người
2	Số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	65.114 người
3	Số lao động thất nghiệp	108 người

²³ Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hóa năm 2020

²⁴ Nguồn: Niên giám thống kê huyện Định Hóa năm 2020

4	Tỷ lệ thất nghiệp	0.2 %
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	27.2 %
6	Số lao động được tạo việc làm mới	2.235 người
7	Số việc làm được tạo mới trong ngành nông nghiệp	425 người
8	Số việc làm được tạo mới trong ngành công nghiệp	1.221 người
9	Số việc làm được tạo mới trong ngành dịch vụ	589 người

3.3.3.2 _Dự báo dân số & tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030:

Đây là giai đoạn huyện Định Hoá bắt đầu phát triển ổn định và đã hoàn thành xây dựng các cơ sở công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở phục vụ du lịch theo quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, nhu cầu quy mô lao động và du khách đến Định Hoá tăng trưởng tốt.

+ Quy mô dân số (dự báo): khoảng 189.000 người

Trong đó:

- Dân số (dự báo): 93.191 người (Dân số tính theo quy hoạch tỉnh đã phê duyệt, với mức tăng dân số bình quân hàng năm là 0,35% chưa bao gồm dân số quy đổi);
- Dân số tăng cơ học: 11.465 người²⁵
- Dân số tạm trú quy đổi (dự báo): 84.343 người.

+ Tỷ lệ đô thị hoá: 22% (tương đương dân số đô thị: ~23.164 người)

3.3.3.3 _Dự báo dân số & tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2045:

Đây là giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội huyện Định Hoá phát triển nhanh hơn giai đoạn trước, người dân di cư sang các địa phương khác giảm, dịch cư đến Định Hoá tăng nhanh, cùng với đó là sự mở rộng xây dựng các cơ sở công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở phục vụ du lịch, nhu cầu quy mô lao động và du khách đến Định Hoá tăng trưởng cao hơn.

+ Quy mô dân số (dự báo): khoảng 236.000 người;

Trong đó:

- Dân số (dự báo): 110.625 người (Dân số tính theo quy hoạch tỉnh đã phê duyệt, với mức tăng dân số bình quân hàng năm là 1,15%²⁶ chưa bao gồm dân số quy đổi);
- Dân số tăng cơ học: 26.932 người²⁷
- Dân số tạm trú quy đổi (dự báo): 98.442 người.

²⁵ Từ nguồn công nhân cụm công nghiệp và nhu cầu việc làm trong lĩnh vực du lịch của huyện

²⁶ Theo số liệu tăng trưởng bình quân của tỉnh: Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên

²⁷ Từ nguồn công nhân cụm công nghiệp và nhu cầu việc làm trong lĩnh vực du lịch của huyện

+ Tỷ lệ đô thị hoá: 34% (tương đương dân số đô thị: ~47.262 người)

Dự báo lao động năm 2030 là 62.794 người và năm 2045 là 82.543 người (tương đương 60% dân số thường trú), tỷ lệ lao động qua đào tạo ~70% với 30% lao động qua đào tạo có chứng chỉ.²⁸

3.3.4 Dự báo về nhu cầu sử dụng đất

3.3.4.1 _Nhu cầu sử dụng đất

TT	Loại đất	Chỉ tiêu (m ² /người)	Đến năm 2030 (ha)	Đến năm 2045 (ha)
I	Nhu cầu sử dụng đất khu vực đô thị			
1	Đất dân dụng		195,85	414,14
-	Thị trấn Chợ Chu (mở rộng)	80	143,17	233,89
-	Đô thị mới Bình Yên	100	52,69	95,99
-	Đô thị mới Phú Đình	100	-	84,26
<i>Chú thích: Chỉ tiêu trên không bao gồm đất nông nghiệp, đất công trình cấp huyện trở lên</i>				
II	Nhu cầu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn			
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25	203,73	225,74
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5	40,75	45,15
3	Đất cho giao thông và HTKT	5	40,75	45,15
4	Đất cây xanh công cộng	2	16,30	18,06
<i>Chú thích: Chỉ tiêu trên không bao gồm công trình hạ tầng cấp quốc gia, tỉnh, huyện</i>				
III	Đất cụm công nghiệp	-	50	150

PHẦN 4: TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG

4.1 Nguyên tắc quy hoạch

- Tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước;
- Quán triệt các định hướng quy hoạch cho vùng huyện Định Hóa của Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023;

²⁸ Tỷ lệ dự báo tham khảo số liệu của Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên

- Quán triệt các chủ trương, đường lối và định hướng chiến lược mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 – 2025;
- Tuân thủ các nội dung của Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 06/4/2023;
- Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, các động lực phát triển của huyện trong đồ án quy hoạch để tạo tiền đề cho huyện Định Hóa ngày càng phát triển nhanh, bền vững theo hướng vùng phát triển nông, lâm nghiệp du lịch lịch sử, sinh thái.
- Quy hoạch xây dựng hệ thống đô thị, thị trấn, thị tứ thành các trung tâm kinh tế - xã hội làm hạt nhân thúc đẩy các vùng nông thôn phát triển bền vững, ngày càng hiện đại, đáng sống;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch, về các công trình Hạ tầng kỹ thuật.

4.2 Tính chất vùng quy hoạch

- Là khu vực kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của vùng phía Bắc tỉnh Thái Nguyên
- Là vùng có tiềm năng về khai thác phát triển du lịch của tỉnh Thái Nguyên, với các loại hình du lịch lịch sử cách mạng, văn hoá tâm linh; du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, hệ thống di tích và truyền thống lịch sử lâu đời;
- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

“Là khu vực phát triển ngành nông nghiệp, du lịch”²⁹

4.3 Tầm nhìn

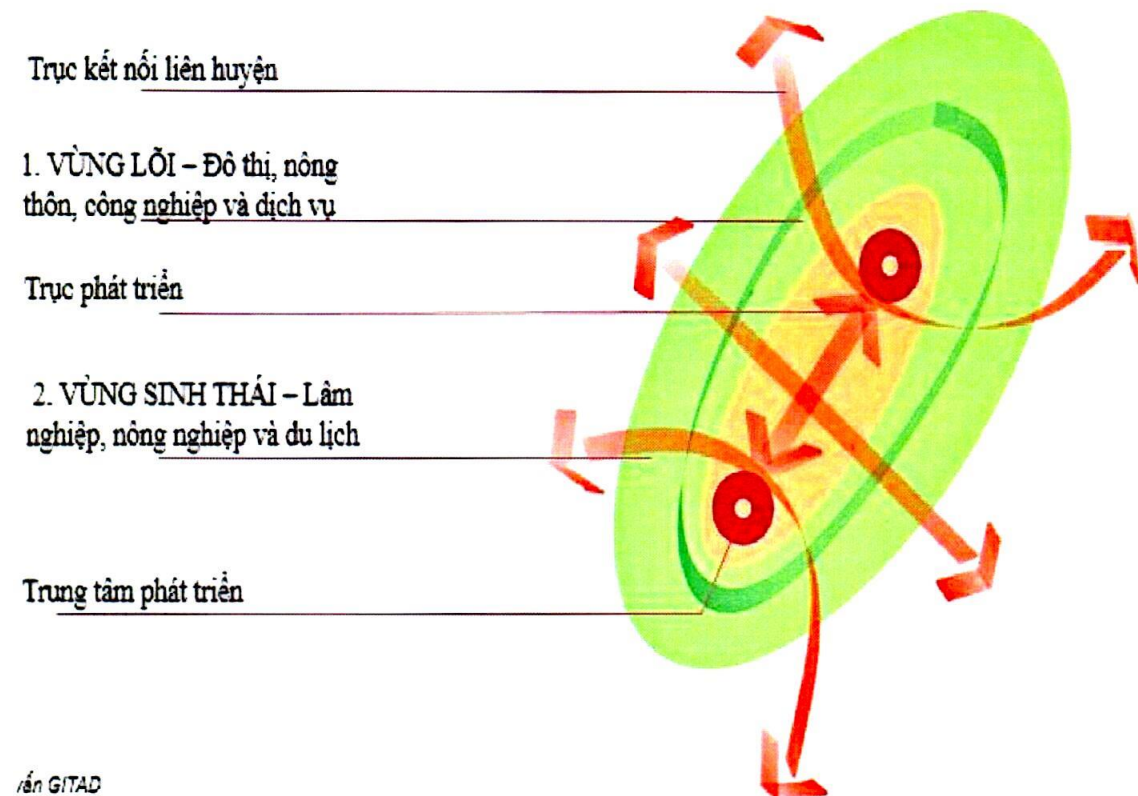
Trong tương lai huyện Định Hóa sẽ trở thành một vùng du lịch lịch sử, sinh thái nổi tiếng, là điểm đến mong muốn của các du khách trong và ngoài nước. Các sản phẩm nông, lâm nghiệp theo hướng xanh, sạch đặc thù, tin cậy có mặt khắp các tỉnh thành Việt Nam.

²⁹ Theo VIII.2.c tại QĐ 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023

4.4 Ý tưởng, mô hình cấu trúc phát triển vùng

Ý tưởng xây dựng mô hình cấu trúc phát triển vùng huyện Định Hóa được thiết lập với các thành phần gồm **vùng lõi** và **vùng vành đai**, cùng với đó là các **trục trung tâm** và **kết nối xuyên tâm**.

Vùng lõi được cấu thành bởi trục kết nối (QL3C) giữa đô thị Chợ Chu (mở rộng) và Đô thị mới Bình Yên. Với điều kiện địa hình khá bằng phẳng, thuận lợi, tập trung nhiều tuyến giao thông, khu vực này sẽ được xây dựng trở thành khu vực phát triển cốt lõi của huyện, các đô thị được tập trung phát triển gắn với dịch vụ, thương mại. Hệ thống các trung tâm cụm xã, trung tâm xã, trung tâm các khu chức năng được bố trí trong phạm vi ảnh hưởng của vùng lõi và được kết nối bởi các tuyến giao thông hướng tâm.



Hình 4.4-1: Mô hình phát triển huyện Định Hóa

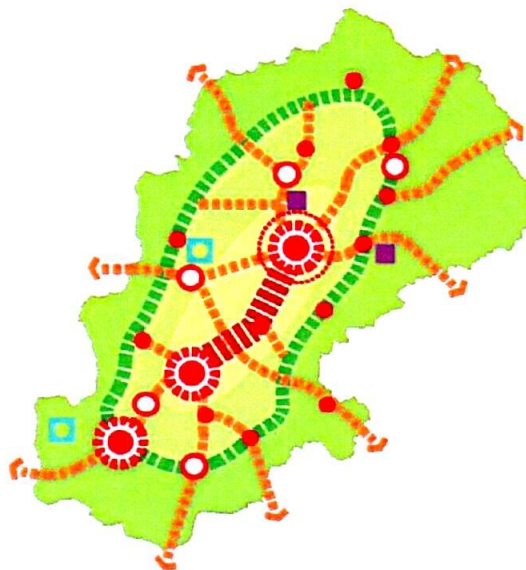
Vùng vành đai được thiết lập bởi hệ thống không gian xanh tự nhiên gắn với điều kiện địa hình đồi núi, sông suối tự nhiên. Đây là khu vực có nhiều địa điểm thắng cảnh đẹp, các bản làng dân tộc anh em cùng nhiều di tích lịch sử. Khu vực này sẽ được định hướng phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch.

Bộ khung phát triển của huyện được xây dựng với trục trung tâm là tuyến đường ĐT264 và đường QL3C gắn với 2 trung tâm phát triển là TT Chợ Chu và Đô thị mới Bình Yên; gắn kết giữa vùng lõi và trục trung tâm qua vùng vành đai đến các huyện,

tỉnh bao quanh là các tuyến xuyên tâm: Đường Hồ Chí Minh, QL 3C ở phía Bắc, đường ĐT264, ĐT264B ở phía Nam; QL3C và đường Hồ Chí Minh (trục ngang N1) tại khu vực giữa huyện. Cùng với đó thiết lập tuyến vành đai vành đai kết hợp khai thác du lịch, nông, lâm sản dựa trên các tuyến đường huyện: ĐH.93, ĐH.94, ĐH.95, ĐH.99, ĐH.91B, ĐH.91, ĐH.96B, ĐH.94B, ĐH.90A, ĐH.90B, ĐH.90C.

Các trục, các hành lang phát triển:

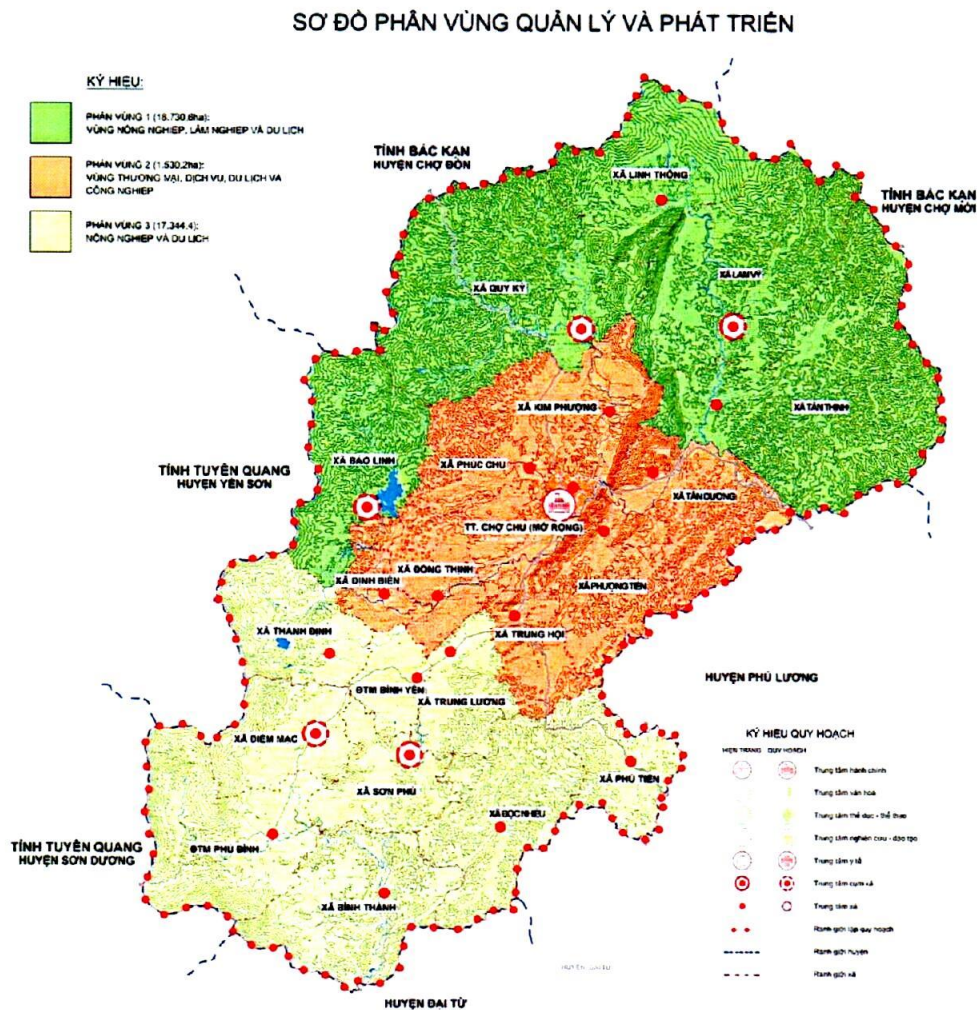
- a. Thiết lập tuyến – trục trung tâm kết nối thị trấn Chợ Chu – đô thị mới Bình Yên thành trục dịch vụ, thương mại gắn kết với QL 3C, ĐT264;
- b. Thiết lập tuyến trục kết nối Đông - Tây theo đường Hồ Chí Minh từ Yên Sơn (Tuyên Quang) qua Bảo Linh – Phúc Chu – Chợ Chu – Tân Dương kết nối với huyện Phú Lương, đồng thời là trục phát triển công nghiệp của huyện;
- c. Thiết lập tuyến – vành đai du lịch, kết hợp khai thác nông, lâm sản theo tuyến đường huyện: ĐH.93, ĐH.94, ĐH.95, ĐH.99, ĐH.91B, ĐH.91, ĐH.96B, ĐH.94B, ĐH.90A, ĐH.90B, ĐH.90C. Đây sẽ là tuyến vành đai quan trọng, là trục động lực phát triển kinh tế du lịch của huyện. Kết nối các di tích lịch sử cách mạng, các danh lam thắng cảnh và du lịch cộng đồng trên địa bàn các xã;
- d. Các trục hướng tâm đến trung tâm phía Bắc huyện là TT Chợ Chu (mở rộng) gồm QL3C; Hồ Chí Minh; và các tuyến đường huyện: ĐH.90B, ĐH.96, ĐH.95, ĐH.98;
- e. Các trục hướng tâm đến trung tâm phía Nam huyện là Đô thị mới Bình Yên gồm các tuyến đường tỉnh: ĐT.264B, ĐT.264, và đường huyện: ĐH.96A, ĐH.99.



Hình 4.4-2: Sơ đồ mô hình cấu trúc phát triển huyện Định Hóa

4.5 Tổ chức phân vùng và yêu cầu quản lý, phát triển theo phân vùng

Dựa trên điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng huyện Định Hóa được phân thành 3 vùng:



Hình 4.5-1: Sơ đồ tổ chức phân vùng

Phân vùng 1: Vùng phát triển du lịch, nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Vị trí tại phía Bắc huyện, bao gồm 5 xã: Quy Kỳ, Linh Thông, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Bảo Linh.

Lợi thế nổi bật của vùng này là khí hậu tương đối ổn định, mát mẻ, có nhiều cảnh quan đẹp, diện tích rừng còn tương đối lớn.

Hạn chế rõ nét là đất dốc, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và các khu công nghiệp lớn.

- Diện tích: 21.518,4 ha
- Quy mô dân số: 16.617 người (dân số năm 2020)
- Định hướng phát triển, là: **Vùng phát triển du lịch, nông, lâm nghiệp và thủy sản**
- Yêu cầu quản lý phát triển:
 1. Tập trung hoàn thành các dự án, sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch lịch sử, du lịch sinh thái (khu Thâm Bão, khu Hồ Bảo Linh) gắn với xây dựng, bảo vệ, phát huy khai thác tốt các giá trị lịch sử cách mạng, các làng nghề truyền thống, làng văn hoá dân tộc bản địa có tính đặc thù cao có thể giữ chân khách dài ngày, thường xuyên. Phát triển các mô hình lưu trú, nghỉ dưỡng homestay, farmstay trên nền tảng xây dựng các làng nghề, làng văn hoá dân tộc bản địa có tính đặc thù cao để có thể giữ chân khách dài ngày, thường xuyên;
 2. Gìn giữ quỹ đất nông nghiệp gắn với chống ô nhiễm tài nguyên đất, tài nguyên nước;
 3. Phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến. Phát triển rừng đặc dụng; quản lý phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn. Trồng thay thế các loài cây mọc nhanh (Keo) bằng loài cây bản địa, cây đa tác dụng có giá trị (giổi, lát, trám, sấu, quế,...) đảm bảo chức năng phòng hộ, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường;
 4. Nghiên cứu phát triển một số cây trồng mới có hiệu quả, như Ba Kích, Gừng đá, Quế, cây đinh lăng, dong riềng, chuối tây...
 5. Khuyến khích, phát triển nuôi trồng các loài cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm...) đặc biệt tại xã Linh Thông;
 6. Tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã tại Quy Kỳ, Bảo Linh và Lam Vỹ. Hoàn thành xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã.

Phân vùng 2: Vùng phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch và công nghiệp.

Vị trí là vùng trung tâm của huyện, có nút giao giữa trục đường Hồ Chí Minh và Quốc Lộ 3C. Bao gồm 7 xã và 1 thị trấn là Thị trấn Chợ Chu (mở rộng), các xã Kim Phụng, Phúc Chu, Định Biên, Đồng Thịnh, Trung Hội, Phụng Tiến và Tân Dương.

Khí hậu khá ổn định, nắng nhiều, đất tốt, phù hợp với nhiều loại cây trồng, có nhiều cảnh quan đẹp, nằm ở cửa ngõ của huyện, đầu mối giao lưu kinh tế xã hội.

Là vùng có địa hình dốc thoải, một số địa phương tương đối bằng, đất đai màu mỡ là vựa lúa chính của huyện, có thể xây dựng thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn.

- Diện tích: 12.514,6 ha
- Quy mô dân số: 36.242 người (dân số năm 2020)
- Định hướng phát triển, là: **Vùng phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch và công nghiệp. Là vùng động lực phát triển chính của huyện.**
- Yêu cầu quản lý phát triển:
 1. Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển và mở rộng thị trấn Chợ Chu (sáp nhập với xã Bảo Cường). Sớm hoàn thiện đồng bộ, hiện đại cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị làm nền tảng thúc đẩy sự phát triển chung cho toàn huyện;
 2. Đẩy mạnh phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ làm đầu mối phục vụ các ngành du lịch, công nghiệp, lâm nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện cũng như thúc đẩy giao thương với các địa phương lân cận trong và ngoài tỉnh;
 3. Tập trung hoàn thành các dự án cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030. Giai đoạn 2031-2045 tập trung phần đầu kêu gọi đầu tư mở rộng quy mô các cụm công nghiệp Kim Sơn và Tân Dương;
 4. Về sử dụng đất nông nghiệp: ổn định diện tích đất lúa, quy hoạch các vùng sản xuất rau, hoa tập trung;
 5. Về sử dụng đất lâm nghiệp: bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản;
 6. Cần đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống thủy lợi để chủ động tưới cho các loại cây trồng, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với tôn tạo và làm đẹp cảnh quan, giữa phát triển nông - công nghiệp với các cụm du lịch.

Phân vùng 3: Vùng phát triển du lịch, lâm nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao.

Vị trí tại phía Nam huyện, nằm trên trục tỉnh lộ 264. Bao gồm 7 xã và 2 Đô thị là đô thị mới Bình Yên (giai đoạn 2021-2030), đô thị mới Phú Đình (giai đoạn 2031-2045) và các xã Thanh Định, Diềm Mặc, Sơn Phú, Bình Thành, Bộc Nhiêu, Trung Lương, Phú Tiến.

Có diện tích rừng tương đối lớn, có một số cảnh quan đẹp nằm trong quần thể du lịch Thái Nguyên, có khả năng mở rộng và phát triển vùng chè.

Hạn chế rõ nét là nhiều khu vực có tầng đất rất mỏng, đất dễ bị xói mòn và rửa trôi.

- Diện tích: 17.344,4 ha
- Quy mô dân số: 37.132 người (dân số năm 2020)

- Định hướng phát triển, là: **Vùng phát triển du lịch, lâm nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao**
- Yêu cầu quản lý phát triển:
 1. Hướng phát triển kinh tế về lâu dài là dịch vụ - nông, lâm nghiệp - công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp.
 2. Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị.
 3. Tập trung nguồn lực, chuyển đổi cơ cấu lao động, kinh tế nhằm đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá tại xã Bình Yên để đạt mục tiêu sớm trở thành Đô thị mới loại V (giai đoạn 2021 – 2030) và xã Phú Đình trở thành Đô thị mới loại V (giai đoạn 2031-2045);
 4. Tập trung hoàn thành các dự án, sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch lịch sử, du lịch sinh thái (khu Hồ Khuôn Tát) gắn với xây dựng, bảo vệ, phát huy khai thác tốt các giá trị lịch sử cách mạng, các làng nghề truyền thống, làng văn hoá dân tộc bản địa có tính đặc thù cao có thể giữ chân khách dài ngày, thường xuyên.
 5. Về nông nghiệp: Mở rộng thêm diện tích chè, cây ăn quả, nghiên cứu phát triển một số cây dược liệu và cây đặc sản.
 6. Về lâm nghiệp: bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản. Cần đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên đất và rừng cho phát triển nông - lâm nghiệp.
 7. Đẩy mạnh công tác trồng và khai thác rừng sản xuất gắn chặt với công tác gìn giữ, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;
 8. Đầu tư phát triển các khu chăn nuôi tập trung, các khu nông nghiệp công nghệ cao theo hướng xanh, sạch và hiện đại;
 9. Gìn giữ quỹ đất nông nghiệp gắn với chống ô nhiễm tài nguyên đất, tài nguyên nước;

PHẦN 5: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN HUYỆN

5.1 Khu vực phát triển đô thị, dân cư nông thôn

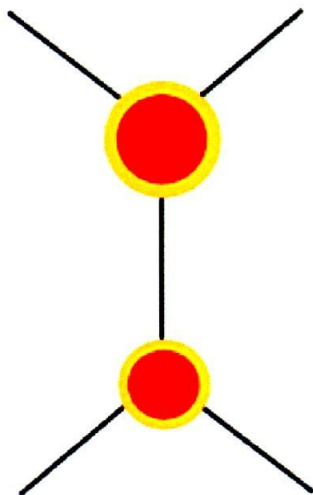
Dự kiến đến năm 2045, toàn huyện có 3 đô thị và 20 xã, gồm (Thị trấn Chợ Chu (mở rộng), Đô thị mới Bình Yên, Đô thị mới Phú Đình và các xã Linh Thông, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Tân Thịnh, Kim Phượng, Bảo Linh, Phúc Chu, Tân Dương, Phượng Tiến, Đồng Thịnh, Định Biên, Thanh Định, Trung Lương, Phú Tiến, Diềm Mặc, Bộc Nhiêu, Sơn Phú, Trung Hội, Bình Thành), cụ thể:

5.1.1 Khu vực phát triển hệ thống đô thị

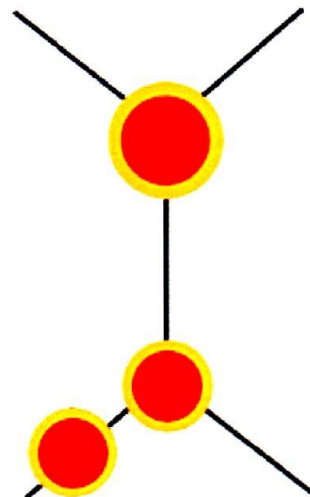
5.1.1.1 Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Giai đoạn 2021-2030: Sáp nhập xã Bảo Cường với thị trấn Chợ Chu. Tập trung phát triển thị trấn Chợ Chu (mở rộng) đủ điều kiện trở thành đô thị loại IV. Từng bước phấn đấu phát triển xã Bình Yên trở thành đô thị mới Bình Yên tương đương đô thị loại V;
- Giai đoạn 2031-2045: Tập trung phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thị trấn Chợ Chu (mở rộng), đô thị mới Bình Yên đủ điều kiện đáp ứng quy mô dân số theo các bảng *Bảng 5.1-1: Bảng dự báo dân số quy mô dân số thị trấn Chợ Chu (mở rộng)* và *Bảng 5.1-2: Bảng dự báo quy mô dân số Đô thị mới Bình Yên*; đầu tư phát triển xã Phú Đình trở thành đô thị loại V.

Giai đoạn: 2021 - 2030



Giai đoạn: 2031 – 2045:



Hình 5.1-1: Mô hình phát triển hệ thống đô thị huyện Định Hóa các giai đoạn

5.1.1.2_Thị trấn Chợ Chu mở rộng³⁰ (Giai đoạn 2021 - 2025)

a) Ranh giới và vị trí

Thị trấn Chợ Chu (mở rộng) nằm tại trung tâm huyện Định Hóa, có vị trí:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp xã Kim Phụng và xã Phúc Chu;
- Phía Nam giáp xã Đồng Thịnh và Trung Hội;
- Phía Đông giáp xã Phụng Tiến;

Ranh giới hành chính bao gồm toàn bộ phần ranh giới hành chính hiện nay của thị trấn Chợ Chu và xã Bảo Cường.

b) Quy mô

Sau sáp nhập, Thị trấn Chợ Chu (mở rộng) có tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 1.399,2 ha, với dân số trung bình hiện nay khoảng 10.638 người (chưa bao gồm dân số quy đổi).³¹

Bảng 5.1-1: Bảng dự báo dân số quy mô dân số thị trấn Chợ Chu (mở rộng)

TT	Loại dân số	Đến năm 2025	Đến năm 2045
1	Quy mô dân số (dự báo):	20.364 người	53.848 người
1.1	Dân số tăng tự nhiên & cơ học	13.798 người	29.236 người
1.2	Dân số tạm trú quy đổi:	6.566 người	24.611 người

c) Phương hướng tổ chức không gian

- **Tính chất đô thị:** Là đô thị huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, du lịch, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng phía Tây Nam của huyện.
- **Phân loại đô thị:** Đến năm 2025 là đô thị loại IV.
- Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn đô thị IV.
- Đô thị cần sớm được phát triển mở rộng để đảm bảo quy mô về diện tích và dân số. Không gian đô thị định hướng phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông cấp quốc gia là QL3C; đường Hồ Chí Minh.
- Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đô thị đến năm 2025 khoảng 110,31 ha; đến năm 2045 là khoảng 233,89 ha (với chỉ tiêu đất dân dụng đô thị khoảng 80m²/người).³²

³⁰ Gồm xã Bảo Cường sáp nhập vào

³¹ Số liệu theo Niên giám thống kê năm 2020 của huyện Định Hóa

³² Đất dân dụng không tính không dân số quy đổi

- Căn cứ theo tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với đô thị loại IV, thị trấn Chợ Chu cần sớm xem xét mở rộng, sáp cùng xã Bảo Cường để đảm bảo quy mô diện tích và đảm bảo quy mô dân số.

5.1.1.3 Đô thị mới Bình Yên (Giai đoạn 2021 - 2030)

a) Ranh giới và vị trí

Đô thị mới Bình yên nằm tại trung tâm vùng phía Nam huyện Định Hoá, có vị trí:

- Phía Bắc giáp xã Đồng Thịnh và xã Định Biên;
 - Phía Nam xã Sơn Phú;
 - Phía Đông giáp xã Trung Lương;
 - Phía Tây giáp xã Thanh Định.
- Ranh giới hành chính bao gồm toàn bộ phần ranh giới hành chính hiện nay.

b) Quy mô

Đô thị mới Bình Yên có diện tích tự nhiên bằng diện tích tự nhiên xã Bình Yên hiện tại, là khoảng 769,7 ha, với dân số trung bình hiện nay khoảng 3.427 người (chưa bao gồm dân số quy đổi). **bảng dự báo quy mô dân số Đô thị mới Bình Yên**

Bảng 5.1-2: Bảng dự báo quy mô dân số Đô thị mới Bình Yên

TT	Loại dân số	Đến năm 2030	Đến năm 2045
1	Quy mô dân số (dự báo):	6.738 người	11.568 người
1.1	Dân số tăng tự nhiên & cơ học	5.269 người	9.599 người
1.2	Dân số tạm trú quy đổi:	3.374 người	1.969 người

c) Phương hướng tổ chức không gian

- Tính chất đô thị: Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; Là trung tâm chuyên ngành về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế của một cụm liên xã.
- Phân loại đô thị: Đến năm 2030 là đô thị loại V.
- Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn đô thị V.
- Không gian đô thị được phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông đường tỉnh 264 và 264B.

- Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đô thị đến năm 2030 khoảng 52,69 ha; đến năm 2045 khoảng 95,99 ha (với chỉ tiêu đất dân dụng đô thị khoảng 100m²/người).³³

5.1.1.4_Đô thị mới Phú Đình (Giai đoạn 2031 – 2035)

a) Ranh giới và vị trí

Đô thị mới Phú Đình nằm ở cực Nam huyện Định Hóa, cuối tuyến đường 264B, có vị trí:

- Phía Bắc giáp xã Diềm Mặc;
- Phía Nam và phía Tây giáp huyện Sơn Dương (tỉnh Tuyên Quang);
- Phía Đông giáp xã Sơn Phú và Bình Thành;

Ranh giới hành chính bao gồm toàn bộ phần ranh giới hành chính hiện nay.

b) Quy mô

Đô thị mới Phú Đình có diện tích tự nhiên bằng diện tích tự nhiên xã Phú Đình hiện tại, là khoảng 3.113 ha, với dân số trung bình hiện nay khoảng 5.759 người (chưa bao gồm dân số quy đổi).

Bảng 5.1-3: Bảng dự báo dân số quy mô dân số Đô thị mới Phú Đình

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2035	Đến năm 2045
1	Dân số (dự báo):	11.208 người	14.333 người
1.1	Dân số tăng tự nhiên & cơ học	7.114 người	8.426 người
1.2	Dân số tạm trú quy đổi:	4.094 người	5.907 người

c) Phương hướng tổ chức không gian

- Tính chất: Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về du lịch, thương mại dịch vụ, là đô thị đặc thù phát triển gắn với du lịch, là đầu mối giao thông liên kết huyện với các địa phương tỉnh Tuyên Quang, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng phía Tây Nam của huyện.
- Phân loại đô thị: Đến năm 2035 là đô thị loại V.
- Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn đô thị V.
- Không gian đô thị được phát triển mở rộng hai bên, dọc theo các trục, các tuyến giao thông đường 264B, đường N2.

³³ Đất dân dụng không tính dân số quy đổi

- Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đô thị đến năm 2035 khoảng 71,14 ha; đến năm 2045 khoảng 84,26 ha (với chỉ tiêu đất dân dụng đô thị khoảng 100m²/người).³⁴

5.1.2 Định hướng phát triển hệ thống trung tâm xã, cụm xã và khu vực phát triển dân cư nông thôn

5.1.2.1 Trung tâm cụm xã

Tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã tạo thành trung tâm dịch vụ, công - nông nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và hoàn thiện kết cấu hạ tầng của cụm xã, của huyện. Các công trình chức năng tại trung tâm cụm xã là thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa gắn liền với phát triển các dự án bất động sản, nhà ở và du lịch. Quy mô quy hoạch xây dựng các trung tâm xã đảm bảo để bố trí trung tâm xã và các công trình dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có vị trí thuận lợi tiếp cận các tuyến, nút giao thông và tại những nơi đã hình thành đầu mối thương mại dịch vụ, sản xuất TTCN. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực dân cư tập trung gắn liền trung tâm xã với các khu sản xuất, khai khoáng, chế biến. Xây dựng mô hình dân cư tập trung gắn với vùng nông nghiệp và du lịch, tăng hệ số sử dụng đất, phát triển vùng chuyên canh về cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Tổ chức quy hoạch phân bố hệ thống các cực động lực phát triển của vùng huyện Định Hóa trên cơ sở 2 đô thị chính là đô thị Chợ Chu (loại IV) và Đô thị mới Bình Yên (loại V). Trục động lực phát triển xuyên chuỗi 03 đô thị (*Thị trấn Chợ Chu, Đô thị mới Bình Yên, Đô thị mới Phú Đình*) theo hướng từ Bắc xuống Nam, dọc theo QL3C và ĐT264B để kết nối các huyện của tỉnh Bắc Kạn với huyện Định Hóa và các huyện của tỉnh Tuyên Quang.

Trên cơ sở đó, hệ thống trung tâm cụm xã gồm các điểm sau³⁵:

Dự kiến huyện Định Hóa đến năm 2030 sẽ tiếp tục xây dựng 05 Cụm xã gắn với các mục tiêu là trung tâm. Quy mô xây dựng trung tâm cụm đáp ứng tối thiểu 70ha. Bố trí các khu chức năng trung tâm xã phù hợp theo QCVN 01:2021, đáp ứng tiêu chí số 1 của Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ. Trong đó, xác định:

- **Cụm xã Sơn Phú:** Tính chất là khu vực phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.
- **Cụm xã Diềm Mắc:** Tính chất là khu vực phát triển kinh tế lưu thông, nông nghiệp, du lịch.
- **Cụm xã Bảo Linh:** Tính chất là khu vực phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.
- **Cụm xã Lam Vỹ:** Tính chất là khu vực phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.

³⁴ Đất dân dụng không tính dân số quy đổi

³⁵ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn – QHT Thái Nguyên

- **Cụm xã Quy Kỳ:** Tính chất là khu vực phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.

5.1.2.2_ Định hướng xây dựng các mô hình dân cư nông thôn

- Các mô hình dân cư nông thôn trong được nghiên cứu cụ thể trong quy hoạch chung các xã đảm bảo một số các nguyên tắc như sau:
- Phát triển trên cơ sở duy trì sự ổn định của hệ thống khu dân cư hiện có, đồng thời phát triển các khu vực dân cư mở rộng (các khu giãn dân, các trung tâm xã) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn.
- Từng bước cải tạo và mở rộng không gian công cộng, truyền thống tại các thôn xóm nhằm đáp ứng những hoạt động cộng đồng, phát huy sắc thái văn hoá cộng đồng ở từng địa phương.
- Phát triển nông thôn bền vững, trong đó cân đối giữa nhu cầu phát triển các không gian chức năng phục vụ phát triển KT-XH, đồng thời duy trì bảo vệ hệ sinh thái nông thôn.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại chỗ. Không gian dân cư nông thôn phải đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của địa phương như sản xuất nông nghiệp hàng hoá và phát triển công nghiệp và TTCN.
- Đối với những khu vực có ngành nghề truyền thống (làng nghề) dành diện tích dự trữ đất cho phát triển sản xuất ngành nghề và thương mại dịch vụ ngành nghề.
- Đối với các khu dân cư thuần nông, có định hướng chuyển dịch sang sản xuất nông nghiệp hàng hoá, áp dụng mô hình kinh tế trang trại. Bố trí các điểm dịch vụ thương mại hàng hoá tại các trung tâm cụm xã và trung tâm các xã, nhằm khuyến khích phát triển trao đổi sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.
- Quy hoạch bố trí các khu dân cư mới theo nhu cầu thực tế của từng xã nhưng phải được dựa trên quy hoạch và được đầu tư xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng và gắn kết hài hòa với khu cũ.
- Các khu dân cư quy mô quá nhỏ hình thành tự phát không phù hợp và cản trở quy hoạch chung sẽ từng bước di chuyển về khu được quy hoạch giãn dân tập trung.
- Đảm bảo đồng bộ giữa nhu cầu ở, dịch vụ với phát triển sản xuất nông nghiệp - TTCN và nghỉ ngơi giải trí.
- Các làng nghề sản xuất gây ô nhiễm môi trường phải quy hoạch vào khu sản xuất tập trung, không bố trí trong khu dân cư, ứng dụng công nghệ sạch và hiện đại, đảm bảo thân thiện với môi trường.
- Phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, xây dựng các bản, làng văn hoá gắn với bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn, đẩy

mạnh phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp.

5.1.2.3_ Mô hình tổ chức các điểm dân cư nông thôn được tổ chức theo các dạng như sau:

- Đối với các điểm dân cư nông thôn được hình thành theo định hướng trở thành đô thị cần tăng dần hoạt động phi nông nghiệp, phát triển nghề thủ công, dịch vụ và thương mại, TTCN làng nghề, chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, nâng cao chất lượng dịch vụ công cộng và cải thiện hệ thống hạ tầng nông thôn.
- Phát triển trung tâm xã gắn với phát triển khu dân cư với quy mô lớn hơn 200 hộ.
- Đối với các điểm dân cư nhỏ lẻ, nằm trên các khu vực núi cao, cách xa với trung tâm xã, điều kiện hạ tầng khó khăn, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết cần khuyến khích di dời và tập trung lại thành các điểm lớn để thuận lợi cho việc đầu tư hạ tầng. Mỗi xã nên hình thành 2 đến 3 điểm dân cư tập trung phát triển (phát triển dân cư mới và dịch chuyển dân cư nhỏ lẻ).
- Đối với các khu vực làng nghề: Cần được bảo tồn và phát triển để có thể kết hợp phát triển du lịch, dịch vụ thương mại.
- Mô hình xây dựng các điểm dân cư nông thôn được kiến nghị phát triển theo hướng tập trung, để có điều kiện để xây dựng hoàn thiện cơ sở HTKT và HTXH nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Đối với các khu dân cư gắn với các khu vực công nghiệp khai khoáng, chế biến, mô hình dân cư cần có mối liên hệ chặt chẽ nhằm chuyển đổi cơ cấu lao động, nghề nghiệp nhưng vẫn đảm bảo khoảng cách ly an toàn, vệ sinh.
- Đối với các khu dân cư gắn với các khu sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, mô hình dân cư cần bố trí tập trung theo dạng nông, lâm trường. Gắn liền nơi ở với nơi sản xuất nhằm phát huy hiệu quả kinh tế lâm nghiệp, chăn nuôi, cây công nghiệp, v.v...
- Đối với các khu dân cư tập trung về sản xuất nông nghiệp, mô hình quy hoạch gắn với mô hình vùng nông nghiệp lớn, phát triển vùng chuyên canh về cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, v.v... Quy mô dân số cần được tính toán phù hợp với quy mô sản xuất nông nghiệp.
- Đối với các khu dân cư nông thôn có truyền thống văn hoá, di tích lịch sử, gần kề với các điểm du lịch, cần đẩy mạnh phát huy bản sắc văn hoá truyền thống, phát triển mô hình du lịch cộng đồng cùng với phát triển các hoạt động du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái gắn với sản xuất nông, lâm nghiệp.

5.1.3 Định hướng phát triển không gian khu vực phát triển dân cư nông thôn

a) Ranh giới và vị trí

Các khu vực phát triển dân cư nông thôn, gồm các xã: Linh Thông, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Tân Thịnh, Kim Phụng, Bảo Linh, Phúc Chu, Tân Dương, Phượng Tiến, Đồng Thịnh, Định Biên, Thanh Định, Trung Lương, Phú Tiến, Diềm Mặc, Bộc Nhiêu, Sơn Phú, Trung Hội, Bình Thành).

b) Quy mô

Khu vực phát triển dân cư nông thôn đến năm 2030 có dân số dự báo khoảng 81.492 người (chưa bao gồm dân số quy đổi). Đến năm 2045 có dân số dự báo khoảng 90.295 người (chưa bao gồm dân số quy đổi).

Bảng 5.1-4: Bảng dự báo quy mô dân số khu vực nông thôn

TT	Loại dân số	Đến năm 2030	Đến năm 2045
1	Quy mô dân số (dự báo):	141.376 người	156.252 người
1.1	Dân số tăng tự nhiên & cơ học	81.492 người	90.295 người
1.2	Dân số tạm trú quy đổi:	59.884 người	65.957 người

Bảng 5.1-5: Bảng dự báo nhu cầu sử dụng đất khu vực nông thôn³⁶

TT	Loại đất	Chỉ tiêu (m ² /người)	Đến năm 2030 (ha)	Đến năm 2045 (ha)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	25	203,73	225,74
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5	40,75	45,15
3	Đất cho giao thông và HTKT	5	40,75	45,15
4	Đất cây xanh công cộng	2	16,30	18,06
<i>Chú thích: Chỉ tiêu trên không bao gồm công trình hạ tầng cấp quốc gia, tỉnh, huyện</i>				

(Xem chi tiết thêm tại Phụ lục 2: định hướng phát triển không gian khu vực dân cư nông thôn)

5.1.4 Định hướng phát triển không gian khu vực an ninh quốc phòng

Quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch gắn kết chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc

³⁶ Xem thêm (3.3.1_Nguyên tắc dự báo)

phòng an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, đảm bảo an ninh - quốc phòng của vùng và quốc gia, cụ thể:

- Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến đất quốc phòng, công trình quốc phòng và các khu vực địa hình có giá trị trong thể trận phòng thủ.
- Chấp hành nghiêm Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, Nghị định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quân lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.
- Việc khai thác sử dụng kết hợp công trình an ninh quốc phòng và dân sự phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quân sự và dân sự.
- Phát triển các không gian kinh tế đối với các xã thuộc vùng CT229 cần tuân thủ các quy định về an ninh quốc phòng và phối hợp chặt chẽ các đơn vị quân đội có chức năng quản lý theo các cấp trên địa bàn.
- Giữ nguyên quy mô, vị trí đất an ninh quốc phòng hiện có đóng trên địa bàn huyện. Tiếp tục dành quỹ đất thích hợp tại xã Lam Vỹ, xã Tân Dương phù hợp với nhu cầu an ninh quốc phòng.

5.1.5 Định hướng phát triển không gian khu vực nông, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và công nghiệp

5.1.5.1 Nông, lâm nghiệp

Vùng I gồm: các xã Tân Thịnh, Lam Vỹ, Tân Thịnh, Quy Kỳ, Bảo Linh.

Lợi thế nổi bật của vùng này là khí hậu tương đối ổn định, mát mẻ, có nhiều cảnh quan đẹp, diện tích rừng còn tương đối lớn.

Hạn chế rõ nét là đất dốc, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và các khu công nghiệp lớn.

Hướng phát triển kinh tế là nông lâm nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp.

Cần đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên đất, rừng, cảnh quan.

Nghiên cứu phát triển một số cây trồng mới có hiệu quả, như Ba Kích, Gừng đá, Quế, cây đinh lăng, dong riềng, chuối tây...

Nghiên cứu phát triển các dự án chăn nuôi tập trung, nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, thân thiện môi trường. Tận dụng các nguồn nước tự nhiên, khí hậu mát mẻ ổn định để nghiên cứu nuôi các loài thủy sản có giá trị cao, cá nước lạnh... (đặc biệt tại khu vực xã Linh Thông).

Vùng II gồm: Thị trấn Chợ Chu (mở rộng), các xã Tân Dương, Phượng Tiến, Trung Hội Định Biên, Đồng Thịnh, Phúc Chu, Kim Phượng.

Khí hậu khá ổn định, nắng nhiều, đất tốt, phù hợp với nhiều loại cây trồng, có nhiều cảnh quan đẹp, nằm ở cửa ngõ của huyện, đầu mối giao lưu kinh tế xã hội.

Là vùng có địa hình dốc thoải, một số địa phương tương đối bằng, đất đai màu mỡ là vựa lúa chính của huyện, có thể xây dựng thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn.

Hạn chế của vùng là thị trường chưa ổn định, công tác quảng bá các sản phẩm còn yếu, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ.

Hướng phát triển kinh tế về lâu dài là công nghiệp - nông lâm nghiệp - dịch vụ và du lịch.

Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp gắn với phát triển các đô thị.

Về sử dụng đất nông nghiệp: Ổn định diện tích đất lúa, quy hoạch các vùng sản xuất rau, hoa tập trung.

Về sử dụng đất lâm nghiệp: Bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản.

Cần đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống thủy lợi để chủ động tưới cho các loại cây trồng, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với tôn tạo và làm đẹp cảnh quan, giữa phát triển nông - công nghiệp với các cụm du lịch.

Vùng III gồm: Đô thị mới Bình Yên, Đô thị mới Phú Đình, các xã Bình Thành, Bộc Nhiêu, Phú Tiến, Trung Lương, Thanh Định, Diềm Mặc.

Có diện tích rừng tương đối lớn, có một số cảnh quan đẹp nằm trong quần thể du lịch Thái Nguyên, có khả năng mở rộng và phát triển vùng chè.

Hạn chế rõ nét là nhiều khu vực có tầng đất rất mỏng, đất dễ bị xói mòn và rửa trôi.

Hướng phát triển kinh tế về lâu dài là dịch vụ - nông, lâm nghiệp - công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp.

Về nông nghiệp: Mở rộng thêm diện tích chè, cây ăn quả, nghiên cứu phát triển một số cây dược liệu và cây đặc sản.

Về lâm nghiệp: Bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng sản xuất gắn với khai thác và chế biến lâm sản. Cần đặc biệt chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên đất và rừng cho phát triển nông - lâm nghiệp.

Nghiên cứu phát triển mạnh các dự án chăn nuôi tập trung, nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, thân thiện môi trường, quy mô lớn (đặc biệt các loài động, thực vật đặc hữu, có giá trị thương mại cao). Tận dụng các nguồn nước tự nhiên, khí hậu mát mẻ ổn định để nghiên cứu nuôi các loài thủy sản có giá trị cao.

5.1.5.2 _ Di tích lịch sử - Văn Hoá

Toàn bộ huyện Định Hóa là một không gian Di tích lịch sử - văn hoá nằm trong tổng thể vùng di tích ATK và Tiểu vùng trọng tâm ATK. Định hướng bảo tồn tôn tạo các giá trị di tích lịch sử cách mạng, lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống gắn với cấu trúc tự nhiên. Định Hóa tập trung phát triển du lịch và dịch vụ, khai thác du lịch về nguồn, nghỉ

duyệt, sinh thái, tâm linh,... Phát triển nông nghiệp chất lượng cao, kinh tế rừng, các cụm tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống.

Đối với các vùng, khu vực bảo tồn cần đảm bảo các quy định về bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng được quy định trong Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang - Bắc Kạn đến năm 2030, trong đó phải phù hợp với các cấp độ sau: Cấp độ 1: Khu vực bảo vệ di tích gốc (thuộc không gian khu vực 1 và khu vực 2 bảo vệ di tích theo luật Di sản văn hóa); Cấp độ 2: Vùng bảo vệ cảnh quan; Cấp độ 3: Vùng trọng tâm ATK.

Các khu vực trọng điểm: bao gồm: các xã Phú Đình, Điềm Mặc, Bảo Linh và thị trấn Chợ Chu thuộc huyện Định Hóa thuộc tỉnh Thái Nguyên được quy định:

- Ưu tiên tập trung vào việc bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng trong các khu vực trọng điểm
- Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.
- Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghệ mới trong sản xuất để nâng cao hiệu quả lao động và sản phẩm.
- Ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp tạo thương hiệu phục vụ du lịch như chè, lúa,...

Các sản phẩm du lịch:

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm với các loại hình du lịch chủ yếu: Văn hóa tín ngưỡng, giáo dục truyền thống cách mạng, du lịch nghiên cứu, du lịch tham quan nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái,...
- Phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp với các loại hình du lịch và tính chất của Vùng, phát huy được tiềm năng lợi thế của Vùng, ưu tiên phát triển các sản phẩm địa phương như làng nghề truyền thống, sản vật địa phương có thương hiệu, lễ hội, thơ ca,...
- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu gắn với phục vụ giáo dục truyền thống cách mạng và phát triển du lịch. Duy trì và xây dựng không gian công cộng trong thôn bản dành cho hoạt động văn hóa cộng đồng và các lễ hội đặc trưng: Lễ hội Lồng Tồng, lễ hội chè, hát then,...

+ Du lịch về nguồn di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn đài tưởng niệm Bác Hồ Định Hóa.....

+ Du lịch cuối tuần và du lịch nghỉ dưỡng: tại các khu vực Hồ Núi Cốc và trong tương lai là hồ Hồ Bảo Linh, Thác Bảy tầng...

+ Du lịch lễ hội, tín ngưỡng: lễ hội Tại vùng lõi của chiến khu cách mạng: Phát triển trung tâm văn hóa các dân tộc thiểu số vùng để giới thiệu văn hóa (Lễ hội Lồng Tồng, ...), hình thức sinh hoạt của người dân tộc thiểu số và trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các món ăn địa phương.

- + Du lịch sinh thái: Rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng Định Hóa....
- + Du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử: Chùa Hang (TT.Chợ Chu, Định Hóa, Thái Nguyên),
- + Du lịch tìm hiểu, nghiên cứu làng nghề: làng mộc, mây tre đan bánh trưng, dệt thổ cẩm...
- + Du lịch thể thao, mạo hiểm (leo núi), vui chơi giải trí: Đạp xe, khám phá các tuyến đi bộ theo chân các nhà cách mạng thời kỳ kháng chiến.....
- + Du lịch kết hợp với mục đích thương mại: Trung tâm các đô thị của huyện....
- + Du lịch hội nghị hội thảo: Tân Trào - Định Hóa....
- + Du lịch nông nghiệp: Phát triển các nông trường chè phù hợp với thổ nhưỡng tại dọc theo các tuyến đường cửa ngõ vào vùng tạo cảnh quan đặc trưng vùng sản xuất chè...: Phát triển hình thức du lịch trải nghiệm đời sống nông thôn và các hoạt động nông nghiệp (trải nghiệm cấy lúa, gặt lúa, trồng khoai, trồng ngô, trồng mía, thu hoạch chè, na...).

Quy định đối với các trung tâm dịch vụ du lịch và khu vực cửa ngõ:

- + Trung tâm dịch vụ du lịch Phú Đình gắn với phát triển đô thị Phú Đình: Ưu tiên xây dựng quảng trường đón tiếp trung tâm kết hợp sân khấu ngoài trời, nhà trưng bày hiện vật giới thiệu lịch sử. Xây dựng khu nhà sản lưu trú kết hợp đồi chè nhằm giới thiệu văn hoá, đặc trưng sinh hoạt sản xuất tại địa phương... Quy mô khoảng 100 ha.

Xây dựng các tuyến du lịch:

- Hồ Núi Cốc - ATK (Phú Đình, Chợ Chu) - Hồ Ba Bè;
- ATK (Chợ Chu, Phú Đình, Tân Trào, Tuyên Quang) - Thác Bà; ATK (Phổ Đu, Chợ Chu, Phú Đình, Tân Trào, Hùng Sơn) - Thái Nguyên
- Tuyến du lịch Chợ Chu - Chùa Hang - Hồ Bảo Linh
- Hình thành các tuyến du lịch chuyên đề, các tuyến du lịch kết hợp trên cơ sở khai thác thế mạnh các điểm du lịch cận kề di tích. Tổ chức các tuyến du lịch nội vùng trọng tâm gồm: Tham quan di tích cách mạng ATK : Chợ Chu, Trung Sơn, Phú Đình.

Phát triển mô hình tổ chức dân cư nông thôn gắn với phát triển kinh tế vườn rừng, dân cư với phát triển kinh tế vườn đồi, dân cư gắn với khu, cụm di tích,... Trong đó ưu tiên phát triển dân cư trong vùng trọng điểm ATK, đồng bào dân tộc và trung tâm cụm xã.

Trong giai đoạn 2021-2030, cần hoàn thành tôn tạo và phát triển các quần thể di tích lịch sử - văn hoá.

Giai đoạn 2031-2045, đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai du lịch – nông lâm nghiệp, kết nối các điểm, cụm di tích và điểm danh lam thắng cảnh, các không gian văn hoá dân tộc đặc trưng của huyện thành một chu trình khép kín thuận tiện cho khách tham quan, du lịch.

5.1.5.3_ Công nghiệp

a. Giai đoạn 2023 – 2030

Căn cứ theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, Huyện Định Hoá đến năm 2030 phát triển 2 cụm công nghiệp bao gồm:

- Cụm công nghiệp Tân Dương, xã Tân Dương với quy mô 30 ha
- Cụm công nghiệp Kim Sơn, xã Kim Phụng với quy mô 20 ha.

b. Giai đoạn 2031 – 2045

Trong giai đoạn từ năm 2031 đến năm 2045, huyện Định Hoá xây dựng mở rộng các cụm công nghiệp:

- Mở rộng Cụm công nghiệp Tân Dương, xã Tân Dương, với quy mô 20 ha
- Mở rộng Cụm công nghiệp Kim Sơn, xã Kim Phụng, với quy mô 30 ha

Đầu tư xây dựng mới Cụm công nghiệp Trung Lương, xã Trung Lương với quy mô 50 ha.

5.1.6 Khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chuyên ngành

TT	Danh mục dự án	Quy mô	Địa điểm
I	CÔNG NGHIỆP		
1.	Cụm công nghiệp Tân Dương, xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030	30ha	Xã Tân Dương
2.	Cụm công nghiệp Kim Sơn, xã Kim Phụng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030	20 ha	Xã Kim Phụng
3.	Mở rộng cụm công nghiệp Tân Dương, xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2031-2045)	20 ha	Xã Tân Dương
4.	Mở rộng Cụm công nghiệp Kim Sơn, xã Kim Phụng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2011-2045)	30 ha	Xã Kim Phụng
5.	Cụm công nghiệp Trung Lương, xã Trung Lương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2031-2045)	50 ha	Xã Trung Lương
	NÔNG NGHIỆP		
6.	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Phú Tiến, huyện Định Hoá	208 ha	
7.	Tổ hợp chăn nuôi công nghệ cao tại xã		
II	DU LỊCH		

TT	Danh mục dự án	Quy mô	Địa điểm
8.	Quy hoạch xây dựng vùng chiến khu cách mạng ATK liên tỉnh Thái Nguyên – Tuyên Quang – Bắc Kạn đến năm 2030	Gồm huyện Định Hoá, Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên); Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hoá, TP. Tuyên Quang (Tuyên Quang); Chợ Đồn (Bắc Kạn)	
9.	Thực hiện tu bổ tôn tạo các di tích trong quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt An toàn khu (ATK) Định Hoá	Huyện Định Hoá	

PHẦN 6: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

6.1 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm hành chính

6.1.1 Trung tâm hành chính

Giai đoạn từ nay đến năm 2045, vị trí và quy mô diện tích trung tâm hành chính huyện tại thị trấn Chợ Chu vẫn giữ nguyên. Tuỳ theo yêu cầu thực tế có thể phải cải tạo chỉnh trang, nâng cấp hoặc xây mới lại để phù hợp với quy mô cấp đơn vị hành chính tương ứng.

6.2 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm thương mại – dịch vụ và du lịch

6.2.1 Trung tâm thương mại – dịch vụ

Hiện nay (năm 2023), huyện Định Hoá có chợ Tân Lập cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn chợ hạng II. Định hướng sẽ làm chợ cấp huyện.

Khu thương mại, dịch vụ: Tổng diện tích 56,62 ha, bao gồm các khu thương mại dịch vụ tại thị trấn Chợ Chu, khu dịch vụ thương mại Thâm Bầy, hồ Bảo Linh, Thác Khuôn Tát, khu Khả Què... Phát huy tiềm năng thuộc không gian du lịch phía Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên xác định khu vực ATK - huyện Định Hoá thế mạnh: Du lịch về nguồn, du lịch trải nghiệm và du lịch sinh thái chè, tuyến du lịch kết nối Chùa Hang - Nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh.

Giai đoạn 2031-2045, tiếp tục nâng cấp hạ tầng thương mại - dịch vụ của các trung tâm trên nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của địa phương.

6.2.2 Du lịch

Đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành đầu tư xây dựng các dự án tổ hợp dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và nhà ở gắn với các khu vực phát triển đô thị và nông thôn như:

- Khu du lịch cộng đồng, sinh thái, thương mại dịch vụ Khuôn Tát – Thác Bầy Tầng tại xã Phú Đình;

- Tổ hợp du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Thâm Bầy tại xã Quy Kỳ;
- Vùng bảo tồn kết hợp khu du lịch sinh thái và trải nghiệm dưới tán rừng đôi Khả Què;
- Khu du lịch sinh thái Bảo Linh;
- Khu du lịch cộng đồng gắn với văn hóa dân tộc thiểu số thực hiện tại xóm Bản Quyền (xã Diềm Mặc).

6.3 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm văn hoá, thể dục – thể thao

Hệ thống trung tâm văn hoá, thể thao cơ bản cấp cơ sở đã được phân bố đầy đủ ở các đơn vị hành chính của huyện (riêng xã Đồng Thịnh và xã Phúc Chu chưa có quỹ đất cho thể thao). Quy mô diện tích của các trung tâm cần tuân thủ các yêu cầu của Quy hoạch NTM³⁷ đã được phê duyệt và các quy định về thiết chế văn hoá thể thao cơ sở đã với quy mô khoảng 1ha.

Riêng với cấp huyện hiện nay đang hình thành 1 trung tâm văn hoá, thể thao và truyền thông tại thị trấn Chợ Chu với quy mô diện tích khoảng 7,01 ha, gồm: 01 nhà thi đấu thể thao đa năng với sức chứa 2.000 khán giả phục vụ các hoạt động thi đấu các môn thể thao trong nhà. 01 nhà điều hành với 5 phòng làm việc, 2 phòng chuyên môn và 1 phòng họp; 01 sân bóng đá tiêu chuẩn có 8 đường pít.

Theo Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống thiết chế văn hoá thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 thì quy mô diện tích trung tâm văn hoá thể thao của huyện Định Hóa đã đáp ứng đủ. Giai đoạn 2021-2030 tập trung đầu tư xây dựng sân vận động ngoài trời để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong huyện;

Nhằm đa dạng hoá các loại hình thể thao kết hợp với du lịch, nghỉ dưỡng, văn hoá, tâm linh và thương mại qua đó thúc đẩy lượng khách du lịch, tăng thu nhập cho huyện. Khuyến khích nghiên cứu đầu tư xây dựng Tổ hợp du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Thâm Bầy theo hướng có lồng ghép các môn thể thao ngoài trời.

Giai đoạn từ năm 2031 – 2045 cần nghiên cứu đầu tư xây dựng mới 1 trung tâm thể thao, văn hoá tại Đô thị mới Bình Yên, có quy mô diện tích đất khoảng 1,0 ha để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, thể thao cho nhân dân các địa phương khu vực phía Nam của huyện.

6.4 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm giáo dục và đào tạo

Hiện nay, trên địa bàn hiện có 2 trường THPT là: Trường THPT Định Hóa đặt tại thị trấn Chợ Chu, có diện tích khoảng 1,77 ha và trường THPT Bình Yên, đặt tại xã Bình Yên, có diện tích khoảng 3,60 ha. Tổng số học sinh đang theo học tại 2 trường

³⁷ Chương trình quy hoạch NTM đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

khoảng 3.600 hs. Tổng quỹ đất trường THPT cấp vùng huyện là 5,37 ha. Giai đoạn 2021-2030 về cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đất.

Tuy nhiên, với quy mô dân số dự báo đến năm 2045 là 110.625 người³⁸. Trên cơ sở chỉ tiêu tính toán quy mô công suất phục vụ là 40 học sinh/1.000 dân; 10m²/học sinh³⁹, thì:

- Đến năm 2045 quy mô diện tích đất xây dựng trường THPT cần thiết là:

$$137.557 \text{ người} \times 40 \text{ hs}/1.000 \text{ dân} \times 10\text{m}^2/\text{hs} = 55.023 \text{ m}^2 (5,5 \text{ ha})$$

Như vậy, giai đoạn 2031-2045, dự báo nhu cầu đất trường THPT của huyện hiện nay còn thiếu khoảng 0,13 ha. Đề xuất mở rộng thêm quy đất tại trường THPT Định Hóa lên đến 2,0ha.

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu việc làm trong giai đoạn quy hoạch, huyện cần bổ sung đầu tư thêm các cơ sở giáo dục nghề và trung tâm giáo dục thường xuyên tại thị trấn Chợ Chu. Vị trí quy mô và địa điểm được xác định cụ thể trong quy hoạch chung thị trấn Chợ Chu mở rộng.

6.5 Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm y tế

Hiện nay, hệ thống y tế huyện có 25 cơ sở y tế các cấp, gồm:

- 01 bệnh viện đa khoa (220 giường), có diện tích: 1,12 ha;
- 01 trung tâm y tế (hạng 2), có diện tích: 0,42 ha;
- 23 trạm y tế, bố trí ở các xã, thị trấn.

Căn cứ TCVN 9213:2012 – Bệnh viện quận, huyện thì quy mô diện tích đất xây dựng của bệnh viện đa khoa hiện nay đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế.

Đến năm 2030, quy mô dân số dự báo tăng đến 104.657 người. Đến năm 2045, dân số dự báo tăng đến 137.557 người. Do đó, tính toán trên cơ sở chỉ tiêu 04 giường/1.000 dân⁴⁰, dự kiến số giường bệnh cần thiết theo các giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2021-2030: $104.657 \text{ (người)} \times 0.004 = 419 \text{ (giường bệnh)}$
- Giai đoạn 2031-2045: $132.265 \text{ (người)} \times 0.004 = 550 \text{ (giường bệnh)}$

Vì vậy, để đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong huyện thì giai đoạn 2021-2030 cần thiết đầu tư xây dựng mở rộng bệnh viện đa khoa huyện hiện tại lên tối thiểu 1,5ha (đảm bảo quy mô 250 giường bệnh) và đầu tư xây dựng thêm 01 bệnh viện đa khoa cấp huyện tại Đô thị mới Bình Yên với quy mô 170 giường bệnh, có tính

³⁸ Không bao gồm DS quy đổi

³⁹ Theo QCXDVN 01:2021/BXD

⁴⁰ Theo QCXDVN 01:2021/BXD

đến giai đoạn 2031-2045 thì mở rộng quy mô lên thành 250 giường bệnh (với diện tích đất quy hoạch tối thiểu là 1,5 ha).

Đối với các trung tâm y tế, cơ sở khám chữa bệnh tại các xã cần nâng cấp, cải tạo, sửa chữa để đảm bảo quy mô, cấp phục vụ, các chỉ tiêu tuân thủ theo tiêu chí Quy hoạch NTM⁴¹ và của Bộ y tế.

Ngoài ra, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích mô hình xã hội hoá dịch vụ chăm sóc sức khoẻ (đặc biệt kết hợp với mô hình nghỉ dưỡng để tận dụng tiềm năng cảnh quan thiên nhiên ưu đã, đặc thù của huyện) nhằm giảm tải cho khối bệnh viện công, đồng thời đa dạng hoá các dịch vụ y tế.

6.6 Danh mục các quy hoạch cấp dưới cần lập theo các giai đoạn phát triển

Theo yêu cầu của Luật Xây dựng 2014

PHẦN 7: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

7.1 Về chuẩn bị kỹ thuật

7.1.1 Nguyên tắc thiết kế

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, không nên thay đổi địa hình trong những trường hợp không cần thiết, hạn chế tối đa khối lượng thi công đất.
- Kết quả nghiên cứu của các giai đoạn quy hoạch trước vẫn phù hợp sẽ tiếp tục tuân thủ, chưa phù hợp sẽ được điều chỉnh trong giai đoạn nghiên cứu này.
- Đảm bảo nền đô thị không bị ngập úng và ảnh hưởng của tai biến thiên nhiên (lũ quét, sạt lở, động đất...), có xem xét đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu.
- Đảm bảo giao thông êm thuận.
- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi, không gây xói mòn, rửa trôi đất.
- Việc sử dụng đất trong phạm vi công trình thủy lợi phải theo quy định pháp luật về thủy lợi, đất đai. Cụ thể tại Điều 163 Luật Đất đai quy định việc sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng chủ yếu đã được xác định; phải tuân thủ quy định về kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực có liên quan và quy định về bảo vệ cảnh quan, môi trường; không làm cản trở dòng chảy tự nhiên; không cản trở giao thông đường thủy.

⁴¹ Chương trình quy hoạch NTM đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

- Phạm vi, quy mô đầu tư xây dựng phải tuân thủ các quy định của Luật Thủy lợi, Luật Đất đai về phạm vi bảo vệ công trình; các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đất đai phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép theo quy định; đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đất đai, quy hoạch phòng, chống lũ cho các tuyến sông có đê và các quy định có liên quan.

Bảng 7.1 1: Chu kỳ tần suất trận mưa tính toán và trận mưa thiết kế

TT	Tiêu chuẩn quy hoạch	Sông chính	Sông nhánh, suối, kênh mương chính	Kênh mương nhánh, cống thoát nước chính	Cống nhánh
1	Chu kỳ lặp trận mưa tính toán	50-100 năm và có tính đến lượng mưa tăng do BĐKH	10 năm và có tính đến lượng mưa tăng do BĐKH	5 năm cho các đô thị, các cụm CN	2 năm
2	Lượng mưa tính toán	280mm /2 ngày			

Bảng 7.1 2: Mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các trạm thủy văn chính của các sông liên quan lưu vực thoát nước tỉnh Thái Nguyên

TT	Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước tương ứng với các cấp báo động lũ (m)		
			I	II	III
1	Sông Cầu	Chợ Mới (Bắc Kạn)	56,0	57,0	58,0

7.1.2 Các giải pháp phòng chống lũ và giảm nhẹ thiên tai

7.1.2.1 Biện pháp phi công trình:

- Nâng cao năng lực về phòng chống thiên tai lũ, lụt cho cán bộ cơ sở, tổ chức tuyên truyền giáo dục cho nhân dân để nâng cao nhận thức về công tác phòng chống lũ, lụt và giảm nhẹ thiên tai, tạo cho nhân dân có ý thức chủ động tự phòng ngừa).
- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai, chú trọng công tác dự báo, cảnh báo lũ thượng nguồn.
- Lập bản đồ phân vùng và xác định nguy cơ lũ, lụt, sạt lở...
- Rà soát, bổ sung quy hoạch phòng chống lũ, lụt và các loại thiên tai khác.
- Tăng cường bảo vệ và đẩy mạnh tốc độ trồng mới rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn để nâng cao hiệu quả cải tạo môi sinh, môi trường và tham gia làm giảm lũ, chậm lũ và giữ nước vào mùa mưa.
- Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hệ thống thủy lợi, quy hoạch vùng di dân cho vùng sạt lở bờ sông, lún sụt đất, vùng lũ ống, lũ quét cũng như quy hoạch vùng dân cư sống thích nghi với lũ.

- Tổ chức quản lý khai thác hợp lý, có hiệu quả lưu vực sông Công, sông Chợ Chu.

7.1.2.2_ Biện pháp công trình:

- Xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các công trình chống xói lở bờ sông
- Xây dựng thêm các hồ phía thượng nguồn để cắt giảm lũ cho vùng hạ du; cải tạo nâng cấp các hồ đập hiện có.
- Xây dựng bổ sung các trạm bơm cho những khu vực không thể thoát nước tự nhiên, cải tạo nâng cấp các trạm bơm cũ đã xuống cấp và thiếu công suất.
- Nạo vét luồng lạch lòng sông, cải tạo hệ thống cầu cống dọc các tuyến đường đảm bảo tiêu thoát lũ nhanh.
- Xây dựng kè (tường) hướng dòng tại các điểm sạt lở bờ sông); cụ thể dự án Kè Chống xói lở bờ sông Chu (Đoạn từ Cầu Nà Linh đến tràn Tân Dương) đã hoàn thiện giai đoạn 1, 2, đang tiếp tục triển khai giai đoạn 3.
- Tăng cường trồng cây bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

7.1.3 Định hướng cao độ nền

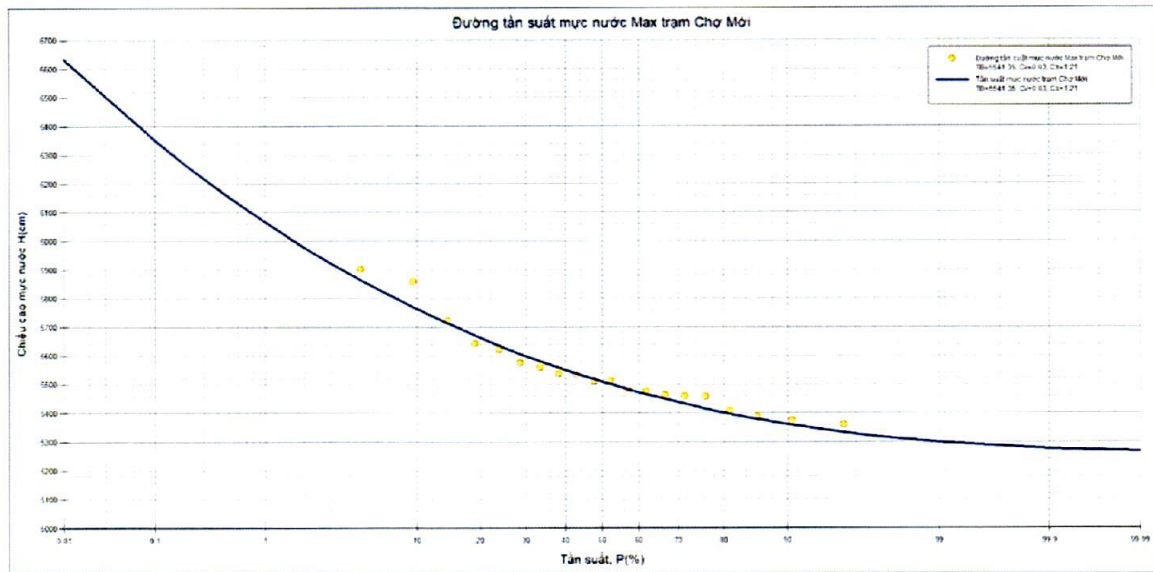
Bảng 7.1 3: Cấp bảo vệ các đô thị huyện Định Hóa, ứng với tần suất lũ thiết kế

TT	Danh mục	Loại đô thị		Tần suất tính toán	
		Đến 2030	Đến 2045	Đến 2030	Đến 2045
1	TT Chợ Chu	IV	IV	$P \leq 5\%$	$P \leq 5\%$
2	Đô thị mới Bình Yên	V (Đô thị mới)	V	$P \leq 10\%$	$P \leq 10\%$
3	Đô thị mới Phú Đình	--	V	--	$P \leq 10\%$

Bảng 7.1 4: Tần suất mực nước lớn nhất trên sông Cầu, tại trạm Chợ Mới

Năm	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Mực nước (cm)	5.535	5.511	5.359	5.901	5.407	5.512	5.722	5.475	5.385	5.458
Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Mực nước (cm)	5.858	5.641	5.463	5.479	5.621	5.536	5.575	5.459	5.373	5.557

Hình 7.1-1: Đường tần suất mực nước Max trạm Chợ Mới



- Huyện Định Hóa thuộc khu vực có địa hình cao, thuận lợi cho thoát nước, không bị ảnh hưởng bởi mực nước phòng lũ của các sông, không bị ảnh hưởng bởi ngập lụt; do đó cao độ xây dựng đô thị được xác định trên cơ sở địa hình tự nhiên và có hướng dốc chủ yếu về các suối, sông lân cận.
- Cao độ khống chế nền xây dựng cho các đô thị cần tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp. Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn.
- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã xây dựng có mật độ xây dựng cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.
- Với các khu dân cư, công trình hiện có nằm trong khu vực ngập úng cục bộ, cần có biện pháp dần dần cải tạo nền tối thiểu cao hơn 0,3-0,5m.

7.1.4 Định hướng thoát nước mưa

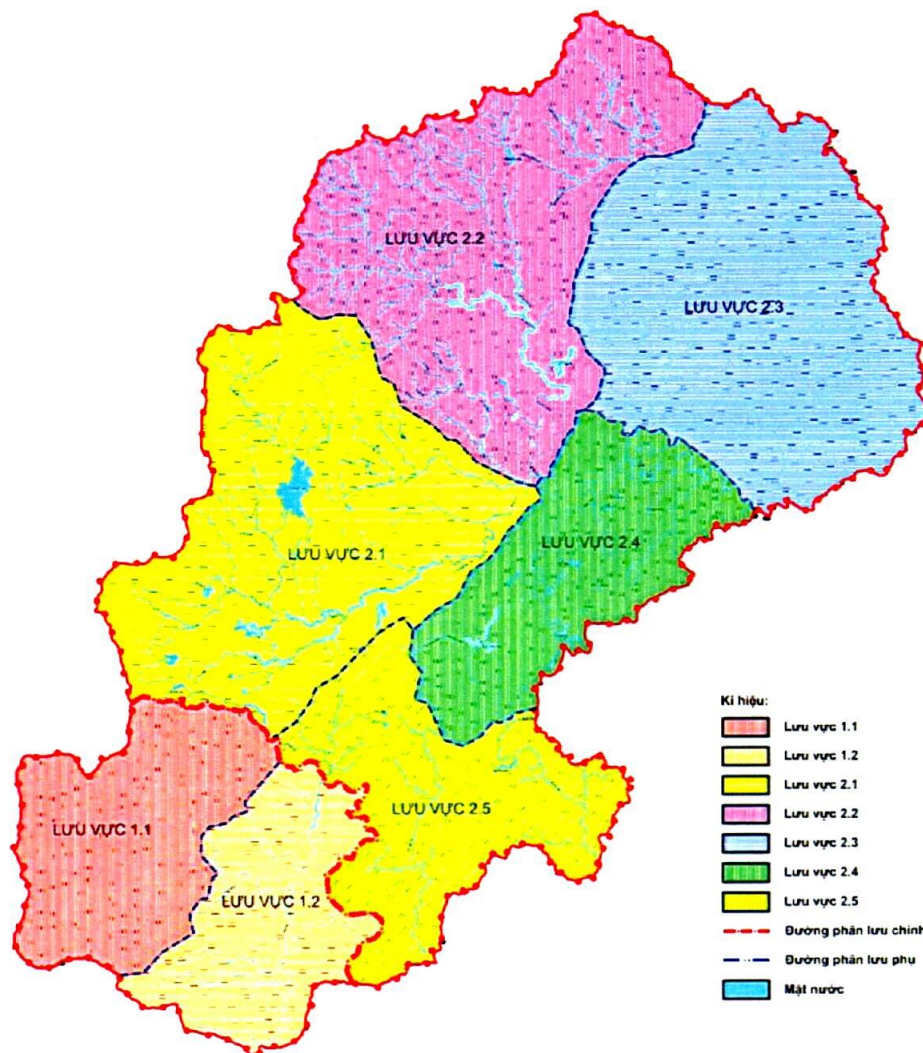
7.1.4.1 Phân vùng và định hướng tiêu thoát nước

- Toàn bộ huyện được chia làm 2 vùng tiêu cơ bản: Vùng tiêu sông Chu và vùng tiêu sông Công.
 - Vùng tiêu sông Công nằm ở phía Nam huyện, diện tích khoảng 11.849,3ha. Hướng thoát chính ra sông Công.
 - Vùng tiêu sông Chu chiếm phần lớn diện tích của huyện, bao gồm khu vực trung tâm cho đến lên phía Bắc, diện tích khoảng 39.528,14ha. Hướng thoát chính ra các suối trong lưu vực rồi đổ về sông Chu.
- Đối với vùng tiêu sông Công, phân thành 2 lưu vực, cụ thể:

- Lưu vực 1.1: Bao gồm phần diện tích Xã Phú Đình và xã Diêm Mặc, với phần đồi núi cao bao bọc ở sườn phía Tây và phía Nam (Htb: 400m-600m); khu vực trung tâm và phía Đông và Đông Bắc địa hình tương đối bằng phẳng (Htb: 100m-150m). Nước mặt chủ yếu thoát theo các suối nhánh rồi đổ về hai dòng chính là suối Khuôn Tát và suối Bình Nguyên, sau đấy đổ ra sông Công.
- Lưu vực 1.2: Bao gồm phần diện tích của xã Sơn Phú và Bình Thành, địa hình tương đối phức tạp; các khu vực đồi núi đan xen (Htb: 130m-400m) với các khu vực đồng bằng nhỏ hẹp (Htb: 80m-130m). Nước mặt chủ yếu thoát ra các suối nhánh phụ lưu rồi đổ về sông Công.
- Đối với vùng tiêu sông Chu, phân thành 5 lưu vực, cụ thể:
 - Lưu vực 2.1: Bao gồm phần diện tích của các xã Thanh Định, Định Biên, Bảo Linh, Phúc Chu, Đồng Thịnh, Bảo Cường, TT, Chợ Chu và 1 phần phía Bắc xã Bình Yên. Khu vực có địa hình chủ yếu là đồi núi cao; phía Tây với dãy núi Hồng (Htb: 250m-600m), phía bắc và phía Nam với dãy núi Con Rồng (Htb: 150m-400m); xen lẫn dải đồng bằng nhỏ hẹp chạy dài ở trung tâm dọc từ TT Chợ Chu xuống xã Bình Yên (Htb: 80m-130m). Nước mặt chủ yếu thoát theo các con suối trong khu vực (suối Cái, suối Keo En, suối Khuổi Gàn, suối Làng Mới,...) rồi đổ về sông Chu. Phần phía Bắc của khu vực, nước mặt chảy theo các suối phụ lưu rồi đổ về hồ Bảo Linh, trước khi xuống hạ lưu. Hồ Bảo Linh có tác dụng trữ nước cũng như giúp 1 phần trong công tác cắt lũ về hạ lưu.
 - Lưu vực 2.2: Bao gồm phần diện tích của các xã Kim Phụng, Quy Kỳ, Linh Thông, đây là khu vực phía Bắc của huyện với địa hình chủ yếu là núi cao (Htb: 150m-400m). Khu vực xã Kim Phụng, Quy Kỳ, nước mặt chủ yếu thoát về các suối nhánh rồi đổ về Đèo So, suối Quang Cao sau đó thoát ra sông Chu. Khu vực xã Linh Thông, nước mặt chủ yếu thoát ra suối Đèo Phụng, suối Pò Cọp, sau đấy đổ về suối Phụng ở phía Đông Nam.
 - Lưu vực 2.3: Bao gồm phần diện tích của xã Lam Vỹ và Tân Thịnh. Khu vực có địa hình đồi núi cao chiếm chủ yếu (Htb: 150m-380m), phần đồng bằng chỉ chiếm một diện tích nhỏ phân bố xen kẽ giữa các dãy núi và ở phía Nam xã Tân Thịnh (Htb: 80m-100m). Nước mặt chủ yếu thoát theo các suối Phụng, suối Na Viên, suối Làng Duyên, suối Văn La, suối Thịnh Mỹ,... rồi đổ về sông Chu ở phía Nam.
 - Lưu vực 2.4: Bao gồm phần diện tích các xã Tân Dương, Phụng Tiến, Trung Hội. Khu vực có địa hình núi cao ở phía Tây với dãy núi Con Rồng (Htb: 150m-400m) và phía Đông (Htb: 150m-300m), khu vực trung tâm tương đối bằng phẳng xen lẫn các đồi bát úp (Htb: 80m-100m). Nước mặt

chủ yếu thoát ra các suối Đồng Mực, Ba Ngọn, suối con,... rồi đổ về sông Chu ở phía Bắc.

- Lưu vực 2.5: Bao gồm phần diện tích các xã Bộc Nhiêu, Phú Tiến, Trung Lương và một phần phía Nam xã Bình Yên. Khu vực có địa hình đồi núi chiếm đa số (Htb: 130m-200m), một số khu vực đồng bằng nhỏ hẹp với (Htb:100m). Nước mặt ở khu vực chủ yếu thoát về suối Bến Gió, suối Khuổi Chè rồi sau đấy đổ về phía Nam ra sông Cầu.



Hình 7.1-2: Sơ đồ phân chia lưu vực thoát nước

7.1.4.2_Giải pháp thiết kế

- Đảm bảo diện tích, thể tích hệ thống hồ điều hòa để điều tiết nước mặt; khai thác các khu vực trũng, thấp để lưu trữ tạm thời nước mưa; tăng diện tích mặt phủ thấm hút nước cho các công trình giao thông, sân bãi, hạ tầng kỹ thuật và các khu vực công cộng khác. Các khu vực đô thị hiện hữu phải giữ lại, cải tạo

và nâng cấp các hồ, sông, kênh rạch hiện có để đảm bảo thể tích lưu trữ và điều hòa nước mặt;

- Công trình thủy lợi, phòng chống lũ thực hiện phù hợp với quy hoạch chuyên ngành và các dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ SUDS vào công tác quy hoạch và phát triển đô thị, với mục tiêu phát triển hệ thống thoát nước bền vững và thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu.

7.1.4.3_Mạng lưới thoát nước mưa

- Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương thủy lợi.
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị chưa có hệ thống thoát nước, tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước tại các đô thị có hệ thống thoát nước mưa chưa hoàn chỉnh.
- Đối với các khu Đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung sẽ xây hệ thống thoát nước riêng)
- Các đô thị hiện hữu đang có hệ thống thoát chung, trong tương lai cần đầu tư xây dựng thành hệ thống nửa riêng) Nước thải sẽ đưa về khu xử lý trước khi xả ra môi trường bằng cách xây dựng hệ thống cống bao.
- Kết cấu là cống BTCT, mương xây nắp đan, mương xây hở tùy theo đặc điểm của từng khu vực)
- Đối với các vùng tiêu không tự chảy được sẽ xây trạm bơm và thoát nước cưỡng bức ra các sông)
 - Chỉ tiêu đến 2030
- Đô thị loại 4, loại 5 chỉ tiêu $\geq 70\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước.
- Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 50\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước.
 - Chỉ tiêu đến 2045
- Đô thị loại 4, loại 5 chỉ tiêu $\geq 100\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước.

Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 70\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước.

7.2 Về giao thông

7.2.1 Quan điểm và mục tiêu phát triển giao thông

- a) Quan điểm phát triển:

- Phát triển giao thông huyện Định Hóa phải phù hợp với chiến lược phát triển giao thông vận tải Quốc gia và quy hoạch tỉnh Thái Nguyên.

- Khai thác tối đa các lợi thế về giao thông để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, điều tiết phát triển, kết nối với các vùng trong huyện và kết nối huyện với khu vực lân cận.

b) Mục tiêu phát triển:

- Hình thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, liên thông và có cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo kết nối được với hệ thống giao thông của Quốc gia và tỉnh Thái Nguyên.

- Đảm bảo liên kết được các khu vực đô thị với các khu vực chức năng khác trong huyện (khu du lịch dịch vụ, khu công nghiệp ...) tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội toàn huyện phát triển.

- Kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ và hiện đại, đáp ứng nhu cầu phương tiện giao thông gia tăng.

7.2.2 Quy hoạch giao thông:

7.2.2.1 Hệ thống khung giao thông của Tỉnh:

- Hệ thống khung giao thông của Tỉnh gồm 3 tuyến trục dọc, 4 tuyến trục ngang và 02 tuyến vành đai. Quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi, 2 làn xe, các đoạn tuyến đi trùng với đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh có quy mô theo quy hoạch các tuyến đã xác định. Đối với các đoạn tuyến đi qua các khu dân cư tập trung, cho phép nghiên cứu, chấp thuận quy mô, hướng tuyến theo điều kiện đặc thù khu vực.
- Trên địa phận huyện Định Hóa có các tuyến trục dọc D1 và các tuyến trục ngang N1, N2 chạy qua. Cụ thể như sau:
 - o Tuyến trục dọc phía Tây D1: từ Đèo So, theo QL.3C qua huyện Định Hóa tiếp nối vào ĐT.264 tại ngã ba Quán Vuông, xã Trung Hội đến điểm giao với QL.37 thì tiếp tục đi theo tuyến đường liên kết vùng, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc.
 - o Tuyến trục ngang N1: Là tuyến trục ngang phía Bắc, đi trùng đường Hồ Chí Minh.
 - o Tuyến trục ngang N2 là trục ngang kết nối phía Đông Bắc và Tây Bắc tỉnh Thái Nguyên, trùng QL.1B từ tiếp giáp Lạng Sơn đến thị trấn Sông Cầu, qua phía Nam xã Phú Đô nối vào QL.3 tại Phú Lương, đi trùng một đoạn với QL.3 lên phía Bắc khoảng 2,3km rồi đi theo ĐT.263 đến phía Bắc xã Phúc Lương thì đi tiếp theo tuyến đường huyện nâng cấp, đến ĐT.264 tại xã Minh Tiến, tiếp tục đi theo ĐT.264 qua Bình Thành đến ĐT.264B tại Phú Đình rồi theo ĐT.264B đi Tuyên Quang.

7.2.2.2_ Đường đối ngoại:

Hệ thống đường giao thông cấp trên bao gồm các đường Quốc lộ và đường tỉnh, tuân thủ theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- **Quốc lộ:**

- Đường Hồ Chí Minh:

- Đến năm 2025, xây dựng mới tuyến đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2, đoạn Chợ Chu đến ngã ba Trung Sơn, tiêu chuẩn đường cấp III-MN.
 - Đến năm 2030, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Hướng tuyến theo quy hoạch đã duyệt.
 - Đến năm 2045, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp II. Hướng tuyến theo quy hoạch đã duyệt.

- Quốc lộ 3C (QL.3C):

- Đến năm 2025, cải tạo nâng đoạn Phú Tiến đến Quán Vuông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV; duy tu, cải tạo đoạn từ Quán Vuông đến Đèo So đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV-MN.
 - Đến năm 2030, cải tạo nâng đoạn từ Quán Vuông đến Đèo So đạt tiêu chuẩn đường cấp IV.
 - Đến năm 2045, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III.

- **Đường tỉnh:**

- Đường tỉnh ĐT.263D: Đến năm 2030, xây dựng tuyến đường Yên Ninh – Yên Trạch – Phú Tiến – Ôn Lương, đoạn đi qua huyện Định Hóa nâng cấp từ tuyến đường huyện Yên Trạch – Phú Tiến – Cây Sung, dài 4,7km, đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi, mặt đường 6m, nền đường 9m.
 - Đường tỉnh ĐT.264: Đến năm 2030, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, mặt đường 6m, nền đường 9m.
 - Đường tỉnh ĐT.264B: Đến năm 2030, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, mặt đường 6m, nền đường 9m.
 - Đến năm 2030, nâng cấp tuyến đường huyện Bình Thành – Phú Đình dài 10km lên thành đường tỉnh, là một phần của trục ngang N2, kết nối 2 tuyến đường tỉnh ĐT.264 và ĐT.264B, quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, mặt đường 6m, nền đường 9m.

Bảng 7.2-1: Danh mục đường giao thông cấp Quốc gia và Cấp tỉnh qua địa bàn huyện Định Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
I	Quốc lộ		54,15	
1	Quốc lộ 3C	QL.3C	31,5	IV
	- Đoạn Phú Tiến – Quán Vuông		10,9	
	- Đoạn Quán Vuông – Đèo So		20,6	
2	Đường Hồ Chí Minh	HCM	22,65	III
	- Hiện trạng		10,7	
	- Quy hoạch		11,95	
II	Đường tỉnh		48,30	
1	Đường tỉnh 264	ĐT.264	18,0	III-MN
2	Đường tỉnh 264B	ĐT.264B	15,6	III-MN
3	Đường tỉnh 263D (Đường Yên Ninh -Yên Trạch - Phú Tiến - Ôn Lương)	ĐT.263D	4,7	III-MN
4	Trục ngang N2	N2	10,0	III-MN

7.2.2.3 _Đường bộ trong huyện:

- **Quy hoạch mạng lưới đường huyện đến 2025**
 - Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh từ đường GTNT loại A lên đạt tiêu chuẩn đường cấp VI-MN.
 - Cải tạo, nâng cấp mặt đường các tuyến Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh; Bộc Nhiêu - Bình Thành - Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ; Tuyến Trung Lương – Bảo Linh – Bình Yên
 - Các tuyến đường huyện còn lại chỉ tiến hành duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn cấp đường hiện trạng.

Bảng 7.2 1: Danh mục đường giao thông trong địa bàn huyện đến năm 2025

Bảng Error! Use the Home tab to apply 0 to the text that you want to appear here.-2

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
1	Đường vào khu di tích Phụng Hiến	ĐH.90	2,2	VI - MN
2	Đường vào khu di tích Nà Mòn	ĐH.91	1,0	VI - MN

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
3	Đường vào khu di tích Khuôn Tát	ĐH.92	1,2	IV - MN
4	Chợ Chu - Tân Thịnh - Lam Vỹ	ĐH.93	6,7	VI - MN
5	Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ	ĐH.94	16,5	VI - MN
6	Phúc Chu - Bảo Linh	ĐH.95	14,1	VI - MN
7	Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ	ĐH.96	11,5	VI - MN
8	Kim Phụng - Quy Kỳ	ĐH.97	3,2	VI - MN
9	Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh	ĐH.98	9,8	VI - MN
10	Nà Guồng - Đồng Thịnh	ĐH.99	7,2	VI - MN
11	Tân Dương - P. Tiến - T. Hội	ĐH.90B	9,7	VI - MN
12	Bình Thành - Phú Đình	ĐH.91B	10,0	VI - MN
13	Tân Thịnh - Khe Thí	ĐH.92B	11,5	VI - MN
14	Đá Bay - Thanh Xuân	ĐH.93B	6,7	VI - MN
15	Phú Tiến - Bộc Nhiêu - Bình Thành	ĐH.94B	10,7	VI - MN
16	Yên Trạch - Phú Tiến - Cây Sung	ĐH.95B	4,7	VI - MN
	Tổng cộng		126.70	

• **Quy hoạch mạng lưới đường huyện đến 2030**

- Khớp nối 2 tuyến đường huyện hiện trạng là Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ và tuyến Chợ Chu - Tân Thịnh - Lam Vỹ thành 1 tuyến Quy Kỳ - Lam Vỹ - Tân Dương, đặt tên là ĐH.93, toàn tuyến dài 23,2km, tiêu chuẩn đường cấp VI-MN;
- Khớp nối các tuyến đường huyện hiện trạng Nà Guồng - Đồng Thịnh; tuyến Đá Bay Thanh Xuân và 01 đoạn tuyến Phúc Chu - Bảo Linh thành tuyến Trung Lương - Bảo Linh - Bình Yên, đặt tên là ĐH.99, toàn tuyến dài 18,5km, tiêu chuẩn đường cấp VI-MN;
- Xây dựng mới tuyến đường Phúc Chu - Bảo Linh, đặt tên là ĐH.95, chiều dài 8,58km, tiêu chuẩn đường cấp VI-MN;
- Các tuyến đường huyện còn lại chỉ tiến hành duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn đường cấp VI-MN;
- Các tuyến đường huyện: ĐH.93, ĐH.94, ĐH.95, ĐH.99, ĐH.91B, ĐH.91, ĐH.96B, ĐH.94B, ĐH.90A, ĐH.90B, ĐH.90C tạo thành một vành đai giao thông kết hợp khai thác du lịch với phát triển nông, lâm sản.

Bảng 7.2 1: Danh mục đường giao thông trong địa bàn huyện đến năm 2030

Bảng Error! Use the Home tab to apply 0 to the text that you want to appear here.-3

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
	Đường hiện trạng			
1	Đường vào khu di tích Phụng Hiến	ĐH.90	2,2	VI-MN
2	Đường vào khu di tích Nà Mòn	ĐH.91	1,0	VI-MN
3	Đường vào khu di tích Khuôn Tát	ĐH.92	1,2	IV-MN
4	Đường Quy Kỳ - Lam Vỹ - Tân Dương	ĐH.93	23,2	V-MN
5	Đường Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ	ĐH.96	11,5	VI-MN
6	Đường Kim Phụng - Quy Kỳ	ĐH.97	3,2	VI-MN
7	Đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh	ĐH.98	9,8	VI-MN
8	Đường Trung Lương - Bảo Linh - Bình Yên	ĐH.99	18,5	VI-MN
9	Đường Tân Dương - Phụng Tiến - T. Hội	ĐH.90B	9,7	VI-MN
10	Đường Tân Thịnh - Khe Thí	ĐH.92B	11,5	VI-MN
11	Đường Phú Tiến - Bộc Nhiêu - Bình Thành	ĐH.94B	10,7	VI-MN
	Tổng cộng		102,50	

• **Quy hoạch mạng lưới đường huyện đến 2045**

- Đến năm 2045, nâng cấp cải tạo các tuyến đường huyện hiện có đạt quy mô đường tối thiểu cấp IV-MN với 2 làn xe.
- Xây dựng mới 06 tuyến đường huyện (ĐH.90A, DH.90C, DH.91B, DH.96A, DH.96B, DH.97B), quy mô đường cấp IV-MN.
- Xây dựng mới 03 tuyến đường huyện (ĐH.94, DH.95, DH.95B), quy mô đường cấp VI-MN.
- Các tuyến đường đi qua khu vực nội thị đảm bảo quy mô đường đô thị và tuân thủ theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn mới, các dự án đã được phê duyệt.

Bảng 7.2 2: Danh mục đường giao thông trong địa bàn huyện đến năm 2045

Bảng Error! Use the Home tab to apply 0 to the text that you want to appear here.-4

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
A	Đường huyện hiện trạng nâng cấp		102.50	
1	Đường vào khu di tích Phụng Hiến	ĐH.90	2,2	IV-MN
2	Đường vào khu di tích Nà Mòn	ĐH.91	1,0	IV-MN
3	Đường vào khu di tích Khuôn Tát	ĐH.92	1,2	IV-MN
4	Đường Quy Kỳ - Lam Vỹ - Tân Dương	ĐH.93	23,2	IV-MN
6	Đường Chợ Chu - Kim Phụng - Lam Vỹ	ĐH.96	11,5	IV-MN

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên đường	Kí hiệu	Chiều dài (km)	Cấp đường
7	Đường Kim Phụng - Quý Kỳ	ĐH.97	3,2	IV-MN
8	Đường Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh	ĐH.98	9,8	IV-MN
9	Đường Trung Lương - Bảo Linh - Bình Yên	ĐH.99	18,5	IV-MN
10	Đường Tân Dương - Phượng Tiến - T. Hội	ĐH.90B	9,7	IV-MN
11	Đường Tân Thịnh - Khe Thí	ĐH.92B	11,5	IV-MN
12	Đường Phú Tiến - Bộc Nhiêu - Bình Thành	ĐH.94B	10,7	IV-MN
B	Đường huyện quy hoạch mới		64.37	
1	Đường Trung Hội - Phượng Tiến	ĐH.90A	3,63	IV-MN
2	Đường Phượng Tiến - Tân Dương	ĐH.90C	6,05	IV-MN
3	Đường nối khu ATK - Nà Chén	ĐH.91B	11,2	IV-MN
4	Đường Khuân Cầm - Nà Chát	ĐH.95	8,23	VI-MN
5	Đường Bảo Linh - Khuân Nhà	ĐH.94	11.30	VI-MN
6	Đường Lam Vỹ - Nà Tắc (Đèo Cây)	ĐH.95B	8,4	VI-MN
7	Đường Bộc Nhiêu - Bình Yên	ĐH.96A	7,7	IV-MN
8	Đường Bộc Nhiêu - Phúc Lương (Định Hóa)	ĐH.96B	5,09	IV-MN
9	Đường nối ĐT.264 - trục ngang N2	ĐH.97B	2,77	IV-MN

7.2.2.4 Hệ thống công trình phục vụ giao thông:

- Bến xe huyện: Đến năm 2030, nâng cấp bến xe Định Hóa đạt tiêu chuẩn bến xe loại II.
- Bãi đỗ xe tập trung: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung với quy mô 0,1 – 0,5 ha với bán kính phục 300 - 500m phục vụ nhu cầu đỗ xe của huyện trong tương lai. Hệ thống bãi đỗ xe tập trung được bố trí tại các khu vực đầu mối giao thông, các khu du lịch, các khu vực dịch vụ, khu vực công nghiệp và tận dụng khu vực công viên cây xanh làm bãi đỗ xe. Quy mô và vị trí cụ thể sẽ được xác định trong các QH cấp dưới.
- Dự báo tổng nhu cầu bãi đỗ xe tập trung tại các đô thị (chỉ tiêu 4m²/người):
 - Thị trấn Chợ Chu: Đến năm 2030 khoảng 15,6ha; đến năm 2045 khoảng 21,5ha.
 - Đô thị mới Bình Yên: Đến năm 2030 khoảng 3,5ha; đến năm 2045 khoảng 4,6ha.
 - Đô thị mới Phú Đình: đến năm 2045 khoảng 5,7ha.

7.3 Về hệ thống cấp điện

7.3.1 Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện

a) Chỉ tiêu cấp điện

• **Điện sinh hoạt dân dụng:**

- Đô thị loại IV- V (đến năm 2030): 1000 kWh/ng/năm (330W/ng)
- Đô thị loại IV- V (đến năm 2045): 1000 kWh/ng/năm (330W/ng)
- Khu vực nông thôn: 150 W/người

• **Phụ tải điện công cộng:**

- Công cộng, DVTM ...: = 30% phụ tải điện sinh hoạt

• **Phụ tải điện công nghiệp:**

- Công nghiệp XD, cơ khí: 250kW/ha
- Công nghiệp lương thực, thực phẩm: 200kW/ha
- Công nghiệp giày da, may mặc: 160kW/ha
- Thủ công nghiệp: 140kW/ha
- Cơ sở sản xuất, làng nghề: 120kW/ha

7.3.2 Dự báo nhu cầu cấp điện

Bảng 7.3-1: Tính toán phụ tải sinh hoạt huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

Bảng 7. 3-2. Tính toán phụ tải công nghiệp huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

Bảng 7.3.3: Tổng hợp phụ tải huyện Định Hóa

TT	Tên phụ tải điện	Công suất đặt (MW)		Hệ số sử dụng	Công suất yêu cầu (MW)	
		Đến 2030	Đến 2045		Đến 2030	Đến 2045
1	Phụ tải sinh hoạt	36.92	45,03	0,75	27.69	33,77
2	Phụ tải CC, DV	11.08	13,51	0,7	7,75	9,46
3	Phụ tải Công nghiệp	10,00	37,50	0,85	8,50	31,88
Cộng						43,95
Dự phòng và tổn hao (10%)						4,39
Tổng công suất yêu cầu						48.34

Tổng nhu cầu dùng điện huyện Định Hóa theo từng giai đoạn:

- Đến năm 2030: 48.34 MW, làm tròn 48MW.
- Đến năm 2045: 82,61 MW, làm tròn 83MW.

7.3.3 Định hướng hệ thống cấp điện

7.3.3.1 Nguồn cấp:

- Hiện nay huyện đang tiến hành xây dựng trạm 110kV Định Hóa với tổng công suất 2x40MVA. Giai đoạn đầu đến năm 2025 lắp máy T1, công suất 40MVA.

- Đến năm 2030 lắp đặt thêm máy T2 nâng tổng công suất của trạm lên 2x40MVA.
- Đến năm 2045, thay máy T1 từ 40MVA lên 63MVA, nâng tổng công suất của trạm lên thành (40+63)MVA.

7.3.3.2_ Phát triển mạng lưới điện:

- Hiện nay đường dây 110kV mạch kép, dây dẫn AC400, đầu nối trạm 110kV Định Hóa, dài 2x11km đang được xây dựng.
 - **Lưới điện trung thế 35kV, 22KV:**
 - Lưới trung thế 22kV xây dựng mới theo kết cấu mạch vòng, bình thường vận hành hở.
 - Các khu Đô thị mới và khu vực trung tâm huyện lưới trung thế từng bước cần được đầu tư ngầm hóa đến 2045, để đảm bảo mỹ quan đô thị; dần đồng bộ nâng áp về cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV, bố trí đi ngầm sử dụng cáp ngầm trung thế, tiết diện từ 3x150 ÷ 3x240mm².
 - Các khu vực còn lại lưới trung thế 22 kV bố trí đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng cáp bọc hợp kim nhôm.
 - Các tuyến trung thế 22 kV, 35 kV hiện có cần được vận hành song song để đảm bảo khả năng chuyển đổi khi cần thiết.
 - **Trạm biến áp hạ thế:**
 - Các trạm biến áp hạ thế hiện có cần được cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ.
 - Các trạm biến áp hạ thế xây dựng mới sử dụng loại trạm Kios; trạm treo trên 02 cột bê tông ly tâm; trạm trên 01 cột, ... hạn chế sử dụng trạm xây (trừ trường hợp bắt buộc) trạm đặt tại các khu vực trung tâm phụ tải, đảm bảo mỹ quan đô thị và đáp ứng các quy định về an toàn điện.
- Các trạm biến áp hạ thế hiện có cần được cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ.
- Các trạm biến áp hạ thế xây dựng mới sử dụng loại trạm Kios; trạm treo trên 02 cột bê tông ly tâm; trạm trên 01 cột, ... hạn chế sử dụng trạm xây (trừ trường hợp bắt buộc) trạm đặt tại các khu vực trung tâm phụ tải, đảm bảo mỹ quan đô thị và đáp ứng các quy định về an toàn điện.
 - **Lưới điện hạ thế, chiếu sáng:**
 - Lưới điện hạ thế 0,4 kV kết cấu mạng hình tia, các khu vực Đô thị mới bố trí đi ngầm nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị, khu vực nông thôn lưới điện hạ thế bố trí đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng cáp vặn xoắn ABC bọc cách điện, bán kính phục vụ của lưới phải đảm bảo ≤ 500m. Tại các xã trên địa bàn huyện

cũng cần đầu tư dần cải tạo thay thế lưới hạ thế bằng cáp vện xoắn ABC theo tiêu chuẩn ngành điện.

- Lưới điện chiếu sáng của huyện Định Hóa cần có dự án đầu tư xây dựng lưới điện chiếu sáng mới hoàn chỉnh theo đúng tiêu chuẩn trên khắp địa bàn Huyện. Lưới điện chiếu sáng trên các trục đường chính bố trí đi ngầm, sử dụng cáp ngầm hạ thế tiêu chuẩn, cột thép hình tròn công mạ nhúng kẽm, bóng đèn Led cao áp. Các trục đường nhánh bố trí đi nổi chung cột với lưới hạ thế, sử dụng cáp bọc PVC.

7.4 Về hệ thống cấp nước

7.4.1 Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước:

a) Chỉ tiêu cấp nước:

Bảng 7.4-1: Bảng chỉ tiêu cấp nước

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Th	Đề xuất	
				Đến năm 2030	Đến năm 2045
1	Sinh hoạt (Qsh)				
	- TT Chợ Chu	lít/người/ngày đêm	≥80	110	130
	- Đô thị mới	lít/người/ngày đêm	≥80	80	100
	- Nông thôn	lít/người/ngày đêm	≥60	60	80
2	Công cộng, dịch vụ	%Qsh	≥10	10	10
3	Tưới cây, rửa đường	%Qsh	≥8	8	8
4	Công nghiệp tập trung	m3/ha/ngđ	≥20	20	25
5	Thất thoát rò rỉ	%Q1-4	≤15	15	15
6	Bản thân nhà máy nước	%Q1-5	≥4	5	5

b) Dự báo nhu cầu cấp nước:

Bảng 7.4-2: Dự báo nhu cầu dùng nước huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

- Dự báo tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2030 của huyện Định Hóa là: **20.389 m3/ng.đêm**
- Dự báo tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2045 của huyện Định Hóa là: **35.013 m3/ng.đêm**

7.4.2 Định hướng hệ thống cấp nước:

a) Quy hoạch hệ thống nhà máy cấp nước:

- Nâng cấp trạm cấp nước Chợ Chu thành nhà máy nước Chợ Chu với công suất tương ứng theo giai đoạn:

- Đến năm 2025: 2.000 m3/ng.đ

- Đến năm 2030: 3.000 m³/ng.đ
 - Đến năm 2045: 4.000 m³/ng.đ
 - Đến năm 2045, nâng cấp nhà máy cấp nước Hồ Bảo Linh⁴² với nguồn nước thô lấy từ hồ Bảo Linh, công suất tương ứng theo các giai đoạn:
 - Đến năm 2025: 2.400 m³/ng.đ
 - Đến năm 2030: 17.000 m³/ng.đ
 - Đến năm 2045: 30.000 m³/ng.đ
 - Xây dựng mới nhà máy cấp nước Phú Đình với nguồn nước thô lấy từ hồ Khuôn Tát (xã Phú Đình), công suất đến năm 2045: 2.000 m³/ng.đ
 - Đến năm 2025 đầu tư xây dựng mới nhà máy cấp nước Trung Lương với nguồn nước thô lấy từ hồ Bảo Linh, cung cấp cho 05 xã Trung Lương, Bình Yên, Sơn Phú, Đồng Thịnh, Định Biên. Công suất 2.400m³/ng.đ
 - Sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung hiện có tại các xã.
- b) Quy hoạch mạng lưới cấp nước:**
- Tổ chức mạng lưới cấp nước với 03 cấp: Truyền Tải – Phân Phối – Dịch vụ.
 - Mạng lưới truyền tải có đường kính từ D300 trở lên
 - Mạng lưới phân phối có đường kính 300>DN≥100;
 - Mạng lưới dịch vụ có đường kính D≤90.
 - Bố trí hệ thống đường ống cấp nước từ các nhà máy về các khu vực thị trấn Chợ Chu và Đô thị mới Bình Yên.
- + Tuyến đường ống D500 từ nhà máy nước hồ Bảo Linh về thị trấn Chợ Chu chạy dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh quy hoạch mới.
- + Từ tuyến D500 đầu nối thêm tuyến đường ống D300 chạy dọc theo đường tỉnh ĐT.264B, cấp nước cho Đô thị mới Bình Yên.
- Xây dựng tuyến đường ống D300 từ nhà máy nước Phú Đình, cấp nước cho đô thị mới Phú Đình và các khu vực lân cận.
 - Mạng lưới tuyến ống phân phối, dịch vụ sẽ được thể hiện ở các quy hoạch cấp dưới.

c) Cấp nước chữa cháy

- Nguồn cho cấp nước chữa cháy được lấy từ 02 nguồn: Một kết hợp với cấp nước sinh hoạt, một lấy từ nguồn nước mặt (sông, ao, hồ...).
- Nguồn kết hợp với cấp nước sinh hoạt: Chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các họng cứu hoả, áp lực cột nước tự do lúc này không được nhỏ hơn 10m. Họng cứu hoả được bố trí trên các tuyến ống đường kính Φ110mm trở lên, đồng thời phải tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy của bộ Công an. Họng

⁴² Theo QHSDD đến thời kỳ 2021-2030

cứu hoả được đặt nổi trên mép đường, dọc theo đường phố, ở các ngã ba, ngã tư. Khoảng cách tối thiểu giữa hòng và tường các ngôi nhà là 5m. Khoảng cách giữa hòng và mép ngoài của lòng đường tối đa 2,5m. Khoảng cách giữa các hòng $\leq 150m$. (Được thiết kế cụ thể trong giai đoạn tiếp theo).

- Nguồn nước mặt (sông, ao, hồ...): Xây dựng các điểm cấp nước mặt (hố ga thu nước mặt) phục vụ cho chữa cháy. Vị trí các điểm lấy nước mặt chữa cháy đảm bảo có chiều sâu mặt nước so với mặt đất không lớn quá 4m và chiều dày lớp nước lớn hơn 0,5m. Các hố ga thu này có thiết kế riêng và phải có sự phối hợp thống nhất với cơ quan phòng cháy chữa cháy của khu vực) (Chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong giai đoạn tiếp theo).

d) Bảo vệ nguồn nước

- Bảo vệ nguồn nước mặt khỏi các hoạt động dân sinh và đặc biệt từ chất thải, nước thải từ các khu chăn nuôi tập trung, các khu công nghiệp và hóa chất từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Bảo vệ và duy trì số lượng nguồn nước mặt không bị suy thoái cạn kiệt: Duy trì dòng chảy môi trường trên các sông có sự tham gia điều tiết của hồ chứa). Nâng cao năng lực trữ nước và cấp nước của các hồ chứa, đặc biệt là các kho nước.

- Bảo vệ chất lượng nước của các nguồn nước mặt: Xử lý lượng nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đổ ra sông). Đồng thời duy trì về trữ lượng dòng chảy môi trường bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh trong sông.

- Hành lang bảo vệ nguồn nước: Không nhỏ hơn 10 m tính từ mép bờ đối với đoạn sông, suối, kênh, rạch chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung hoặc được quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư tập trung (xác định theo quy định của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 06/5/2015)

- Khu vực bảo vệ nhà máy nước: Trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực trạm. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh.

Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m từ mép ngoài của tuyến ống)

7.5 Về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

7.5.1 Dự báo nhu cầu phát sinh nước thải:

Bảng 7.5-1. Dự báo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

Bảng 7.5-2. Dự báo lượng nước thải công nghiệp phát sinh huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2030 của huyện Định Hóa là: **10.716 m³/ng.đêm**.
- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2045 của huyện Định Hóa là: **20.721 m³/ng.đêm**.
- Tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh đến năm 2030 của huyện Định Hóa là: **800 m³/ng.đêm**.

- Tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh đến năm 2045 của huyện Định Hóa là: 3.000 m³/ng.đêm.

7.5.2 Hệ thống thoát nước thải:

- **Khu vực đô thị**

- Hệ thống thu gom nước thải sẽ được áp dụng phụ thuộc vào điều kiện riêng của các khu vực mục tiêu.
- Đối với khu vực đô thị dân cư hiện có, tận dụng hệ thống cống chung, xây dựng hệ thống nử riêng, thu gom nước thải sẽ là cống chung kết hợp cống bao.
- Các khu vực đô thị phát triển mới, chưa có hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, xử lý nước thải theo cụm đô thị.
- Các khu vực đã lập dự án, hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thực hiện theo dự án riêng.
- Toàn bộ nước thải được tập trung và đưa về các trạm xử lý.

- **Khu vực nông thôn:**

- Đối với khu vực nông thôn, áp dụng giải pháp xử lý phi tập trung hoặc nâng cao hiệu quả xử lý của công trình xử lý tại chỗ.
- Các điểm dân cư nông thôn có lượng nước nhỏ và phân tán: Không được xả nước thải ra các ao hồ trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.
- Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung: Sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải và thu khí gas phục vụ sinh hoạt.
- Các khu vực dự án: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thực hiện theo dự án riêng.

- **Cụm công nghiệp:**

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, xử lý nước thải ngay tại các khu công nghiệp. Xử lý nước thải đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

(Ghi chú: Lượng thải phát sinh, yêu cầu XLNT công nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào loại hình công nghiệp và công nghệ sản xuất, để thuận lợi cho quản lý, hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực công nghiệp sẽ triển khai theo dự án riêng khi đã xác định làm rõ được các yếu tố nêu trên.)

- **Khu du lịch:**

- Khu du lịch có yêu cầu vệ sinh môi trường cao, mật độ xây dựng thấp, phân tán. Do đó, ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến như bể tự hoại cải tiến (BASTAF-F), bể lọc kỵ khí với lớp vật liệu nổi, bể lọc ngược qua tầng bùn kỵ khí (UASB) hoặc các loại công trình xử lý sinh học kiểu hợp khối theo công nghệ hiện đại (JRY) có hiệu suất sử dụng cao, tốn ít diện tích. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường....

• **Bệnh viện và các cơ sở y tế:**

- Nước thải tại các bệnh viện và các cơ sở y tế phải được xử lý riêng, đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

7.5.3 Hệ thống nhà máy xử lý nước thải

- Quy hoạch mới các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu vực thị trấn Chợ Chu, Đô thị mới Bình Yên, Đô thị mới Phú Đình.
- Các khu, cụm công nghiệp sẽ được bố trí nhà máy xử lý riêng theo từng dự án.

Bảng 7.5-3: Công trình nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Tên nhà máy	Phân vùng	Công suất TXL tập trung (m ³ /ng.đ)		Diện tích chiếm đất TXL (ha)	
			2030	2045	2025	2030
1	Chợ Chu 1	Khu vực phía Bắc và trung tâm	1.000	4.000	0,28	1
2	Chợ Chu 2	Khu vực phía Nam	1.000	2.500	0,27	0,4
3	Bình Yên	Đô thị Bình Yên	1.500	1.500	0,1	0,2
4	Phú Đình	Đô thị Phú Đình		1.000		0,2

Lưu ý: diện tích đất xây dựng nhà máy XLNT, trạm XLNT không bao gồm diện tích hồ chứa, ổn định nước thải sau xử lý, sân phơi bùn, diện tích dự phòng mở rộng (nếu có) và diện tích tổ chức khoảng cách ATMT của bản thân nhà máy XLNT, trạm XLNT. Diện tích chính xác sẽ được xác định ở các giai đoạn sau.

7.6 Về quản lý chất thải

7.6.1 Chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn

a) Chỉ tiêu

Bảng 7.6-1: Bảng chỉ tiêu chất thải rắn

TT	Đối tượng thải	2030			2045		
		Tiêu chuẩn thải		Tỷ lệ thu gom	Tiêu chuẩn thải		Tỷ lệ thu gom
1	Đô thị						
	Loại IV	0,9	kg/người.ngày	100%	0,9	kg/người.ngày	100%
	Loại V	0,8	kg/người.ngày	100%	0,8	kg/người.ngày	100%
2	Nông thôn	0,4	kg/người.ngày	80%	0,4	kg/người.ngày	90%
3	Công cộng	10	%CTRsh		10	%CTRsh	
4	Xây dựng	25	%CTRsh		30	%CTRsh	
5	Khu, cụm CN	0,4	Tấn/Ha	100%	0,4	Tấn/Ha	100%

b) Dự báo tổng khối lượng chất thải rắn toàn huyện Định Hóa

- * **CTR sinh hoạt:** Khối lượng CTR phát sinh và thu gom được tính theo công thức:

$$CTR_{SH} = \frac{N \times m_{SH} \times K_1 \times K_2}{1000} \text{ (Tấn/ngày)}$$

Trong đó:

N: Dân số tính toán theo các giai đoạn (người)

m: Tiêu chuẩn thải CTR (kg/người.ngày)

K₁: Hệ số tính đến lượng CTR công cộng và vãng lai

K₂: Tỷ lệ thu gom (%)

Bảng 7.6-2: Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)

- Tổng lượng CTR sinh hoạt toàn vùng huyện Định Hóa dự báo đến năm 2030 là **117,5 tấn/ngày**; đến năm 2045 là: **153 tấn/ngày**.

- * **CTR công nghiệp:** Khối lượng CTR phát sinh và thu gom được tính theo công thức

$$CTR_{CN} = S \times m_{CN} \times K_{CN} \text{ (Tấn/ngày)}$$

Trong đó:

S: Diện tích đất công nghiệp (Ha)

m: Tiêu chuẩn thải CTR công nghiệp (Tấn/Ha.ngày)

K_{CN}: Tỷ lệ thu gom (%)

Bảng 7.6-3: Dự báo khối lượng chất thải rắn công nghiệp huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục)

- Tổng lượng CTR công nghiệp toàn vùng huyện Định Hóa dự báo đến năm 2030 là: **15 tấn/ngày**; đến năm 2045 là **60 tấn/ngày**.

7.6.2 Giải pháp quản lý chất thải rắn

a) Sơ đồ quy trình quản lý CTR thải rắn:

CTR phát sinh → thu gom → vận chuyển → (xử lý trung gian → vận chuyển) → xử lý cuối.

Trong đó:

- Xử lý trung gian: Đốt, chế biến phân vi sinh, tái chế;
- Xử lý cuối: Chôn lấp hợp vệ sinh, bê tông hóa làm vật liệu xây dựng.

b) Phân loại:

Để giảm bớt khối lượng CTR phải chôn lấp, kéo dài tuổi thọ của khu xử lý, tăng cường tỷ lệ tái chế và sản xuất phân hữu cơ, CTR sinh hoạt cần được phân loại tại nguồn thành ba loại chính như sau:

Bảng 7.6-3: Bảng phân loại chất thải rắn tại nguồn

Chất thải hữu cơ	Chất thải có thể tái chế	Chất thải khác
Rác thải có thành phần hữu cơ cao: Các loại rau, củ quả, trái cây, thức ăn thừa...	Rác thải có khả năng tái chế: Giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh....	Chất thải không còn khả năng tái chế, tái sử dụng bao gồm cao su, xỉ than, đất đá, sành sứ vỡ.
Chất thải loại này sẽ được chuyển tới nhà máy chế biến phân hữu cơ.	Sau khi qua phân tách tại điểm trung chuyển, chất thải tái chế sẽ được tiếp tục chuyển tới các cơ sở tái chế.	Những thành phần này sẽ được chôn lấp hoặc đốt.

c) Trung chuyển chất thải rắn:

- Đề xuất mỗi xã bố trí tối thiểu một điểm trung chuyển (hoặc điểm tập kết) chất thải rắn; đảm bảo vị trí thuận tiện giao thông và hoạt động chuyên chở không gây ảnh hưởng tới chất lượng môi trường và mỹ quan đô thị. Khoảng cách an toàn môi trường nhỏ nhất giữa hàng rào của trạm trung chuyển đến chân xây dựng công trình khác đảm bảo tối thiểu 20m. Quy mô các điểm trung chuyển/ tập kết CTR dự kiến như sau:

Bảng 7.6-4: Quy mô dự kiến các trạm trung chuyển (hoặc điểm tập kết) chất thải rắn huyện Định Hóa

TT	Tên đơn vị hành chính	Quy mô trạm trung chuyển/ tập kết CTR (m2)	TT	Tên đơn vị hành chính	Quy mô trạm trung chuyển/ tập kết CTR (m2)
1	Linh Thông	500	11	Định Biên	500
2	Lam Vỹ	500	12	Thanh Định	500
3	Quy Kỳ	500	13	Trung Hội	500
4	Tân Thịnh	500	14	Trung Lương	500
5	Kim Phụng	500	15	Phú Tiến	400 (2 điểm)
6	Bảo Linh	300	16	Điểm Mặc	500
7	Phúc Chu	500	17	Bộc Nhiêu	500
8	Tân Dương	500	18	Sơn Phú	500
9	Phượng Tiến	500	19	Bình Thành	500
10	Đồng Thịnh	500			

d) Xử lý chất thải rắn:

- **Đến 2025**, giảm tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp xuống $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh.
- Nâng cấp khu xử lý chất thải rắn Chợ Chu, chuyên xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải rắn y tế bằng các công nghệ: tái chế, đốt và chôn lấp. Diện tích 4,02ha, công suất xử lý 50 tấn/ngày.
- **Đến năm 2030** xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn, cụ thể:
 - Xây dựng mới khu xử lý CTR sinh hoạt Bình Yên, diện tích 1,5ha, công suất xử lý 20 tấn/ngày.
 - Xây dựng mới khu xử lý CTR sinh hoạt Phú Đình, diện tích 0,65ha, công suất xử lý 20 tấn/ngày.
 - Xây dựng mới khu xử lý CTR xã Trung Lương, diện tích 5ha, công suất dự kiến năm 2030 là 40 tấn/ngày.
 - Nâng cấp khu xử lý CTR sinh hoạt Tân Thịnh, diện tích 0,26ha, công suất dự kiến là 5 tấn/ngày
 - Định hướng khu tái chế, xử lý rác thải vật liệu xây dựng và bùn thải tại xã Trung Hội, diện tích 4ha, công suất 50 tấn/ngày.
- **Đến năm 2045**, dự kiến nâng công suất khu xử lý CTR xã Trung Lương lên 70 tấn/ngày, nâng cấp công suất khu xử lý CTR sinh hoạt Tân Thịnh lên 10 tấn/ngày.

Bảng 7.6-5: Danh mục các khu xử lý chất thải huyện Định Hóa

T T	Tên khu xử lý, địa điểm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất xử lý (tấn/ngày)		Ghi chú
				Năm 2030	Năm 2045	
1	Khu xử lý CTRSH TT Chợ Chu	Thị trấn Chợ Chu	4,02	50	50	Đốt CTRSH
2	Khu xử lý CTRSH Bình Yên	ĐTM Bình Yên	1,50	20	20	Đốt CTRSH
3	Khu xử lý CTRSH Phú Đình	ĐTM Phú Đình	0,65	10	10	Đốt CTRSH
4	Khu xử lý chất thải rắn xã Trung Lương	Xã Trung Lương	5,00	40	70	Công suất dự kiến
5	Khu xử lý CTRSH Tân Thịnh	Xã Tân Thịnh	0,26	5	10	Công suất dự kiến
6	Khu tái chế, xử lý rác thải VLXD, bùn thải	Xã Trung Hội	4,00	50	50	

Ghi chú: Công suất của khu xử lý chỉ là dự kiến, công suất cụ thể sẽ được xác định dựa theo công nghệ xử lý, dây chuyền xử lý, ... ở giai đoạn lập dự án.

7.7 Về nghĩa trang

7.7.1 Dự báo nhu cầu đất nghĩa trang

Bảng 7.7-1: Dự báo nhu cầu nghĩa trang huyện Định Hóa (Chi tiết xem Phụ lục 3:)
 Theo tính toán, đến năm 2030, nhu cầu nghĩa trang mới của huyện Định Hóa là khoảng 4,2 ha. Đến năm 2045 nhu cầu nghĩa trang của huyện là 5,5 ha.

- Định hướng nghĩa trang tập trung:

Căn cứ theo định hướng nghĩa trang của quy hoạch tỉnh, và các đề xuất của huyện Định Hóa; dự kiến quy hoạch các nghĩa trang như sau:

- Đến năm 2025, hoàn thành mở rộng nghĩa trang Nghĩa trang nhân dân huyện Định Hoá (T.T Chợ Chu) với diện tích 4,5ha, đạt cấp IV.
- Đến năm 2030, không mở rộng quy mô nghĩa trang, tập trung cải tạo, nâng cấp nghĩa trang tại các xã trên địa bàn huyện, quy mô tuân thủ theo quy hoạch sử dụng đất được duyệt.
- Đến năm 2045, mở rộng quy hoạch Nghĩa trang nhân dân huyện Định Hoá (T.T Chợ Chu) đảm bảo cấp III (diện tích quy hoạch 10ha); quy hoạch mới nghĩa trang Cầu Đò đạt cấp IV (diện tích 5,2ha) và nghĩa trang phía Nam đảm bảo cấp III (diện tích 11,95ha).

- Định hướng chuyển đổi các nghĩa trang không có khả năng mở rộng thành các công viên nghĩa trang, khuyến khích người dân chuyển đổi hình thức từ Hung táng sang Cát táng.

Bảng 7.7-2: Danh mục các nghĩa trang huyện Định Hóa đến năm 2045

TT	Tên nghĩa trang	Cấp nghĩa trang	Cấp quản lý	Diện tích quy hoạch 2030 (ha)	Diện tích quy hoạch 2045 (ha)	Hình thức táng
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Định Hoá	III	Huyện	4,5	10,0	Hung, Cát, Hỏa
2	Nghĩa trang Cầu Đò	IV	Huyện		5,2	Hung, Cát, Hỏa
3	Nghĩa trang phía Nam	III	Huyện		11,95	Hung, Cát, Hỏa

7.7.2 Giải pháp về nhà tang lễ

- Theo định hướng về nhà tang lễ của quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, các nghĩa trang cấp huyện trở lên có diện tích ≥ 10 ha đều phải quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng.
- Theo dự báo dân số huyện Định Hóa: Dân số không quy đổi đến 2030 là 104.657 người, đến năm 2045 là 137.557 người. Theo chỉ tiêu về nhà tang lễ của QCVN 01:2021/BXD, huyện Định Hóa cần 01 nhà tang lễ đến 2045.
- Diện tích dự kiến của nhà tang lễ huyện Định Hóa khoảng 1ha. Vị trí và quy mô chính xác sẽ được xác định ở các quy hoạch cấp dưới.

7.8 Về hạ tầng viễn thông thụ động

7.8.1 Định hướng chung

- Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn huyện Định Hóa có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, tốc độ cao, cung cấp đa dịch vụ, chất lượng tốt, giá cước hợp lý, đáp ứng mọi nhu cầu của người sử dụng)

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là nền tảng phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để thúc đẩy việc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn huyện Định Hóa.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động là cơ sở để việc phát triển lắp đặt thiết bị viễn thông, mở rộng và nâng cấp mạng lưới được nhanh chóng và thuận lợi.

7.8.2 Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

a) Truyền dẫn:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực trên các tuyến đường quốc lộ chính.
- Thực hiện ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông đến từng thuê bao khu vực trung tâm huyện và các khu vực Đô thị mới.
- Đảm bảo các đường trung kế giữa các tổng đài là cáp quang tạo thành mạch vòng (ring) để đáp ứng được nhu cầu thông tin 1 cách cao nhất, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng, Video phone....

b) Mạng ngoại vi

- Phát triển mạng ngoại vi của huyện Định Hóa phải đồng bộ với quy tỉnh Thái Nguyên.
- Thực hiện ngầm hoá 25 - 30% hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn toàn huyện, đối với các dự án mới (tuyến đường mới, khu Đô thị mới, khu công nghiệp ...) ngầm hóa 100% hạ tầng mạng cáp ngoại vi. Trong quá trình quy hoạch, xây dựng mới các khu công nghiệp, khu Đô thị mới cần có sự phối hợp giữa các ban ngành liên quan để đồng bộ hoá các hạng mục cơ sở hạ tầng khác để tiết kiệm chi phí thi công)
- Các hào cáp cần được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng theo quy chuẩn.
- Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp có dầu chống ẩm đi trong hào cáp (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm.
- Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiên ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc quản lý và lắp đặt sau này.

c) Mạng thông tin di động

- Giai đoạn 2025 - 2030 mạng thông tin di động cần tiếp tục phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, đảm bảo đáp ứng đủ lưu lượng mạng và chuyển đổi công nghệ theo định hướng 4G tiến tới hệ thống thông tin di động thế hệ 5G, hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên mạng di động)
- Tập trung nâng cao năng lực, dung lượng các trạm phát sóng hiện tại; tiếp tục phủ sóng di động đến các tại các khu vực đông dân cư, trung tâm thị trấn, trung tâm xã, các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế để nhằm mục đích nâng cao sự phát triển mật độ thuê bao.
- Tiếp tục đầu tư thêm nhà trạm và cột ăng ten phát sóng (trạm BTS) nhằm đáp ứng với nhu cầu sử dụng ngày càng phát triển trên địa bàn huyện.

d) Bưu chính:

- Trong những năm tới đây xu hướng chung của tỉnh Thái Nguyên nói chung và huyện Định Hóa nói riêng là mở rộng phạm vi phục vụ bằng việc mở rộng các điểm đại lý bưu điện, các điểm bưu điện văn hóa xã. Hạn chế bổ sung các bưu cục.
- Giảm chỉ tiêu số dân /điểm phục vụ bưu điện xuống dưới 2.500 người/ điểm phục vụ và bán kính phục vụ xuống dưới 2,0km/điểm phục vụ đến năm 2030.

- Thí điểm đưa vào dịch vụ tự động hóa mạng Bưu chính: Bưu cục tự động hoạt động 24/24, các thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ tín dụng hoặc tiền mặt, mục đích chính phục vụ cho du lịch. Giai đoạn đầu đặt thí điểm tại bưu cục trung tâm huyện, bưu cục tại Khu Đô thị mới, sau đó nếu thành công sẽ nhân rộng ra các bưu cục khác tại trung tâm các thị trấn, các trung tâm xã...

Ghi chú: "Tại thời điểm lập quy hoạch chưa có các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định cụ thể về chỉ tiêu tính toán nhu cầu thông tin liên lạc, do đó các tính toán về nhu cầu thông tin liên lạc chỉ là dự kiến, chi tiết sẽ cụ thể sẽ được nghiên cứu ở giai đoạn sau."

PHẦN 8: XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Xem chi tiết tại: Phụ lục 5: Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư)

PHẦN 9: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

9.1 Bảo vệ môi trường nước

a. Đối với môi trường nước mặt:

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nước sông, suối phòng chống ô nhiễm.
- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải vào sông, suối. Các nguồn nước thải từ các hoạt động như sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải được xử lý bằng các biện pháp phù hợp và đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.
- Gắn kết quản lý tài nguyên nước với quản lý các tài nguyên thiên nhiên khác như: đất, rừng, khoáng sản, năng lượng... trong các quy hoạch phát triển theo hướng bền vững.
- Tổ chức phân cấp kiểm tra, giám sát định kỳ chất lượng nước thải theo các quy định hiện hành chung của Nhà nước. Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất vi phạm tiêu chuẩn về nước thải và xả nước thải ô nhiễm chưa qua xử lý ra môi trường.

b. Đối với nguồn nước ngầm:

- Thực hiện khảo sát đánh giá chi tiết về trữ lượng, chất lượng cũng như động thái của nước dưới đất, làm cơ sở cho các kế hoạch khai thác sử dụng nước ngầm.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động thăm dò, khai thác; hành nghề khoan giếng. Quản lý chặt chẽ việc khoan thăm dò địa chất và các công trình ngầm.
- Quản lý chặt chẽ việc chôn lấp rác, kiểm soát và xử lý triệt để nước thải phát sinh từ các bãi rác.

c. Quản lý nguồn nước thải:

- Thực hiện điều tra, khảo sát và đánh giá các nguồn nước thải trên địa bàn tỉnh để đề xuất các giải pháp quản lý.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh. Quản lý chặt chẽ và xây dựng phân vùng xả thải cho các sông suối.

9.2 Giải pháp quản lý chất lượng không khí

- Xây dựng quy trình quản lý và kiểm soát khí thải tại các cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.
 - o Di dời các cơ sở sản xuất đơn lẻ phân tán vào khu/cụm công nghiệp. Đồng thời đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các làng nghề, khu cụm công nghiệp để phục vụ công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp
 - o Khuyến khích các cơ sở sản xuất quản lý tốt, cải tiến thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường nhằm hạn chế tối thiểu lượng chất thải phát sinh, kiểm soát ô nhiễm ngay tại nguồn.
 - o Phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp với các ngành, các cấp của địa phương định kỳ tổ chức các cuộc kiểm tra, thanh tra sự tuân thủ quy định về an toàn và vệ sinh môi trường đối với các cơ sở sản xuất. Tiến hành xử lý nghiêm các cơ sở cố ý làm trái quy định pháp luật.
- Trồng hành lang cây xanh trên các trục đường giao thông, quanh KCN/CCN để tăng cường cảnh quan, lọc bụi và giảm tiếng ồn.
- Khuyến khích phát triển các loại phương tiện sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng nhiên liệu tái tạo cho các phương tiện vận tải và các thiết bị sử dụng năng lượng.

9.3 8.3. Giải pháp quản lý môi trường đất

a. Quản lý việc sử dụng đất:

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định pháp luật về quản lý sử dụng đất đai đến toàn thể nhân dân.
- Lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, rà soát điều chỉnh phương án phù hợp với tình hình thực tế và các kế hoạch phát triển KT-XH ở cấp huyện, xã.

- Công bố rộng rãi các quy hoạch sử dụng đất đến người dân để thực hiện và giám sát thực hiện việc sử dụng đất.
- Đẩy nhanh việc phủ xanh đất trống, đồi trọc, nhanh chóng đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sản xuất và sử dụng để gia tăng quỹ đất.
- Tăng hệ số sử dụng đất, sử dụng tiết kiệm đất.
- Quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng, tránh mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất đảm bảo an ninh lương thực và tạo ra giá trị sử dụng đất cao nhất.

b. Quản lý môi trường đất:

Thông qua việc giám sát sự thay đổi của đất, bao gồm:

- Mức độ biến động độ pH trong đất
- Sự thay đổi các thành phần cơ bản của đất (thành phần, kích thước hạt)
- Sự thay đổi chất lượng đất (độ kết vón, mức độ rửa trôi, bạc màu, nhiễm mặn, phèn hóa...)
- Độ mùn, độ xốp, hàm lượng các vi sinh trong đất
- Sự biến động các cation, tồn lưu các độc chất trong môi trường đất (kim loại nặng, hóa chất bảo vệ thực vật, ...).

9.4 8.4. Giải pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học

- Quản lý và bảo tồn hiệu quả các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái; Ngăn chặn các hoạt động săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, khai thác lâm sản bị cấm. Ngăn chặn nạn phá rừng và cháy rừng.
- Triển khai phương án bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các văn bản pháp luật từ trung ương đến địa phương nhằm đảm bảo các văn bản, chính sách về ĐDSH được phổ biến tới các cấp chính quyền và toàn thể cộng đồng dân cư nhằm nâng cao nhận thức.
- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; tăng cường công tác theo dõi, dự báo cháy rừng; Nghiên cứu nâng cao tích lũy các bon ở các loại rừng tự nhiên.
- Đẩy mạnh việc thực thi pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo tồn ĐDSH ở địa phương.

9.5 8.5 . Các giải pháp đối với môi trường xã hội và nhân văn

- Tăng cường năng lực cho bộ phận quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm của ngành y tế. Tăng cường kiểm tra liên ngành.
- Mở chuyên mục thường kỳ về vệ sinh an toàn thực phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi với các cơ sở sản xuất và buôn bán nông sản sạch.
- Tuyên truyền quảng bá và khuyến khích mọi người sử dụng thực phẩm sạch.
- 8.6. Các giải pháp giảm nhẹ, thích ứng với biến đổi khí hậu

a. Các giải pháp giảm nhẹ:

- Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng trong điều kiện BDKH.
- Sử dụng hiệu quả và hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, phát triển và khai thác tối đa các nguồn năng lượng hiện có.
- Phát triển các dạng năng lượng mới/tái tạo: năng lượng mặt trời, năng lượng gió...
- Xác định các tiêu chuẩn khí thải, đánh giá lợi ích, chi phí môi trường các dự án năng lượng.
- Xây dựng chương trình sử dụng có hiệu quả diện tích đất, tạo công ăn việc làm cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư.
- Xây dựng các chính sách khuyến khích sử dụng các loại vật liệu thay thế.
- Xây dựng chương trình thực hiện các biện pháp quản lý tưới, tiêu diện tích sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp, xác định thời vụ hợp lý.
- Phát triển chăn nuôi gắn chặt với phát triển công nghiệp chế biến, đồng thời có chính sách xử lý chất thải chăn nuôi phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.
- Quy hoạch sử dụng tài nguyên đất theo hướng phát triển bền vững gắn liền với phát triển đa dạng hóa cây trồng vật nuôi.
- Xây dựng cơ chế chính sách và quy hoạch diện tích nuôi trồng thủy hải sản theo hướng phát triển bền vững.
- Cần đầu tư xây dựng, quy hoạch ngành công nghiệp theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, ưu tiên phát triển ở những nơi có ít dân cư sinh sống, những nơi ít nhạy cảm,...
- Xây dựng kế hoạch áp dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý rác hữu cơ làm phân bón, giảm tình trạng chôn ử gây ô nhiễm môi trường và hạn chế phát thải khí mê-tan.

- Thực hiện các biện pháp thu hồi triệt để nguồn chất thải, rác thải trong quá trình sản xuất và sinh hoạt làm nhiên liệu.
- Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích và giáo dục cộng đồng hiểu được tác hại của việc ô nhiễm môi trường do các hoạt động xả các chất thải, rác thải ra môi trường tác động đến BDKH.
- Cần xây dựng nhiều các chương trình/dự án theo cơ chế phát triển sạch nhằm hạn chế những tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là tình trạng khí thải nhà kính.
- Các dự án/chương trình khi thực hiện cần phải đảm bảo thích ứng được với BDKH.

b. Các giải pháp thích ứng:

- Nâng hiệu suất đảm bảo an toàn phòng lũ đối với hệ thống đê sông Công để ứng phó với tình hình lũ lụt bất thường do mưa lớn cực đoan;
- Quy hoạch tổng thể nguồn nước, xây dựng bổ sung các công trình hồ đập trữ nước để điều tiết nguồn nước đáp ứng nhu cầu dùng nước trong mùa khô;
- Trong quy hoạch phát triển các đô thị dành quỹ đất tương xứng để xây dựng ao, hồ phục vụ điều tiết nước mưa giảm tình trạng úng ngập trong đô thị khi có mưa lớn;
- Thường xuyên nạo vét hệ thống thoát nước đô thị, bảo trì, bảo dưỡng các trạm bơm tiêu để sẵn sàng ứng phó với những tình huống mưa lớn đột xuất;
- Nâng cao nhận thức và vai trò làm chủ của mỗi công dân vào việc xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng nước tiết kiệm, ngăn ngừa suy thoái môi trường nước.

9.6 8.7. Các giải pháp khác

a. Giải pháp xã hội hóa nguồn vốn đầu tư vào hoạt động bảo vệ môi trường:

- Nâng cao vai trò và tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Đội ngũ trí thức, các nhà khoa học, các doanh nhân và doanh nghiệp.
- Huy động và sử dụng tiết kiệm các nguồn lực cho phát triển đặc biệt là nguồn vốn của nhân dân để bảo vệ môi trường.
- Huy động các doanh nghiệp đầu tư nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, di tích lịch sử văn hoá, hệ sinh thái và đa dạng sinh học; chi trả các khoản phí nước thải, khí thải, phí thu gom và xử lý chất thải rắn và các loại phí, lệ phí liên quan khác; đóng góp, tài trợ vốn cho các quỹ bảo vệ môi trường các cấp.

- Khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào ngành công nghiệp bảo vệ môi trường. Tích cực kêu gọi vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các dự án bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội vùng nông thôn, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.
- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính nhằm thu hút các nhà đầu tư.

b. Giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng công nghệ sản xuất thân thiện môi trường:

- Bảo vệ môi trường ngày nay đã trở thành nhận thức chung, là yêu cầu mang tính thời đại. Để nâng cao hơn nữa nhận thức về bảo vệ môi trường, các Nghị quyết của cấp ủy đảng huyện Định Hóa cần thể hiện rõ tinh thần của bảo vệ môi trường trong các nội dung có liên quan. Trên cơ sở đó, chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thực hiện các mục tiêu đề ra.
- Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng đóng vai trò quan trọng, không chỉ giúp cho cộng đồng nhận thấy được lợi ích lâu dài và nhiều mặt của công tác bảo vệ môi trường, mà còn phải giúp cho cộng đồng gắn bó cuộc sống và thu nhập của mình với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Do đó, để công tác bảo vệ môi trường thực hiện có hiệu quả cao, cần tiến hành các giải pháp tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng
- UBND huyện, thị xã, các phòng ban và các cơ quan liên quan: căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, xây dựng và thực hiện các chương trình giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường có nội dung và hình thức thích hợp cho từng nhóm đối tượng trong xã hội.

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường.

PHẦN 10: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SAU KHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát triển, UBND huyện giao cho các ban, ngành có liên quan trong huyện khẩn trương triển khai thực hiện.

Thông báo và tuyên truyền rộng rãi cho nhân dân được biết và vận động nhân dân tham gia thực hiện quy hoạch.

Quảng bá, thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động tham gia thực hiện quy hoạch.

Xây dựng các chương trình, kế hoạch 5 năm, hàng năm và các chương trình, dự án cụ thể để triển khai, thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

Việc triển khai quy hoạch trên địa bàn từng xã, thị trấn cần thực hiện triển khai đồng bộ và thực hiện theo đúng quy định, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm giám sát, nâng cao chất lượng quy hoạch.

Tiếp tục hoàn thiện, đổi mới cơ chế, chính sách và cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển.

Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, trình và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khi thấy cần thiết.

PHẦN 11: KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

11.1 Kết luận

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa đến năm 2045 đã cụ thể hóa các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn trong huyện; kết nối hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện theo các giai đoạn đến năm 2030, giai đoạn 2031-2045.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa đến năm 2045 đã nghiên cứu khớp nối các chủ trương, chính sách của Quốc gia và của tỉnh, đề xuất mạng lưới đô thị nông thôn phù hợp với tiềm năng lợi thế đã có của huyện.

11.2 Kiến nghị

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa đến năm 2045 có tầm quan trọng cho việc xây dựng các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, lập kế hoạch khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện. Để triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa đạt được các mục tiêu đề ra, kiến nghị UBND huyện Định Hóa và UBND Tỉnh Thái Nguyên một số nội dung sau đây:

- Sau khi Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa được phê duyệt, cần rà soát điều chỉnh và lập mới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch các khu cụm công nghiệp, các khu du lịch theo định hướng quy hoạch vùng.

- Tạo lập hệ thống hạ tầng, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng vùng như định hướng chiến lược phát triển các ngành theo hướng phân bổ, quản lý phát triển cân bằng trên toàn vùng, cấp nước, cấp điện, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang ... không nên mang tính chất hành chính mà cần mang tính chất vùng. Xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp vùng, tập chung nguồn lực, cơ chế thuận lợi cho một số công trình quan trọng mang tính cấp liên vùng

- Nghiên cứu thiết lập các cơ chế chính sách riêng cho từng vùng, quản lý bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển bền vững. Xây dựng cơ chế chính sách thuận lợi cho các

dự án đầu tư mang tính đột phá trong vùng như công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch...

- Đề nghị Tỉnh và Trung ương đẩy nhanh tiến độ cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông cao tốc, đường quốc lộ để tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Định Hóa nói riêng với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Hỗ trợ vốn để nâng cấp mặt đường các tuyến đường nội thị.

- Đề nghị Tỉnh tiếp tục quan tâm xây dựng huyện Định Hóa sớm trở thành đô thị loại IV vào năm 2025. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng của huyện: xây dựng các tuyến trục chính, đường bao trong phạm vi huyện, hệ thống thoát nước... Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động không còn đất sản xuất do chuyển đổi sang đất đô thị.

- Đề nghị Tỉnh có chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng các trang trại trong nông nghiệp, hỗ trợ kinh tế tại xã vùng còn khó khăn trên địa bàn huyện...

- Đề nghị Tỉnh cho huyện áp dụng một số cơ chế, chính sách để tạo nguồn vốn phát triển kết cấu hạ tầng đô thị như cơ chế “thu hút nội lực từ quỹ đất”...

- Đề nghị Tỉnh có cơ chế, chính sách ưu tiên đối với Huyện để thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao.

- Kiến nghị những nội dung của đồ án sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, cần coi đây là một cơ sở pháp lý để quản lý và tiến hành các quy hoạch khác một cách thống nhất, giảm các chồng chéo và xung đột trong quá trình phát triển toàn huyện./.

Error! Use the Home tab to apply Đầu đề 1 to the text that you want to appear here. THUYỀNH MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo - lấy ý kiến lần 3)
 Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU HIỆN TRẠNG DÂN SỐ HUYỆN ĐỊNH HÓA TÍNH ĐẾN 01/01/2023

TT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	ĐVHC là miền núi, vùng cao	Số liệu dân số tại thời điểm 30/6/2022 do Tke cung cấp	Số liệu dân số do công an cung cấp (01/01/2023)	Hiện trạng (do sở cung cấp)			chênh lệch giữa DS TT do Công an cung cấp	
					Dân số (người)	Trong đó			Dân tộc thiểu số (người)
						Dân số thường trú (Người)	Dân số tạm trú (Người)		
1	2	3			5			6	10
IV	H. ĐỊNH HÓA	Miền núi	91.589	106.808	107.510	106.712	798	77.602	96
1	TT. Chợ Chu	Miền núi	6.760	6.891	7.192	6.877	315	3.262	14
2	X. Tân Dương	Miền núi	3.098	3.709	3.723	3.709	14	3.135	0
3	X. Linh Thông	Vùng cao	2.652	3.287	3.306	3.293	13	2.558	-6
4	X. Thanh Định	Miền núi	3.631	4.587	4.611	4.586	25	3.546	1
5	X. Định Biên	Miền núi	2.732	3.077	3.090	3.078	12	2.627	-1
6	X. Trung Lương	Miền núi	3.854	4.514	4.527	4.517	10	2.794	-3
7	X. Trung Hội	Miền núi	4.813	5.538	5.586	5.519	67	3.174	19
8	X. Phụng Tiến	Miền núi	3.549	4.424	4.420	4.418	2	3.486	6
9	X. Diềm Mặc	Miền núi	4.186	5.092	5.110	5.091	19	3.836	1
10	X. Bảo Cường	Miền núi	4.141	4.792	4.841	4.789	52	3.695	3
11	X. Phúc Chu	Miền núi	2.668	2.729	2.741	2.731	10	2.339	-2
12	X. Bảo Linh	Vùng cao	2.087	2.622	2.633	2.619	14	2.073	3

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	ĐVHC là miền núi, vùng cao	Số liệu dân số tại thời điểm 30/6/2022 do Tke cung cấp	Số liệu dân số do công an cung cấp (01/01/2023)	Hiện trạng (do sở cung cấp)			chênh lệch giữa DS TT do Công an cung cấp	
					Dân số (người)	Trong đó			Dân tộc thiểu số (người)
						Dân số thường trú (Người)	Dân số tạm trú (Người)		
13	X. Bộc Nhiêu	Miền núi	3.919	4.602	4.604	4.581	23	2.804	21
14	X. Phú Tiến	Miền núi	3.225	3.514	3.547	3.517	30	2.704	-3
15	X. Kim Phượng	Miền núi	4.971	5.996	6.033	5.997	36	4.192	-1
16	X. Bình Yên	Miền núi	3.480	3.759	3.811	3.754	57	2.987	5
17	X. Quy Kỳ	Vùng cao	4.234	4.993	5.002	4.975	27	3.849	18
18	X. Bình Thành	Miền núi	4.521	5.710	5.722	5.702	20	3.146	8
19	X. Phú Đình	Miền núi	5.847	6.485	6.495	6.484	11	4.601	1
20	X. Tân Thịnh	Miền núi	4.113	5.080	5.086	5.076	10	4.507	4
21	X. Đồng Thịnh	Miền núi	4.309	4.974	4.989	4.975	14	4.407	-1
22	X. Lam Vỹ	Miền núi	3.763	4.691	4.694	4.688	6	4.128	3
23	X. Sơn Phú	Miền núi	5.036	5.742	5.747	5.736	11	3.752	6

*Ghi chú:

- Số liệu dân số hiện trạng đến 01/01/2023 chỉ dùng để tham khảo, bổ trợ;
- Sự chênh lệch số liệu dân số từ 3 nguồn: P. Thống kê – Công an huyện – Sở... có sự chênh cao. Có thể do cách tính toán riêng theo từng ngành. **Cần tiếp tục làm rõ trong giai đoạn nghiên cứu, hoàn thiện đồ án;**

PHỤ LỤC 2: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN KHU VỰC DÂN CƯ NÔNG THÔN

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
1	Linh Thông a. Tính chất Khu nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển các khu dân cư nông thôn bám theo phía Bắc đường huyện ĐH93. Tập trung vào vùng lõi trung tâm xã, giảm bớt đất nông nghiệp	2.792,60	2.613	2.735		3.345	
2	Lam Vỹ a. Tính chất Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng. Có vai trò là trung tâm cụm xã. b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển các khu dân cư nông thôn bám theo đường huyện ĐH93, ĐH95B	4.349,50	3.707	3.867		4.692	
3	Quy Kỳ a. Tính chất Khu vực thương mại – dịch vụ, du lịch và nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng. Có vai trò là trung tâm cụm xã. b. Phương hướng phát triển	5.594,20	4.172	4.435		5.263	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
	- Không gian phát triển các khu dân cư nông thôn bám theo đường huyện ĐH93, ĐH97. Định hướng mở rộng về các phía của trung tâm cụm xã						
4	Tân Thịnh a. Tính chất Khu vực phát triển nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ và khai thác du lịch sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển các khu dân cư nông thôn bám theo đường huyện ĐH93, ĐH92B. Mở rộng về từ trung tâm xã ra các hướng	5.994,30	4.053	4.312		5.117	
5	Kim Phụng a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, cụm công nghiệp b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển các khu dân cư nông thôn từ trung tâm xã tỏa ra các hướng, bám theo hai bên đường huyện ĐH96, ĐH97. Cụm công nghiệp bám theo mạn phải của đường QL3C	2.267,20	4.847	5.306		6.362	
6	Bảo Linh a. Tính chất	2.787,80	2.072	2.318		2.682	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
	Khu vực phát triển du lịch sinh thái. Thương mại dịch vụ và nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng. Có vai trò là trung tâm cụm xã. b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung tại trung tâm xã, phía Tây, Nam hồ Bảo Linh và men theo đường HCM.						
7	Phúc Chu a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển từ trung tâm xã chạy dọc theo 2 bên đường huyện ĐH95	1.290,00	2.629	2.837		3.367	
8	Tân Dương a. Tính chất Khu vực phát triển công nghiệp, nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển phía Nam đường HCM và hai bên đường huyện ĐH90C	2.201,50	3.051	3.389		4.155	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
10	Phượng Tiến a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển Không gian phát triển dọc theo các tuyến ĐH90B, ĐH90C và tập trung từ trung tâm xã tỏa ra hai phía Nam và phía Bắc đường 90B.	2.073,80	3.497	3.736		4.434	
11	Đồng Thịnh a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung hai bên đường huyện ĐH98, ĐH99	1.253,10	4.187	4.451		5.416	
12	Định Biên a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung dọc theo 2 đường huyện ĐH98 và ĐH99	761,20	2.691	2.901		3.577	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
13	Thanh Định a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung từ trung tâm xã, dọc theo đường huyện ĐH99	1.925,10	3.578	3.820		4.533	
14	Trung Hội a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung xung quanh nút giao giữa QL3C và ĐT264	1.268,60	4.702	4.984		6.050	
15	Trung Lương a. Tính chất Khu vực công nghiệp, nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung từ trung tâm xã, dọc theo đường tỉnh ĐT264	1.352,90	3.795	4.045		5.069	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
17	Phú Tiến a. Tính chất Khu vực nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung theo QL3C và đường tỉnh ĐT263D	1.460,60	3.177	3.405		4.040	
18	Điềm Mặc a. Tính chất Khu vực Du lịch và nông, lâm nghiệp gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng. Có vai trò là trung tâm cụm xã. b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung theo đường tỉnh ĐT264B	1.676,30	4.122	4.326		5.202	
19	Bộc Nhiêu a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung theo đường huyện ĐH94B, ĐH96A	2.690,70	3.862	4.057		4.882	
20	Sơn Phú a. Tính chất	1.484,50	4.960	5.308		6.367	

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

TT	Tên xã	Diện tích tự nhiên	Quy mô dân số năm 2020	Đến năm 2030 (Dự báo)		Đến năm 2045 (Dự báo)	
				Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng	Quy mô dân số	Chỉ tiêu đất xây dựng
	Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng. Có vai trò là trung tâm cụm xã. b. Phương hướng phát triển - Không gian phát triển tập trung theo đường tỉnh ĐT264 và đường huyện DH96A						
21	Bình Thành a. Tính chất Khu vực nông, lâm nghiệp, gắn với gìn giữ, bảo vệ sinh thái rừng b. Phương hướng phát triển Tập trung phát triển dọc theo đường 264 và đường DH94B, DH97B	2.844,60	4.452	4.725		5.742	

PHỤ LỤC 3: BẢNG THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC CÒN HOẠT ĐỘNG CỦA HUYỆN ĐỊNH HOÁ

TT	Tên công trình, địa điểm	Năm xây dựng	Công trình đầu tư thuộc Chương trình, dự án	Số hộ đầu nối theo thiết kế công trình	Tổng số hộ dân có nhu cầu sử dụng	Tổng số hộ dân đã đầu tư sử dụng
A	Công trình do huyện Quản lý	Tổng số 29 Công trình				
I	Xã Quy Kỳ					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Bàn Noóng xã Quy Kỳ	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	151		167
3	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Đăng Mò xã Quy Kỳ	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	68		85
5	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Đồng Hâu xã Quy Kỳ	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	57		20
7	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Bàn Pầu - Góc Hồng xã Quy Kỳ	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	148		84
8	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Khuân Cầm xã Quy Kỳ	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	81		
II	Tân Thịnh					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Thịnh Mỹ 1, 2, 3 xã Tân Thịnh	2005	Quyết định 134/QĐ-TTg	111		100
III	Kim Sơn					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Kim Tân 3+4 xã Kim Sơn	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	55		72
2	Mở mạng nước xóm Kim Tiến - xã Kim Sơn	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	97		
3	Trạm nước Kim Sơn (Giếng khoan)	2003	CTMT	322		341
4	Công trình: Cấp nước SHTT xóm 3 Kim Tân xã Kim Sơn	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	55		
5	Công trình cấp nước suối Pên xã Kim Sơn	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg			40
IV	Điềm Mặc					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Bàn Bắc 1, 2, 3, 4 xã Điềm Mặc	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	137		30
2	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Đồng Lá 2 + 3 xã Điềm Mặc	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	81		45
5	Công trình cấp nước sinh hoạt Bình Nguyên, xã Điềm Mặc	2000	Vốn tài trợ	178		4
V	Bảo Linh					
1	Công trình: Cấp nước SHTT (Trung tâm) xóm A Nhì 1, 2 xã Bảo Linh	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	140		
2	Công trình: Mở mạng nước SHTT xóm Bảo Biên 2 xã Bảo Linh	2012	Quyết định 1592/QĐ-TTg	68	100	
3	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Bảo Hoa xã Bảo Linh	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	72	100	
4	Công trình: Cấp nước Bàn Pù xã Bảo Linh	2012	Quyết định 134/QĐ-TTg	68	132	68
VI	TT Chợ Chu					
1	Mở mạng nước xóm Đồng Chùa Thị trấn Chợ Chu	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	61		80

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

2	Công trình nước Thị Trấn Chợ Chu (giếng khoan)	1995	NSNN	1311		2150
VII	Trung Hội					
2	Công trình cấp nước Đoàn Kết xã Trung Hội	2003	CTMT	379		180
VIII	Lam Vỹ					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Khau Viêng - Nà Làng xã Lam Vỹ	2007	Quyết định 134/QĐ-TTg	108		0
2	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Làng Cỏ - Làng Giản xã Lam Vỹ	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	100		35
3	Công trình nước Nà Đin xã Lam Vỹ		Quyết định 134/QĐ-TTg	150		78
IX	Bình Thành					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Làng Pháng - Làng Luông xã Bình Thành	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	149		159
2	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Thanh Bần xã Bình Thành	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	68		80
3	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Bình Thành		CTMT	464		183
X	Kim Phụng					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Bản Lanh xã Kim Phụng	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	59		0
XI	Thanh Định					
1	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Cỏ Bính - Nà Chén xã Thanh Định	2008	Quyết định 134/QĐ-TTg	157	200	160
2	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Pài Trận xã Thanh Định	2011	Quyết định 1592/QĐ-TTg	53	200	130
3	Công trình: Cấp nước SHTT xóm Khẩu Rị - Bản Cái xã Thanh Định	2012	Quyết định 1592/QĐ-TTg	83		
4	Công trình cấp nước SHTT xóm Bản Piêng xã Thanh Định	2017	Quyết định 755/QĐ-TTg	35	110	40
XII	Phú Đình					
1	Công trình nước Đèo De xã Phú Đình		Quyết định 134/QĐ-TTg	17		0
2	Công trình nước Đồng Kệ xã Phú Đình	2005	Quyết định 134/QĐ-TTg			92
3	Công trình nước Tân Keo xã Phú Đình	2005	Quyết định 134/QĐ-TTg			0
XIII	Linh Thông					
1	Công trình nước Tân Trào xã Linh Thông	2006	NSNN	458		22
B	Công trình do Tỉnh quản lý		Tổng số 03 Công trình			
1	Công trình nước xã Tân Dương (giếng khoan) (CT tỉnh quản lý)	2009		453		331
2	Công trình nước xã Phúc Chu (CT tỉnh quản lý)	2010		433		367
3	Công trình nước Nà Tắc xã Lam Vỹ (CT tỉnh quản lý)	2009		570		533

PHỤ LỤC 4: CÁC BẢNG TÍNH TOÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Bảng 7.3-1: Tính toán phụ tải sinh hoạt huyện Định Hóa

TT	Đơn vị hành chính	Giai đoạn 2030			Giai đoạn 2045		
		Quy mô	Chỉ tiêu (W/người)	Công suất tính toán (kW)	Quy mô	Chỉ tiêu	Công suất tính toán (kW)
I	Đô thị			15.716,3			21.587,3
1	TT Chợ Chu	38.982	330	12.864,1	53.848	330	17.769,8
2	ĐTM Bình Yên	8.643	330	2.852,2	11.568	330	3.817,4
3	ĐTM Phú Đình	-	-	-	14.333	330	4.729,9
II	Nông thôn	141.376	150	21.206,4	156.253	150	23.438,0
III	Công cộng -Dịch vụ		30%Psh	11.076,8		30%Psh	13.507,6

Bảng 7.3-2: Tính toán phụ tải công nghiệp huyện Định Hóa

TT	Tên phụ tải điện	Công suất đặt (MW)		Hệ số sử dụng	Công suất yêu cầu (MW)	
		Đến 2030	Đến 2045		Đến 2030	Đến 2045
IV	Cụm Công nghiệp			10.000		
1	CCN Kim Sơn	20	200	4.000	20	250
2	CCN Tân Dương	30	200	6.000	30	250
3	Cụm CN quy hoạch mới				100	250

Bảng 7.4-2: Dự báo nhu cầu dùng nước huyện Định Hóa

TT	Phân loại	Quy mô (người)		Tiêu chuẩn (l/người.ngđ)		Nhu cầu lớn nhất(m3/ng.đ)	
		2030	2045	2030	2045	2030	2045
I	Đô thị					4.979	9.590
1	TT Chợ Chu	38.982	53.848	110	130	4.288	7.000
2	ĐTM Bình Yên	8.643	11.568	80	100	691	1.157
3	ĐTM Phú Đình	-	14.333	80	100	-	1.433
II	Nông thôn	141.376	156.253	60	80	8.483	11.805
III	Công cộng			10%Qsh	10%Qsh	1.346,20	2.139,49
IV	Nước tưới cây, rửa đường			8%Qsh	8%Qsh	1.076,96	1.711,59
	KCN, CCN	Diện tích (ha)		Tiêu chuẩn (m3/ha)		Nhu cầu dùng nước (m3/ng.đ)	
		2030	2045	2030	2045	2030	2045
V	Cụm Công nghiệp						
1	CCN Kim Sơn	20	20	20	25	400	500
2	CCN Tân Dương	30	30	20	25	600	750
3	Cụm CN quy hoạch mới		100		25		2.500
VI	Nước dự phòng rò rỉ			15% $\sum(I-V)$	15% $\sum(I-V)$	2.532,78	4.349,40
VII	Nước bản thân nhà máy			5% $\sum(I-VI)$	5% $\sum(I-VI)$	970,90	1.667,27
	Tổng nhu cầu					20.388,9	35.012,6

Bảng 7.5-1: Dự báo lượng nước thải sinh hoạt phát sinh huyện Định Hóa

TT	Loại đô thị	Quy mô (người)		Giai đoạn 2030			Giai đoạn 2045		
		2030	2045	Tiêu chuẩn (l/người.ngđ)	Tỷ lệ thu gom (%)	Lượng nước thải phát sinh (m3/ng.đ)	Tiêu chuẩn (l/người.ngđ)	Tỷ lệ thu gom (%)	Lượng nước thải phát sinh (m3/ng.đ)
I	Đô thị					3.585,2			7.672,3
1	TT Chợ Chu	38.982	53.848	88	90	3.087,4	104	100	5.600,2
2	ĐTM Bình Yên	8.643	11.568	64	90	497,8	80	100	925,4
3	ĐTM Phú Đình	-	14.333	64	90	-	80	100	1.146,6
II	Nông thôn	141.376	156.253	48	80	5.428,8	60	90	8.437,7
III	Công cộng			10% Qsh		901,40	10% Qsh		1.610,99
	Tổng					10.715,5			20.720,9

Bảng 7.5-2: Dự báo lượng nước thải công nghiệp phát sinh huyện Định Hóa

TT	KCN, CCN	Chỉ tiêu (m3/ha.ngày)		Diện tích (ha)		Lượng nước thải CN	
		2030	2045	2030	2045	2030	2045
TT	KCN, CCN	Chỉ tiêu (m3/ha.ngày)	Diện tích (ha)	Lượng nước thải CN	TT	KCN, CCN	Chỉ tiêu (m3/ha.ngày)
2	CCN Tân Dương	2030	2045	2030	30	480	2030
1	CCN Kim Sơn	16	20	20	1	CCN Kim Sơn	16
2	CCN Tân Dương	16	20	30	2	CCN Tân Dương	16

Bảng 11.2-1: Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt huyện Định Hóa

TT	Thành phần	Tỷ lệ thu gom (%)		Tiêu chuẩn (kg/người.ngày)		Quy mô (người)		Nhu cầu (tấn/ngày)	
		2030	2045	2030	2045	2030	2045	2030	2045
I	CTR sinh hoạt đô thị							42,0	69,2
1	TT Chợ Chu	100	100	0,9	0,9	38.982	53.848	35,1	48,5
2	ĐTM Bình Yên	100	100	0,8	0,8	8.643	11.568	6,9	9,3
3	ĐTM Phú Đình	-	100	-	0,8	9.911	14.333	-	11,5
II	CTR sinh hoạt nông thôn	80	90	0,4	0,4	141.376	156.253	56,6	56,3
III	CTR công cộng			10%CTRsh	10%CTRsh			9,9	12,5
IV	CTR xây dựng			25%CTRsh	30%CTRsh			9,1	15,1
	Tổng lượng CTR sinh hoạt							117,5	153,0

Bảng 7.6-2: Dự báo khối lượng chất thải rắn công nghiệp huyện Định Hóa

TT	Thành phần	Tỷ lệ thu gom (%)	Tiêu chuẩn (tấn/ha.ngày)		Quy mô (ha)		Nhu cầu (tấn/ngày)	
			2030	2045	2030	2045	2030	2045
1	CCN Kim Sơn	100	0,3	0,4	20	20	6	8
2	CCN Tân Dương	100	0,3	0,4	30	30	9	12
3	Cụm CN quy hoạch mới	100		0,4		100		40
	Tổng lượng CTR công nghiệp						15	60

Bảng 7.7-2: Dự báo nhu cầu nghĩa trang huyện Định Hóa

Bảng Error! Use the Home tab to apply 0 to the text that you want to appear here.-2

TT	Khu vực	Dân số không tính quy đổi (người)		Chỉ tiêu (ha/1000 dân)	Nhu cầu đất nghĩa trang (ha)	
		2030	2045		2030	2045
I	Đô thị				0,9	1,9
1	TT Chợ Chu	17.895	29.236	0,04	0,7	1,2
2	DTM Bình Yên	5.269	9.599	0,04	0,2	0,4
3	DTM Phú Đình	-	8.427	0,04	-	0,3
II	Nông thôn	81.493	90.295	0,04	3,3	3,6
	Tổng nhu cầu				4,2	5,5

PHỤ LỤC 5: CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Bảng: 11-1

STT	Tên chương trình, dự án	Nguồn vốn	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
A	THUỘC LĨNH VỰC HẠ TẦNG XÃ HỘI			
1.	Mở rộng, nâng cấp bệnh viện đa khoa Định Hóa lên 250 giường bệnh	NS Tỉnh		2021-2030
2.	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Bình Yên (250 giường bệnh)	NS Tỉnh		2031-2045
3.	Đầu tư xây dựng trung tâm văn hoá - thể thao Bình Yên	NS Tỉnh		2031-2045
4.	Mở rộng trường THPT Định Hóa (thêm 0,13ha)	NS Tỉnh		2031-2045
B	THUỘC LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
I	Giao thông			
1.	Xây dựng tuyến đường Hồ Chí Minh (GĐII) - tiêu chuẩn đường cấp III-MN	NS TƯ		2023-2025
2.	Nâng cấp QL.3C đoạn Phú Tiến - Quán Vuông đạt tiêu chuẩn đường cấp IV	NS TƯ		2023-2025
3.	Dự án nâng cấp tuyến đường huyện Bảo Cường - Đồng Thịnh - Bảo Linh từ đường GTNT loại A lên đạt tiêu chuẩn đường cấp VI-MN	NS huyện		2023-2025
4.	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến Ngã 3 Quán Vuông	NS TƯ		2021-2025
5.	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 3 Quán Vuông đến Nhà tường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	NS tỉnh		2021-2025
6.	Đường tránh nội thị thị trấn Chợ Chu	Kêu gọi đầu tư		2023-2030

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

STT	Tên chương trình, dự án	Nguồn vốn	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
7.	Cầu vượt sông Chu sang khu lễ hội Chùa Hang (Đoạn xóm Đồng Mản, xã Bảo Cường)	NS huyện		2025-2030
8.	Nâng cấp tuyến đường liên kết vùng kéo dài từ Khuôn Ngàn, Đại Từ lên ngã ba Bình Yên, Định Hoá (ĐT.264) (dài 25km) đạt tiêu chuẩn đường cấp III-MN	NS Tỉnh		2025-2030
9.	Cải tạo, nâng cấp QL.3C (đoạn từ Quán Vuông Km14 đến Đèo So Km36)	NS TƯ		2025-2030
10.	Nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.264B đạt tiêu chuẩn đường cấp III-MN	NS Tỉnh		2025-2030
11.	Xây dựng tuyến đường tỉnh ĐT.263D (nâng cấp từ đường huyện Yên Trách – Phú Tiến – Cây Sung, dài 4,7km) đạt tiêu chuẩn đường cấp III-MN	NS Tỉnh		2025-2030
12.	Nâng cấp tuyến đường huyện Bình Thành – Phú Đình dài 10km lên thành đường tỉnh, là một phần của trục ngang N2, kết nối 2 tuyến đường tỉnh ĐT.264 và ĐT.264B, quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp III-MN	NS Tỉnh		2025-2030
13.	Mở rộng tuyến Bảo Cường - Đồng Thịnh - Định Biên	NS huyện		2023-2025
14.	Mở rộng tuyến Trung Lương - Đồng Thịnh - Định Biên - Bảo Linh - Thanh Định - Bình Yên	Vốn vay JICA		2023-2025
15.	Mở rộng Đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ - Tân Thịnh	NS huyện		2023-2025
16.	Sửa chữa đường vào điểm du lịch thác Khuôn Tát xã Phú Đình	NS huyện		2021-2025
17.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kim Sơn - Kim Phụng	NS huyện		2025-2030
18.	Xây dựng mới tuyến đường Phúc Chu - Bảo Linh (ĐH.95), quy mô cấp VI-MN, chiều dài 8,58km.			2025-2030

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

STT	Tên chương trình, dự án	Nguồn vốn	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
19.	Hệ thống GT nội thị theo quy hoạch TT Chợ Chu	NS huyện		2025-2030
20.	Nâng cấp bến xe huyện Định Hóa đạt tiêu chuẩn bến xe loại II	NS huyện		2031-2045
21.	Nâng cấp 12 tuyến đường huyện hiện trạng (ĐH.90, ĐH.91, ĐH.92, ĐH.93, ĐH.95, ĐH.96, ĐH.97, ĐH.98, ĐH.99, ĐH90B, ĐH.92B, ĐH.94B) lên đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-MN	NS huyện		2031-2045
22.	Xây dựng mới 6 tuyến đường huyện (ĐH.90A, ĐH.90C, ĐH.91B, ĐH.96A, ĐH.96B, ĐH.97B) tiêu chuẩn đường cấp IV-MN	NS huyện		2031-2045
23.	Xây dựng mới 3 tuyến đường huyện (ĐH.93B, ĐH.94, ĐH.95B), quy mô đường cấp VI-MN.	NS huyện		2031-2045
II	Cấp nước			2023-2025
1.	Xây dựng hồ điều hòa trung tâm và công viên cây xanh thị trấn Chợ Chu	NS huyện		2021-2025
2.	Nâng cấp nhà máy nước Chợ Chu (GĐ1: công suất 2.000m ³ /ng.đêm)	Kêu gọi đầu tư		2023-2025
3.	Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thị trấn Chợ Chu	NS huyện		2023-2025
4.	Nâng cấp nhà máy nước Chợ Chu (GĐ2: công suất 3.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2025-2030
5.	Xây dựng nhà máy cấp nước sinh hoạt Bảo Linh - Chợ Chu (GĐ1: công suất 17.000m ³ /ng.đêm)			2025-2030
6.	Xây dựng nhà máy cấp nước sinh hoạt Phú Đình (GĐ1: công suất 1.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2025-2030
7.	Xây dựng hồ Khuôn Tát xã Phú Đình	Kêu gọi đầu tư		2025-2030
8.	Nâng cấp nhà máy nước Chợ Chu (GĐ3: công suất 4.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

STT	Tên chương trình, dự án	Nguồn vốn	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
9.	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt Bảo Linh - Chợ Chu (GD2: công suất 30.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045
10.	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt Phú Đình (GD2: công suất 2.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045
III	Thoát nước, xử lý nước thải			2023-2025
1.	Hệ thống thoát nước, chống ngập úng khu trung tâm huyện Định Hóa	NS huyện		2023-2025
2.	Xây dựng nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Chợ Chu 1 (công suất 1.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2023-2025
3.	Xây dựng nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Chợ Chu 2 (công suất 1.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2025-2030
4.	Xây dựng nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Bình Yên (công suất 1.500m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2025-2030
5.	Xây dựng nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Phú Đình (công suất 400m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2025-2030
6.	Nâng cấp nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Chợ Chu 1 (GD2: công suất 4.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045
7.	Nâng cấp nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Chợ Chu 2 (GD2: công suất 2.500m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045
8.	Nâng cấp nhà máy xử lý xử lý nước thải sinh hoạt Phú Đình (GD2: công suất 1.000m ³ /ng.đêm)	NS huyện		2031-2045
IV	Xử lý CTR			2023-2025
1.	Nâng cấp khu xử lý chất thải rắn Chợ Chu	NS huyện		2023-2025

THUYẾT MINH ĐỒ ÁN (Dự thảo lấy ý kiến - lần 3)
Quy hoạch xây dựng vùng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045

STT	Tên chương trình, dự án	Nguồn vốn	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
2.	Xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt xã Bình Yên	NS huyện		2025-2030
3.	Xây dựng khu xử lý CTR xã Trung Lương	NS huyện		2025-2030
4.	Xây dựng khu tái chế, xử lý rác thải VLXD, bùn thải	NS huyện		2025-2030
5.	Cải tạo, nâng cấp khu xử lý CTR sinh hoạt xã Phú Đình	NS huyện		2025-2030
6.	Xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt xã Tân Thịnh	NS huyện		2021-2030
7.	Nâng cấp khu xử lý CTR xã Trung Lương	NS huyện		2031-2045
V	Nghĩa trang – Nhà tang lễ			
1.	Dự án Nghĩa trang nhân dân huyện Định Hoá (tại TT. Chợ Chu, diện tích 4,5ha)	NS huyện		2023-2025
2.	Xây dựng nhà tang lễ huyện (cấp II) tại TT. Chợ Chu	NS huyện		2025-2030
3.	Nâng cấp Nghĩa trang nhân dân huyện Định Hoá (tại TT. Chợ Chu) đạt tiêu chuẩn nghĩa trang cấp III, diện tích 10ha.	NS huyện		2031-2045
4.	Xây dựng mới nghĩa trang Cầu Đỏ đạt tiêu chuẩn nghĩa trang cấp IV, diện tích 5,2ha	NS huyện		2031-2045
5.	Xây dựng mới nghĩa trang phía Nam đạt tiêu chuẩn nghĩa trang cấp III, diện tích 11,95ha	NS huyện		2031-2045